Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 10 [Dasaka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN "MƯỜI" (Dasaka-Nipāta)

ii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch là bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN ..... iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. NHỮNG ÍCH LỢI ..... 1 1 (1) Mục Đích Gì 1

2 (2) Sự Cố-Ý 2

3 (3) Giới Hạnh 4

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2) 6

5 (5) Ānanda 6

6 (6) Sự Định Tâm 6

7 (7) Xá-Lợi-Phất 7

8 (8) Niềm Tin 8

9 (9) Bình An 10

10 (10) Những Trí Biết Đích Thực (tam minh) 11

NHÓM 2. NGƯỜI BẢO HỘ..... 13 11 (1) Chỗ Ở 13

12 (2) Năm Yếu Tố 15

13 (3) Những Gông Cùm 16

14 (4) Sự Cằn Cỗi Của Tâm 16

15 (5) Sự Chuyên Chú 20

16 (6) Đáng Được Tặng Quà 22

17 (7) Người Bảo Hộ (1) 22

18 (8) Người Bảo Hộ (2) 24

19 (9) Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (1) (ngắn gọn) 27

20 (10) Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (2) (chi tiết) 28

NHÓM 3. NHÓM LỚN ..... 31 21 (1) Sư Tử..... 31

22 (2) Những Nguyên Lý Học Thuyết 33

23 (3) Thân 34

24 (4) Cunda 37

25 (5) Những Kasiṇa 39

26 (6) Kāḷī 40

27 (7) Những Câu Hỏi Lớn (1)..... 41

28 (8) Những Câu Hỏi Lớn (2)..... 44

29 (9) Kosala (1) 47

30 (10) Kosala (2) 52

NHÓM 4. UPĀLI ..... 55 31 (1) Upāli 55

32 (2) Đình Chỉ 56

33 (3) Sự Phán Quyết 56

34 (4) Truyền Thụ Toàn Bộ Giới 57

35 (4) Sự Nương Dựa 58

36 (6) Sa-Di 59

37 (7) Sự Chia Rẽ (1) 59

38 (8) Sự Chia Rẽ (2) 60

39 (9) Ānanda (1) 60

40 (10) Ānanda (2) 61

NHÓM 5. NHỮNG SỰ MẮNG CHỬI ..... 62 41 (1) Những Tranh Chấp 62

42 (2) Những Gốc Rễ (1) 62

43 (3) Những Gốc Rễ (2) 62

44 (4) Kusinārā..... 63

45 (5) Đi Vào 65

46 (6) Những Người Thích-Ca 67

47 (7) Mahāli 70

48 (8) Những Điều (nên thường quán chiếu) 71

49 (9) Tồn Tại Nhờ Thân..... 72

50 (10) Những Tranh Cãi 72

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 77 NHÓM 1. TÂM CỦA MÌNH ..... 77 51 (1) Tâm Của Mình 77

52 (2) Xá-lợi-phất 78

53 (3) Sự Ngưng Trệ 79

54 (4) Sự Vắng Lặng 80

55 (5) Sự Sa Sút..... 83

56 (6) Những Nhận Thức (1) 85

57 (7) Những Nhận Thức (2) 85

58 (8) Những Gốc Rễ 85

59 (9) Sự Xuất Gia 86

60 (10) Girimānanda 87

viii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

NHÓM 2. CÁC CẶP ĐÔI ..... 92 61 (1) Vô Minh 93

62 (2) Dục Vọng 96

63 (3) Sự Chắc Chắn..... 98

64 (4) Không Lay Chuyển 99

65 (5) Hạnh Phúc (1) 99

66 (6) Hạnh Phúc (2) 100

67 (7) Naḷakapāna (1) 101

68 (8) Naḷakapāna (2) 103

69 (9) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1)..... 104

70 (10) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2)..... 105

NHÓM 3. ƯỚC NGUYỆN ..... 107 71 (1) Ước Nguyện 107

72 (2) Những Gai Nhọn 110

73 (3) Thường Được Ước … 111

74 (4) Sự Tăng Trưởng 113

75 (5) Cô Migasālā 113

76 (6) Không Khả Năng 119

77 (7) Con Quạ 123

78 (8) Những Ni-Kiền-Tử 123

79 (9) Những Căn Cớ (1) 124

80 (10) Những Căn Cớ (2) 124

NHÓM 4. CÁC TRƯỞNG LÃO..... 125 81 (1) Bāhuna..... 125

82 (2) Ānanda 126

83 (3) Ngài Puṇṇiya 126

84 (4) Tuyên Bố 128

85 (5) Người Khoát Lác 130

86 (6) Trí Biết Cuối Cùng 133

87 (7) Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật 136

88 (8) Người Sỉ Nhục 140

89 (9) Kokālika 140

90 (10) Những Sức Mạnh 144

NHÓM 5. UPĀLI ..... 145 91 (1) Người Thụ Hưởng Dục Lạc 145

92 (2) Những Sự Thù Oán 151

93 (3) Sự Thấy (gia chủ Cấp Cô Độc) 154

94 (4) Gia Chủ Vajjiyamāhita..... 157

95 (5) Du Sĩ Uttiya..... 160

96 (6) Du Sĩ Kokanada 162

97 (7) Đáng Được Tặng Quà 164

98 (8) Một Trưởng Lão 167

99 (9) Ngài Upāli 168

100 (10) Không Khả Năng 176

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba] ..... 179 NHÓM 1. NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN ..... 179 101 (1) Những Nhận Thức Của Một Sa-Môn 179

102 (2) Những Yếu Tố Giác Ngộ 179

x • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

103 (3) Đường Sai 180

104 (4) Một Hạt Giống 181

105 (5) Trí Biết Đích Thực 182

106 (6) Phai Mòn 183

107 (7) Dhovana 184

108 (8) Những Thầy Thuốc (thuốc xổ) 186

109 (9) Thuốc Ói 188

110 (10) Tống Bỏ 189

111 (11) Vô Học Nhân (1) 190

112 (12) Vô Học Nhân (2) 190

NHÓM 2. LỄ PACCOROHAṆĪ ..... 191 113 (1) Phi Giáo Pháp (1) 191

114 (2) Phi Giáo Pháp (2) 192

115 (3) Phi Giáo Pháp (3) 193

116 (4) Ajita 196

117 (5) Bà-la-môn Saṅgārava 198

118 (6) Bên Này 200

119 (7) Lễ Paccorohaṇī (1) 200

120 (8) Lễ Paccorohaṇī (2) 202

121 (9) Thứ Dẫn Trước..... 203

122 (10) Những Ô Nhiễm 203

NHÓM 3. THANH LỌC ..... 203 123 (1) Thứ Nhất 204

124 (2) Thứ Hai 204

125 (3) Thứ Ba 204

126 (4) Thứ Tư 204

127 (5) Thứ Năm 204

128 (6) Thứ Sáu..... 205

129 (7) Thứ Bảy..... 205

130 (8) Thứ Tám 205

131 (9) Thứ Chín 205

132 (10) Thứ Mười 205

133 (11) Thứ Mười Một 206

NHÓM 4. TỐT ..... 206 134 (1) Tốt 206

135 (2) 144 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện … 207

NHÓM 5. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN ..... 207 145 (1) Đường Thánh Thiện … 207

146 (2) 154 (10) Đường Sáng … 208

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư] ..... 209 NHÓM 1. NHÓM “NGƯỜI” ..... 209 155 (1) Gặp Gỡ 209

156 (2) 166 (12) Nương Dựa..... 209

NHÓM 2. BÀ-LA-MÔN JĀṆUSSOṆĪ ..... 210 167 (1) Lễ Paccorohaṇī (1) 210

168 (2) Lễ Paccorohaṇī (2) 212

169 (3) Saṅgārava 212

170 (4) Bên Này 213

171 (5) Phi Giáo Pháp (1) 213

172 (6) Phi Giáo Pháp (2) 214

173 (7) Phi Giáo Pháp (3) 218

174 (8) Những Nguyên Nhân Của Nghiệp 219

175 (9) Tránh Bỏ 220

176 (10) Cunda 220

177 (11) Bà-la-môn Jāṇussoṇī 227

NHÓM 3. TỐT ..... 231 178 (1) Tốt 231

179 (2) 188 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện 231

NHÓM 4. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN ..... 232 189 (1) Đường Thánh Thiện 232

190 (2) 198 (10) Đường Sáng 232

NHÓM 5. THÊM NHÓM "NHỮNG NGƯỜI" ..... 233 199 (1) Gặp Gỡ 233

200 (2) 210 (12) Nương Dựa 234

[Năm Mươi Kinh Thêm] ..... 235 NHÓM 1. THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP ..... 235 211 (1) Địa Ngục (1) 235

212 (2) Địa Ngục (2) 238

213 (3) Phụ Nữ 240

214 (4) Nữ Đệ Tử Tại Gia 240

215 (5) Sự Tự Tin 241

216 (6) Bò Trườn..... 241

xiii

217 (7) Cố Ý (1) 244

218 (8) Cố Ý (2) 251

219 (9) Thân Sinh Từ Nghiệp..... 252

220 (10) Hành Vi Trái Với Giáo Pháp 255

NHÓM 2. GIỐNG NHAU 257 221 (1) 257

222 (2) 257

223 (3) 258

224 (4) 258

225 (5) 259

226 (6) 228 (8) 259

229 (9) 260

230 (10) 232 (12)..... 260

233 (13) 260

234 (14) 236 (16)..... 260

NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 261 237 (1) 261

238 (2) 261

239 (3) 261

240 (4) 266 (30)..... 262

267 (31) 746 (510)..... 262

BẢNG VIẾT TẮT ..... 263 CHÚ THÍCH 267

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. NHỮNG ÍCH LỢI

1 (1) Mục Đích Gì Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: (1) “Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành?” (2) “Này Ānanda, mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là (để có được) sự không hối-tiếc.” (3) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự không hối- tiếc?” “Mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc là niềm-vui.” (4) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của niềm-vui?” “Mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ).” (5) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ?” “Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (khinh an).” (6) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tĩnh- lặng?” “Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc, thân lạc).”

(7) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự sướng?” “Mục đích và ích lợi của sự sướng là sự định-tâm (định).” (8) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự định- tâm?” “Mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi

thứ đúng như chúng thực là.” (9) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự-biết và sự- thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là?” “Mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] và sự chán-bỏ.” (10) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ?” “Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm- nhìn của sự giải-thoát.” “Như vậy đó, này Ānanda, (1)–(2) mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là sự không hối-tiếc; (3) mục đích và ích lợi của sự không hối- tiếc là niềm-vui; (4) mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ); (5) mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng (khinh an). (6) mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc); (7) mục đích và ích lợi của sự sướng là định-tâm (định); (8) mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là; (9) mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (10) mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Như vậy, này Ānanda, giới-hạnh thiện lành dẫn dắt tiến dần tới chỗ cao nhất.”1964

2 (2) Sự Cố-Ý (1)–(2) “Này các Tỳ kheo, đối với một người đức-hạnh, hành vi của

•3

người đó là có giới-hạnh, thì không cố dụng sự cố-ý (tư) để: ‘Cầu mong sự không hối-tiếc khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên,1965 rằng sự không hối-tiếc sẽ khởi sinh trong một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh. (3) “Đối với một người không có sự hối-tiếc thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người không có sự hối-tiếc sẽ khởi sinh niềm-vui. (4) “Đối với người được niềm-vui thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có niềm-vui sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ). (5) “Đối với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có tâm hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an). (6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần cố dụng sự cố- ý để: ‘Cầu mong tôi cảm thấy sướng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì cảm thấy sướng (lạc, thân lạc). (7) “Với một người cảm giác sướng thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tâm tôi đạt-định’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một người cảm thấy sướng (thân lạc) thì sẽ đạt định. (8) “Đối với người đạt-định thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Mong sao tôi biết và thấy (tri kiến) mọi sự đúng như chúng thực là’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. (9) “Đối với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và biết chán-bỏ.’ Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ. (10) “Đối với người biết tỉnh-ngộ và biết chán-bỏ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn (minh

kiến) của sự giải-thoát'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. "Như vậy là, này các Tỳ kheo, (10)–(9) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (8) sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là mục đích và ích lợi của sự định-tâm; (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của sự sướng; (5) sự sướng là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự không bị hối-tiếc; và (1) sự không bị hối-tiếc là mục đích và ích lợi của sự (giữ, có được) giới-hạnh. "Như vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đổ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ bên này tới bờ bên kia."1966

3 (3) Giới Hạnh 1967 (I) "Này các Tỳ kheo, (1) với một người thất-đức, người thiếu hụt về giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề (kế trước, kế cận) của nó. Khi không có sự không hối-tiếc, với người thiếu sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có niềm-vui, với người thiếu niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ (hỷ) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự hoan-hỷ, với người thiếu sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tĩnh-lặng, với người thiếu sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sướng (lạc, thân lạc) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự sướng, với người thiếu sự sướng, thì (7) sự định-tâm (định) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự định-tâm, với người thiếu sự định-tâm, thì (8) sự biết và sự thấy (tri kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự biết

•5

và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người thiếu sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và sự chán-bỏ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, thì (10) trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. "Ví dụ một cây thiếu cành và lá. Thì rễ của nó không phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người thất-đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó … … (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. (II) "Này các Tỳ kheo, (1) với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên- nhân cận kề của nó. Khi có sự không hối-tiếc, với người có được sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có niềm-vui, với người có được niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ (hỷ) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự hoan-hỷ, với người có được sự ho- an-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tĩnh-lặng, với người có được sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sướng (lạc, thân lạc) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự sướng, với người có được sự

sướng, thì (7) sự định-tâm (định) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự định-tâm, với người có được sự định-tâm, thì (8) sự biết và sự thấy (tri kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người có được sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và sự chán-bỏ sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, thì (10) trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. “Ví dụ một cây có đủ cành và lá. Thì rễ của nó sẽ phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có

6 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó … … (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó.”

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2) Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: … [Tiếp tục giống kinh 10:03 kế trên, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói] …

5 (5) Ānanda Ở đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: … [Tiếp tục giống hệt nội dung kinh 10:03 kế trên, chỉ khác là kinh này do thầy Ānanda nói] …

6 (6) Sự Định Tâm Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, có phải rằng một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất;1968 (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Người đó có thể, này Ānanda.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

•7

“Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo có nhận-thức (tưởng) như vầy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết- bàn.’1969 Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

7 (7) Xá-Lợi-Phất Lúc đó có Ngài Ānanda đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có phải rằng một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận- thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Người đó có thể, này đạo hữu Ānanda.”

“Nhưng, này đạo hữu, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?” “Này đạo hữu Ānanda, trong một lần khi tôi đang trú ngay ở Sāvatthī này, trong Khu Vườn Của Người Mù. Ở đó tôi đã {chứng đắc một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) tôi không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng tôi vẫn còn có nhận-thức.” “Nhưng trong lúc đó thầy Xá-lợi-phất vẫn còn nhận-thức về cái gì?” “Một nhận-thức đã khởi sinh (sinh) và một nhận-thức khác đã chấm dứt (diệt) trong tôi: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện- hữu là Niết-bàn’.1970 Ví dụ như, một cành củi đang cháy, có một ngọn lửa cháy lên và một ngọn lửa khác chấm dứt; cũng giống như vậy, một nhận- thức đã khởi sinh và một nhận-thức khác chấm dứt trong tôi: ‘Sự chấm- dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’. Này đạo hữu, trong lúc đó, tôi có nhận-thức: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’.”

8 (8) Niềm Tin 1971 (1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin, nhưng người đó thiếu giới-hạnh; như vậy người đó là không hoàn thành (không đầy đủ) về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh?’ Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh, thì người đó là hoàn thành (đầy đủ) về phương diện chi phần đó.

•9

(2) “Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu … (3) có thể được phú cho niềm- tin, có giới-hạnh, có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp … (4) … là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng … (5) … là một

người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng … (6) … là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thạo về giới luật … (7) … là một người thiện thạo về giới luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh … (8) … là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không phải là người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này' … (9) … là một người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này', nhưng không phải là người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó'. "Như vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin … (9) … và cũng là một người "tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này"?' (10) "Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thạo về giới luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa

lánh; (ix) là một người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này'; và (x) là một người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó', thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. "Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm- tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt."

9 (9) Bình An 1972 (1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh … (2) được phú cho niềm-tin và có giới- hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu … (3) … có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp … (4) … là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng … (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng … (6) … là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thạo về giới luật … (7) … là một người thiện thạo về giới luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh … (8) … là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không phải là

người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc (sắc giới), đó là vô-sắc’ (tức những tầng chứng đắc vô-sắc giới) … (9) … là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

• 11

“Như vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin … (9) … và cũng là một người “với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó”?’ (10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới- hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thạo về giới luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh; (ix) là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc’; và (x) là một người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. “Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm- tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt.”

10 (10) Những Trí Biết Đích Thực (tam minh) (1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh … (2) được phú cho niềm-tin và có giới- hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu … (3) … có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp … (4) … là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng … (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng … (6) … là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thạo về giới luật … (7) … là một người

thiện thạo về giới luật, nhưng không phải là người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ, đó là, một lần sinh, hai lần sinh (túc mạng minh) … [như đoạn mẫu (4), kinh 6:02] … Người đó không thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’ … (8) … là một người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ …’, nhưng không phải là người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh) … [như đoạn mẫu (5), kinh 6:02] … và người đó không hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của

mình, như vậy’ … (9) … là một người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người …’ và người hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’. “Như vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin … (10) … và cũng là một người “với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó”?’ (10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới- hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thạo về giới luật; (viii) là một người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ (túc mạng minh) … Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’ … ; (ix) là người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người … và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’; và (x) là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay

trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’ (lậu tận minh), thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. “Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm- tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt.”

NHÓM 2. NGƯỜI BẢO HỘ

11 (1) Chỗ Ở 1973 “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo (I) có được năm yếu-tố để nương dựa vào và (II) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố, thì không bao lâu sau, người đó ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’. (I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố? (1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu- biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) “Người đó hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự chuyên-cần tu.

(3) “Người đó chân thật và cởi mở, người thể hiện đúng như bản thân mình đối với Vị Thầy và những đồng đạo trí hiền của mình. (4) “Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) “Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố. (II) “Và theo cách nào là một chỗ-ở có được năm yếu-tố? (6) “Ở đây, chỗ-ở đó không quá xa [nơi có thể đến để khất thực] cũng không quá gần (ví dụ trên núi hay sơn cốc có thể đi bộ đến làng xóm để khất thực), và nó có (ít nhất) một cách (đường, phương tiện) để đi và về. (7) “Ban ngày không bị nhiều người quấy rầy và ban đêm yên lặng và yên tĩnh. (8) “Ít bị ruồi muỗi, gió mấy, nắng nóng, và những loài rắn rít, bò sát. (9) “Người sống ở đó có thể có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (10) “Ở (vùng) đó có những Tỳ kheo trưởng lão đang sống, là những người có học-hiểu, những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới luật, những người thiện thạo về những điều toát-yếu (đại cương, matika của kinh điển). Người đó thường đến gặp họ để vấn hỏi: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa điều này là gì?’ Rồi nhưng vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn chưa rõ, và xua tan sự bối rối về những luận điểm còn làm bối rối. “Chính theo cách này là một chỗ-ở là có được năm yếu-tố.

• 15

“Khi một Tỳ kheo (I) có được năm yếu-tố này và (II) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố này, thì không bao lâu sau, người đó ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.”

12 (2) Năm Yếu Tố 1974 “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố, thì trong Giáo Pháp và giới luật này người đó được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã toàn vẹn sống đời sống tâm linh. “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ yếu tố tham-dục, sự ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ (năm chướng-ngại). Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo có được đống (uẩn) giới-hạnh của bậc vô-học nhân, đống thiền-định của bậc vô-học nhân, đống trí-tuệ của bậc vô-học nhân, đống sự giải-thoát của bậc vô-học nhân, và đống trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu- tố. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố này và có được năm yếu-tố này, thì trong Giáo Pháp và giới luật này người đó được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã toàn vẹn sống đời sống tâm linh.” Khi tham-dục và sự ác-ý, Sự sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, Sự bất-an, và sự nghi-ngờ Hoàn toàn vắng bóng trong một Tỳ

kheo; Khi một người như vậy có được Giới-hạnh và thiền-định của bậc vô-học nhân,

16 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

Và sự giải-thoát và trí-biết [của bậc như vậy];
Có được năm yếu-tố
Và sau khi đã loại bỏ năm yếu-tố,
Người đó thực sự được gọi là một người toàn-vẹn
Trong Giáo Pháp và giới luật này.

13 (3) Những Gông Cùm "Này các Tỳ kheo, có mười gông-cùm này. Mười đó là gì? Năm gông-cùm thấp hơn (nhẹ hơn; hạ phần kiết sử) và năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử). Và cái gì là năm gông-cùm thấp hơn? (i) Cách-nhìn có danh-tánh cá thể (thân kiến), (ii) sự nghi-ngờ, (iii) sự dính- chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), (iv) tham-dục, và (v) sự ác-ý. Đây là năm gông- cùm thấp hơn. Và cái gì là năm gông-cùm cao hơn? (i) Tham-muốn (cảnh) sắc-giới, (ii) tham-muốn (cảnh) vô-sắc giới, (iii) sự tự-ta (ngã mạn), (iv) sự bất-an, và (v) vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Này các Tỳ kheo, đây là mười gông-cùm."

14 (4) Sự Cằn Cỗi Của Tâm 1975 (A) "Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (I) chưa dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi của tâm và (II) chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự suy-sụt những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng-trưởng đối với người đó. (I) "Và cái gì là năm loại sự cằn-cỗi của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), ngờ vực về Vị Thầy, và không tâm phục về Vị Thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy, ngờ vực về vị thầy, và không tâm phục về vị thầy, và không đặt niềm-tin vào vị thầy, thì tâm

• 17

người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt- thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cỗi thứ nhất của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ. (2)–(5) "Lại nữa, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp … còn nghi ngờ về Tăng Đoàn … còn nghi ngờ về sự tu-tập … bị khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng đối với họ, có ác ý đối với họ. Khi một Tỳ kheo bị khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng đối với họ, có ác ý đối với họ, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt- thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cỗi thứ năm của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ. "Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cằn-cỗi của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ. (II) "Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó chưa xóa sạch? (6) "Ở đây, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc), còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục- vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo còn như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và

chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt- thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ nhất của tâm mà người đó chưa xóa sạch. (7)–(10) “Lại nữa, (7) một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với thân, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó … (8) Người đó còn [không thiếu] tham-dục đối với thể-sắc (hình sắc, vật chất), còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó … (9) Người đó, sau khi ăn uống nhiều đến mức bụng căng đầy, sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ … (10) Người đó sống đời sống tâm linh mà

khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần nào đó, người đó nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới (trì giới) này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, đoàn] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy [lặp lại câu trên] (tâm lý, tư tưởng tu tiên), thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ năm của tâm mà người đó chưa xóa sạch. “Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói-buộc của tâm mà người đó chưa xóa sạch.” “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi của tâm và chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày tới hay đêm tới, chỉ có sự suy-sụt những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng-trưởng đối với người đó. Giống như trong hai tuần trời tối dần (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ suy-giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi của tâm … chỉ có sự suy-sụt những phẩm chất thiện … đối với người đó. (B) “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (I) đã dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi của tâm và (II) đã xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm,1976 thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không có sự suy-sụt đối với người đó. (I) “Và cái gì là năm loại sự cằn-cỗi của tâm mà người đó đã dẹp bỏ? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), không ngờ vực về Vị Thầy, và tâm phục về Vị Thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo không còn nghi ngờ như vậy về Vị Thầy, không ngờ vực về vị thầy, và tâm phục về vị thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy, thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-

trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cỗi thứ nhất của tâm người đó đã dẹp bỏ. (2)–(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Giáo Pháp … không còn nghi ngờ về Tăng Đoàn … không còn nghi ngờ về sự tu-tập … không còn khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng đối với họ, không có ác ý đối với họ. Khi một Tỳ kheo không còn khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng đối với họ, đầy thiện ý đối với họ, thì tâm người đó ngã hướng sự

nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cỗi thứ năm của tâm mà người đó đã dẹp bỏ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cằn-cỗi của tâm mà người đó đã dẹp bỏ. (II) “Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó đã xóa sạch? (6) “Ở đây, một Tỳ kheo không còn tham-dục đối với những khoái- lạc giác quan (dục lạc), không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục- vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo không còn như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên- trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ nhất của tâm mà người đó đã xóa sạch. (7)–(10) “Lại nữa, (7) một Tỳ kheo không còn tham-dục đối với thân, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó … (8) Người đó không còn tham-dục đối với thể-sắc, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó … (9) Người đó không ăn uống nhiều đến mức bụng căng đầy, sau khi ăn không sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ … (10) Người đó không sống đời sống tâm linh với khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần nào đó,

người đó không nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới (trì giới) này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, đoàn] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy [lặp lại câu trên] (không có tâm lý, tư tưởng tu tiên), thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ- lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ năm của tâm mà người đó đã xóa sạch. “Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói-buộc của tâm mà người đó đã xóa sạch.” “Nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi của tâm và đã khéo xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày tới hay đêm tới, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Giống như trong hai tuần trời sáng dần (đầy lên), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cằn-cỗi này của tâm và đã khéo xóa bỏ năm sự trói-buộc này của cái tâm, thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó.”

15 (5) Sự Chuyên Chú (1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận- thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài.1977 Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện đều bắt rễ từ sự chuyên-chú và hội tụ ở sự chuyên- chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là bậc nhất trong số chúng.

(2) “Giống như những dấu chân của mọi loài biết đi đều lọt lòng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên- chú là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. (3) “Giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu (nắm đầu) trong số chúng. Cũng giống như vậy … (4) “Giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy … (5) “Giống như trong tất cả loại gỗ lõi có hương thơm, gỗ cây chiên- đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy … (6) “Giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy … (7) “Giống như tất cả những hoàng tử nhỏ là hạ thần của vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là đứng đầu trong số họ. Cũng giống như vậy … (8) “Giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, cho nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy … (9) “Giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là đứng đầu trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy …

(10) Giống như, cho dù có những sông lớn tới mức nào—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—tất cả đều hướng ra, nghiêng ra, đổ ra, và chảy ra phía đại dương, và đại dương được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.”

16 (6) Đáng Được Tặng Quà 1978 “Này các Tỳ kheo, mười loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Mười đó là gì? Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; một vị Phật Duyên Giác; người được giải-thoát về cả hai phương diện; người được giải-thoát nhờ trí-tuệ; người thân chứng; người chứng đắc (tới) chánh-kiến (tức bậc Nhập-lưu); người được giải-thoát bằng niềm-tin ; người tu theo Giáo Pháp (căn trí); người tu theo niềm-tin (căn tín); và người họ tộc. Đây là mười loại người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

17 (7) Người Bảo Hộ (1) “Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Có mười phẩm-chất này có vai trò như một người bảo hộ.1979 Mười đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi

nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó

• 23

Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh … tu tập theo những điều luật đó, nên đây là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều … đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Và một Tỳ kheo là dễ tu sửa … và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là giỏi khéo và siêng năng … nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ thuộc về Giáo Pháp và giới luật.1980 Vì một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp … nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực … không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài-lòng … với chu cấp cho người bệnh, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm … và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu, nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là có trí … nên đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một

người bảo hộ. “Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Một người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ.”

18 (8) Người Bảo Hộ (2) “Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Có mười phẩm chất này có vai trò như một người bảo hộ. Mười đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-

• 25

tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có giới-hạnh. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên (về tuổi hạ) đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với người đó, nên chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã học-hiểu nhiều và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ

26 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những

công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là khéo giỏi và siêng năng … thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới luật. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó, tràn đầy niềm-vui cao độ thuộc về Giáo Pháp và giới luật’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã phát khởi sự nỗ-lực … không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự biết hài-lòng … với chu cấp cho người

bệnh’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có chánh- niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu’, những Tỳ kheo trưởng lão … đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn … chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. (10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ (để) nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có trí; có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với người đó, nên chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy-sụt đối với người đó. Đây cũng là một phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ. “Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm-chất có vai trò như một người bảo hộ.”

19 (9) Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (1) (ngắn gọn) “Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú. 1981 Mười đó là gì? “Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu-

tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ. Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

20 (10) Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (2) (chi tiết) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru gần một thị trấn của họ tên là Kammāsadamma. Ở đó đức Thế Tôn đã gọi các Tỳ kheo. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú. Mười đó là gì? “Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu- tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ. (1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ (năm chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự buồn- ngủ và đờ-đẫn, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác). Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà

an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi cảm thấy một tiếp-xúc bằng thân, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.1982 Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố. (3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có duy nhất một người canh-gác? Ở đây, một Tỳ kheo có được một cái tâm được canh gác bởi sự chánh- niệm. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có duy nhất một người canh- gác. (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp? Ở đây, sau khi suy xét (quán chiếu), một Tỳ kheo (khi sống tu) có thứ biết nên sử- dụng, có thứ biết nên kiên-nhẫn chịu đựng, có thứ biết nên tránh-né, và có thứ biết

nên xua-tan (loại bỏ). Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’? (tức những sự thật do cá nhân mình chấp, nghĩ, suy đoán chứ không phải sự thật chân lý). Ở đây, mọi ‘sự thật thuộc cá nhân’ tầm thường có thể được nắm chấp bởi những tu sĩ và bà-la-môn tầm thường— như, ‘Thế gian là bất diệt’ hay ‘Thế gian không phải là bất diệt’; ‘Thế gian là hữu hạn’ hay ‘Thế gian là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là hai thứ khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã giục bỏ và xua tan tất cả những điều (suy đoán) đó, đã trừ bỏ chúng, đã tống khứ chúng, đã buông bỏ chúng, đã dẹp bỏ và từ bỏ chúng. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm-kiếm những khoái-lạc giác quan

(dục lạc) và sự tìm kiếm sự hiện-hữu và đã ngưng sự tìm-kiếm đời sống tâm linh. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm- kiếm. (7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý-định của mình? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ý định nhục-dục, ý định ác-ý, và ý định làm-hại. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý- định. (8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm tĩnh lặng hành-vi của thân (làm khinh an thân hành)? Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng- khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui- buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã làm tĩnh lặng hành-vi thân. (9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát trong tâm? Ở đây, tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát khỏi tham, sân, si. Chính theo cách này là một Tỳ kheo được khéo giải-thoát trong tâm. (10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được: ‘Tôi đã dẹp bỏ tham, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Tôi đã dẹp bỏ sân … Tôi đã dẹp bỏ si, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã kéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, những bậc thánh nào trong quá khứ đã cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong tương lai sẽ cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong hiện tại cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này.

“Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

NHÓM 3. NHÓM LỚN

21 (1) Sư Tử “Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của muôn thú, ra khỏi nơi trú ẩn của nó, rướn thân mình, quan sát bốn phía xung quanh, và cất tiếng gầm sử sư tử ba lần. Sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. Vì lý do gì? [Với ý nghĩ:] ‘Để ta không gây hại cho những con vật nhỏ có thể đụng phải trên đường ta đi.’ “Này các Tỳ kheo, ‘sư tử’ là một cách (chữ) để chỉ Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Khi Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng, đó là tiếng gầm sư tử của Như Lai. “Này các Tỳ kheo, có mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì?1983 (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là. Vì Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, nên đây là một năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (2) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp quá khứ, hiện tại, và tương lại tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là. Vì Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp …’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai

có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (3) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘những đường-lối dẫn tới mọi nơi’ đúng như chúng thực là.1984 Vì Như Lai ‘những đường-lối dẫn tới mọi nơi’ đúng như chúng thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma (4) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘thế-giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là’.1985 Vì Như Lai hiểu được ‘thế- giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brah- ma. (5) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt (đa dạng) về tính-khí của những chúng sinh’ đúng như nó thực là.1986 Vì Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt về tính-khí của những chúng sinh’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma. (6) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’.1987 Vì Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma. (7) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiền định, những sự giải-thoát, những sự định- tâm, và những sự chứng-định (siêu định, như ‘diệt thọ tưởng định’…). Vì Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra những tầng thiền định …’ nên đây cũng là

năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

• 33

(8) “Lại nữa, Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là: một lần sinh, hai lần sinh … [giống kinh 6:2, đoạn (4)] … Như Lai nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Vì Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình … với những tổng quan và chi tiết như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (túc mạng minh) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (9) “Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, Như Lai nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … [giống kinh 6:2, đoạn (4)] … và Như Lai hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Vì Như Lai … hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (thiên nhãn minh) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (10) “Lại nữa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Như Lai an trú trong đó. Vì Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ … nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai (lậu tận minh) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. “Này các Tỳ kheo, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma.”

22 (2) Những Nguyên Lý Học Thuyết Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

34 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

“Này Ānanda, ta tuyên bố mình tự-tin về những điều (những pháp) dẫn tới sự chứng-ngộ bằng sự trực-tiếp biết về nhiều loại nguyên lý học thuyết khác nhau,1988 [và do vậy ta có thể] chỉ dạy Giáo Pháp cho nhiều loại người khác nhau theo những cách khác nhau để cho một người thực hành đúng theo đó sẽ biết ‘thứ gì hiện hữu là nó hiện hữu và thứ gì không hiện hữu là nó không hiện hữu’; để cho người đó biết ‘thứ gì thấp hèn là thấp hèn và thứ gì siêu phàm là siêu phàm’; để cho người đó biết ‘thứ gì có thể vượt trên là có thể vượt trên (chưa vô thượng) và thứ gì không thể vượt trên là không thể vượt trên (vô thượng)’; để có thể rằng một người sẽ biết, thấy, và chứng ngộ điều này (đúng thực) chỉ như nó được biết, được thấy, và được chứng ngộ. “Nhưng, này Ānanda, trong số những sự-biết này có điều này là vô thượng, đó là: ‘sự-biết về những điều này và những điều kia đúng như chúng thực là’.1989 Và, ta nói rằng, không có loại sự-biết nào cao hơn hay siêu xuất hơn loại sự-biết này. “Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị

trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì? [Tiếp tục 10 điều giống kinh 10:21 kế trên] ...

"Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma."

23 (3) Thân "Này các Tỳ kheo, có những điều nên được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói. Có những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân. Có những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.1990

• 35

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng thân (thân nghiệp thiện, hành động thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vầy: 'Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng thân. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân (thân ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của thân (thân thiện hành).' Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân và tu dưỡng những hành- vi thiện lành của thân. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói. "Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói (khẩu nghiệp thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vầy: 'Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của lời-nói (khẩu ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói (khẩu thiện hành).' Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành- vi sai trái của lời-nói và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân. "Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ? Tham thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Sân ... Si ... Sự tức- giận ... Sự hung-dữ ... Sự chê-bai ... Sự xấc-xược ... Sự keo-kiệt thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. "Sự ác-ghen1991, này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-ghen? Ở đây, một gia chủ [hay con trai của

gia chủ] đang phát đạt về sự giàu có và lúa gạo, về vàng bạc. Một nô lệ hay người ở nghĩ về ông ta: 'Cầu cho ông gia chủ này không phát đạt về sự giàu có, hay lúa gạo, hay vàng bạc!' Hoặc khi một tu sĩ hay bà-la-môn nào đó có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, hay

thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một tu sĩ hay bà-la-môn khác nghĩ về người đó: 'Cầu cho ông đó không có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh!' Đây được gọi là sự ác-ghen. Sự ác-ghen thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. "Sự ác-dục (ác tham), này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-tham? Ở đây, một người, một người không có niềm-tin mà muốn được 'người ta coi mình là được phú cho niềm-tin'. Một người thất-đức mà muốn được 'người ta coi mình là đức- hạnh.' Một người ít học-hiểu mà muốn được 'người ta coi mình là đã học-hiểu nhiều.' Một người thích gặp-gỡ giao lưu mà muốn được 'người ta coi mình là sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần)'. Một người lười-biếng mà muốn được 'người ta coi mình là nỗ-lực (tinh tấn)'. Một người có tâm mờ-rối mà muốn được 'người ta coi mình là có chánh-niệm'. Một người không đạt-định mà muốn được 'người ta coi mình là đạt-định'. Một người vô trí mà muốn được 'người ta coi mình là trí-tuệ.' Một người có những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt mà muốn được 'người ta coi mình là đã tiêu diệt ô-nhiễm.' Đây được gọi là sự ác-dục. Sự ác-dục thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. (a) "Này các Tỳ kheo, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn; nếu sân … si … sự tức-giận … sự hung-dữ … sự chê-bai … sự xấc-xược … sự keo-kiệt … sự ác-ghen … sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn,1992 thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và cứ tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân … không có

si … không có sự tức-giận … không có sự hung-dữ … không có sự chê- bai … không có sự xấc-xược … không có sự keo-kiệt … không có sự ác- ghen … không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục chi phối vị ấy và cứ tiếp diễn.' (b) "Này các Tỳ kheo, nếu tham không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn; nếu sân … si … sự tức-giận … sự hung-dữ … sự chê-bai … sự xấc-xược … sự keo-kiệt … sự ác-ghen … sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân … không có si … không có sự tức-giận … không có sự hung-dữ … không có sự chê-bai … không có sự xấc-xược … không có sự keo-kiệt … không có sự ác-ghen … không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục không chi phối vị ấy và không tiếp diễn.'"

24 (4) Cunda Trong một lần có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đang sống giữ xứ dân Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã gọi các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!" "Dạ, đạo hữu!", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Cunda nói điều này: (I) "Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này'.1993 Tuy nhiên, nếu tham vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn;1994 nếu sân … si … sự tức-giận … sự hung-dữ … sự chê-bai … sự xấc-xược … sự keo-kiệt … sự ác-ghen … sự ác-dục vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên

được hiểu như vầy: 'Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xấc-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự

ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.' - "Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ'. Tuy nhiên, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn; nếu tham ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.' -- "Giả sử có một người nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả. --- "Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ'. Tuy nhiên, nếu tham ... sự ác- dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì người đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... không có sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.' (II) "Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này'. Nếu tham không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xấc-xược ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xấc-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục không chi phối vị ấy và không duy trì tiếp

diễn.' - "Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ'. Nếu tham ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục, vì vậy tham ... sự ác-dục không chi phối vị đó và không uy trì tiếp diễn.' -- "Giả sử có một người giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả. --- "Cũng giống như vậy,

này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: 'Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ'. Nếu tham … sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì người đó nên được hiểu như vầy: 'Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham … không có sự ác-dục; vì vậy tham … sự ác-dục không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn.'"

25 (5) Những Kasiṇa "Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở (xứ) kasiṇa này.1995 Mười đó là gì? Một người nhận thức kasiṇa đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng.1996 Một người nhận thức kasiṇa nước … kasiṇa lửa … kasiṇa khí … kasiṇa xanh … kasiṇa vàng … kasiṇa đỏ … kasiṇa trắng … kasiṇa không gian … kasiṇa thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở kasiṇa."

26 (6) Kāḷī Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống ở xứ dân Avantī, trên Núi Pavatta ở Kuraraghara. Lúc đó có một đệ tử tại gia nữ tên Kāḷī ở Kuraraghara đã đến gặp thầy ấy, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa:1997 "Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong phần 'Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ':1998 'Sau khi đã chinh phục đạo quân của sự sung-sướng và thích-thú, Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra niềm chân-phúc, Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim. Bởi vậy ta không tạo sự trói-buộc thân thiết với người khác, Cũng không thân cận với bất cứ ai có cơ hội với với ta.' "Thưa thầy, theo cách nào để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy?" "Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về kasiṇa đất là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ.1999 Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về kasiṇa đất là tối thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu,2000 sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự- biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự- biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục- tiêu, sự bình-an của trái tim. "Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về kasiṇa nước … kasiṇa lửa … kasiṇa khí … kasiṇa xanh … kasiṇa vàng … kasiṇa đỏ … kasiṇa trắng … kasiṇa không gian … kasiṇa thức là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ. Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về kasiṇa đất là tối thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của

vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim. "Vậy đó, này chị, chính theo cách này để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn trong phần 'Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ' như vầy: 'Sau khi đã chinh phục đạo quân của sự sung-sướng và thích-thú, Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra

niềm chân-phúc, Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim. Bởi vậy ta không tạo sự trói-buộc thân thiết với người khác, Cũng không thân cận với bất cứ ai có cơ hội với với ta.'

27 (7) Những Câu Hỏi Lớn (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi ý này đã xảy đến với những Tỳ kheo đó: "Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Sāvatthī. Vậy chúng ta hãy ghé đến khu ở của những du sĩ giáo phái khác." Rồi những Tỳ kheo đó đã ghé đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Họ chào hỏi qua lại với những du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ đã nói với họ: "Này các thiện hữu, sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của ông theo cách như vầy: 'Này các Tỳ kheo, hãy trực-tiếp (tự mình) biết tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp).2001 Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.'2002 Chúng tôi cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của chúng tôi theo cách như vậy: 'Này các đạo hữu, hãy trực- tiếp (tự mình) biết tất cả mọi hiện-tượng. Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.' Giờ cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa sự chỉ dạy của sa-môn Cồ-đàm và sự chỉ dạy của chúng

tôi, giữa sự chỉ dẫn của ông ta và sự chỉ dẫn của chúng tôi?" Rồi, những Tỳ kheo không tán đồng cũng không phản đối lời nói của những du sĩ đó. Không tán đồng, không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, [họ nghĩ rằng]: "Chúng ta nên tìm hiểu đức Thế Tôn sẽ nói gì về điều này." Rồi, sau khi những Tỳ kheo đó đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: [kể lại toàn bộ câu chuyện cho Phật nghe] …

"Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, họ nên được trả lời theo cách này: 'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một.2003 Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai … Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.' (nguyên gốc ghi đủ từ một tới mười). Nếu những du sĩ khác đạo được hỏi như vầy, họ sẽ không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ gặp phải sự ưu sầu. Vì lý do gì? Bởi vì đó không nằm trong lãnh vực của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy một ai, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, là người có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một sự trả lời cho những câu hỏi này ngoài Như Lai hay một đệ tử của Như Lai hay một người đã nghe sự trả lời đó từ họ (từ Như Lai hay đệ tử Như Lai). (1) "'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một': khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy?2004 Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ (không còn mê-muội) về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn giải-thoát khỏi nó, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của nó (hạn định, sự hạn chế, sự giới hạn, sự phân hạn, sự phân giới), và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này,

người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất.’2005 Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều này … thì ngay trong kiếp này, người đó làm

• 43

nên sự diệt-khổ. “‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy. (2) “‘Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: … Hai điều đó là gì? ‘Danh và sắc’ … (3) “‘Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: … Ba điều đó là gì? ‘Ba loại cảm-giác’2006 … (4) “‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: … Bốn điều đó là gì? ‘Bốn loại dưỡng-chất’2007 … (5) “‘Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: … Năm điều đó là gì? ‘Năm-uẩn bị dính-chấp’ (năm thủ uẩn) … (6) “‘Một câu hỏi về sáu, một tuyên bố rõ gọn về sáu, một sự giảng giải về sáu’: … Sáu điều đó là gì? ‘Sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong’ (sáu nội xứ; như sáu giác quan) … (7) “‘Một câu hỏi về bảy, một tuyên bố rõ gọn về bảy, một sự giảng giải về bảy’: … Bảy điều đó là gì? ‘Bảy trạm-trú của thức’2008 … (8) “‘Một câu hỏi về tám, một tuyên bố rõ gọn về tám, một sự giảng giải về tám’: … Tám điều đó là gì? ‘Tám tình trạng thế tục.’ (tám thói đời)2009 … (9) “‘Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: … Chín điều đó là gì? ‘Chín cõi chúng sinh’2010 … (10) “‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ với mười điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn giải-thoát khỏi chúng, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? ‘Mười đường nghiệp bất thiện’.2011 Khi một Tỳ kheo hoàn toàn

tỉnh-ngộ về mười điều này … thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. “‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

28 (8) Những Câu Hỏi Lớn (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kajaṅgalā trong khu Rừng Tre. Lúc đó có một số đệ tử tại gia tử Kajaṅgalā đã đến gặp một Tỳ kheo ni từ vùng Kajaṅgalā,2012 kính lễ ni, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa thánh ni [thánh sư cô], điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài ‘Những Câu Hỏi Lớn’: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một. Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai … Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’ (nguyên gốc ghi đủ từ một tới mười) Thưa thánh ni, theo cách nào để hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn?” “Này các thiện hữu, tôi chưa từng nghe và học được điều này khi có mặt đức Thế Tôn, tôi cũng không nghe và học được điều này khi có mặt những Tỳ kheo đáng kính (tức không nghe từ Phật hay Tỳ kheo nào nói).

Tuy nhiên, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng khi tôi giải thích ý nghĩa theo như tôi hiểu.” “Dạ, thưa thánh ni”, những đệ tử tại gia vùng Kajaṅgalā đáp lại. Tỳ kheo ni từ vùng Kajaṅgalā đã nói điều này: (1) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo [hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn (hạn định, sự hạn chế, sự giới hạn, sự phân hạn, sự phân giới) của nó, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong

• 45

kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất’. Khi một Tỳ kheo [hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều này, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của nó, hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. “‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy. (2) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: … Hai điều đó là gì? ‘Danh và sắc’ … (3) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: … Ba điều đó là gì? ‘Ba loại cảm-giác’ … (4) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo {có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,}2013 hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Bốn đó là gì? ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’. Khi một Tỳ kheo {có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều này} … thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. “‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ về (bốn) điều này nên nó được nói ra như vậy. (5)-(8) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: … Năm điều đó là gì? ‘Năm căn’2014 … Sáu đó là gì? ‘Sáu yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi’.2015 … Bảy đó là gì? ‘Bảy chi giác-ngộ’ … Tám đó là gì? ‘Con đường tám phần thánh thiện’ … (9) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo [hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn được giải-thoát khỏi chúng,] hoàn toàn

nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Chín điều đó là gì? ‘Chín cõi chúng sinh’. Khi một Tỳ kheo [hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. (10) “‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ

kheo {có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về mười điều,} hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? 'Mười đường nghiệp thiện' Khi một Tỳ kheo {có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. "'Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười': do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy. "Vậy đó, này các thiện hữu, khi điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài 'Những Câu Hỏi Lớn': 'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một … Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.', thì theo cách như vậy tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn. Nhưng, nếu quý vị muốn, quý vị có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Khi đức Thế Tôn trả lời cho quý vị, quý vị nên lưu nhớ trong tâm." Sau khi nói "Dạ, thưa thánh ni", những đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ ni, đi vòng ra giữ ni ấy ở hướng bên phải họ (và đi ra). Và họ đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với

• 47

Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. [Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này các gia chủ! Tỳ kheo ni từ Kajaṅgalā là có trí, có trí-tuệ lớn lao. Nếu quý vị có đến gặp ta và hỏi ta về vấn đề này, ta cũng trả lời chính xác như Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã trả lời. Đó là ý nghĩa của điều đó, và đó là cách các vị nên lưu nhớ trong tâm."

29 (9) Kosala (1) (1) "Này các Tỳ kheo, dù xứ Kāsi và Kosala (Kiều-tất-la) có rộng lớn tới đâu, dù lãnh cõi của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala có rộng lớn tới đâu, thì trong đó Vua Pasenadi của xứ Kosala cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với Vua Pasenadi: (luôn) Có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê-muội) với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn (mà không biết tỉnh-ngộ, không biết chán-bỏ). (2) "Này các Tỳ kheo, dù mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu ánh sáng khắp muôn phương có xa tới đâu, thì hệ một ngàn thế giới sẽ xa tới đó.2016 Trong hệ một ngàn thế giới có 1.000 mặt trăng, 1.000 mặt trời, 1.000 núi Sineru (Tu-di), vua của những ngọn núi, 1.000 cõi Aparago- yāna, 1.000 cõi Uttarakuru, 1.000 cõi Pubbavideha, và 1.000 tứ hải (bốn đại dương); 1.000 tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), 1.000 cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, 1.000 cõi trời Tāvatiṃsa (Đao-lợi), 1.000 cõi trời Yāma (Dạ-ma), 1.000 cõi trời Tusita (Đâu-suất), 1.000 cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên), 1.000 cõi trời của những thiền thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên), 1.000 cõi trời brahmā (phạm thiên). Này các Tỳ kheo, dù cho hệ một ngàn thế giới này có rộng lớn tới đâu, thì trong đó vua trời Đại Brahmā (Mahābrahmā, Đại phạm-thiên) cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với vua

trời Đại Brahmā: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên

tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (3) “Này các Tỳ kheo, rồi đến một thời thế giới này tan hoại. Khi thế gian này đang tan hoại, chúng sinh phần lớn di cư tới (cõi trời) những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (Quang âm thiên). 2017 Họ hiện hữu (với thân được làm) bằng-tâm, được nuôi sống bằng sự hoan-hỷ, tự phát sáng, phi hành trong không trung, sống trong hào quang, và họ ở đó trong một thời gian đại đại thọ. Khi thế gian này đang tan hoại, thì những thiên thần chiếu hào quang thành dòng được xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những thiên thần đó: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay- đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (4) “Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở (xứ) kasiṇa này. Mười đó là gì? Một người nhận thức kasiṇa đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Một người nhận thức kasiṇa nước … kasiṇa lửa … kasiṇa khí … kasiṇa xanh … kasiṇa vàng … kasiṇa đỏ … kasiṇa trắng … kasiṇa không gian … kasiṇa thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở kasiṇa.”2018 Trong mười cơ-sở kasiṇa, thì một người tu nhận thức kasiṇa thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng thì được gọi là bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người nhận thức như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (5) “Này các Tỳ kheo, có tám ‘cơ-sở để vượt trên’ (vượt thoát) này.2019 Tám đó là gì? (i) “Người có nhận thức [có sự hiểu tốt; giác tri] về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận-thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ nhất.

(ii) “Người có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ hai. (iii) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ ba. (iv) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ tư. (v) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ năm. (vi) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy

những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'. Đây là 'cơ-sở để vượt trên' thứ sáu. (vii) "Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'. Đây là 'cơ-sở để vượt trên' thứ bảy. (viii) "Một người {không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'.} Đây là 'cơ-sở để vượt trên' thứ

tám. "Đây là tám 'cơ-sở để vượt trên'. Trong tám 'cơ-sở để vượt trên' đó, thì một người (thứ 8) {không có nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng, và sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'.} là bậc nhất. Có những chúng sinh là người có nhận thức theo cách như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người có nhận thức theo cách (bậc nhất) như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (6) "Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu-tập này.2020 Bốn đó là gì? (i) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (ii) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (iii) kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (iv) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập. Trong bốn kiểu này, kiểu tu (iv) sướng và nhanh trí-biết trực tiếp là bậc nhất. Có những chúng sinh tu tập theo kiểu (iv) như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người tu tập theo kiểu tu (bậc nhất) như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (7) "Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu nhận-thức này. Bốn đó là gì? (i) Một người nhận-thức cái gì là hữu-hạn; (ii) có người nhận thức cái gì là bao-la [được khuếch đại, mở rộng]; (iii) có người nhận thức cái gì là vô- lượng, và (iv) có người [nhận thức] sự 'không có gì', tức nhận thức vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không].2021 Đây là bốn kiểu nhận-thức. Trong bốn kiểu nhận-thức này, một người, khi [nhận thức] sự 'không có gì', nhận thức vô sở hữu xứ là bậc nhất. Có những chúng sinh nhận-thức theo kiểu (iv) như vậy. Nhưng ngay cả đối với một người là người nhận thức theo

cách (bậc nhất) như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (8) "Này các Tỳ kheo, trong những quan-điểm do suy đoán mà những người ngoài đạo nắm giữ, thì cách-nhìn ['Lẽ ra nó không có, và lẽ ra nó không là cái "của-ta"; (và giờ) nó

sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là cái "của-ta".]2022 là bậc nhất. Vì có thể trông đợi người nắm giữ một cách- nhìn như vậy sẽ bị chán-chường bởi 'sự (tiếp tục) hiện-hữu' và sẽ không bị nản-chí bởi 'sự chấm-dứt sự hiện-hữu'.2023 Có những chúng sinh nắm giữ một cách-nhìn như vậy. Nhưng ngay cả đối với chúng sinh nắm giữ một cách-nhìn (bậc nhất) như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh- ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (9) "Này các Tỳ kheo có một số tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố 'sự thanh-lọc tối thượng'.2024 Trong những người tuyên bố 'sự thanh-lọc tối thượng', thì người tu: ['Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ'] là bậc nhất. Họ chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới trí-biết trực tiếp và dẫn tới sự chứng ngộ (cảnh xứ) này. Có những chúng sinh là người khẳng định điều như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người khẳng định điều (bậc nhất) như vậy: (luôn) Có có sự biến-đổi; (luôn) có sự thay-đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn. (10) "Này các Tỳ kheo, có một số tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố 'Niết- bàn tối thượng ngay trong kiếp này'.2025 Trong số những người tuyên bố 'Niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này', thì bậc nhất chính là người tu {có được 'sự giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp sau khi người đó đã nhìn thấy sự khởi-sinh, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự

thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu giác quan)', đúng như chúng thực là'}. "Này các Tỳ kheo, mặc dù ta khẳng định và tuyên bố [giáo lý của ta] theo cách như vậy, nhưng một số tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch ta một cách không đúng thực, không căn cứ, sai giả, và sai trái, [họ nói rằng]: 'Sa-môn Cồ-đàm đã không tuyên bố sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác quan (dục lạc), sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc, hay sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.' Nhưng, này các Tỳ kheo, ta đã tuyên bố sự hoàn- toàn hiểu những khoái-lạc giác quan, sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc, và sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác. Ngay trong kiếp này, đã hết thèm khát, đã giải cơn khát, và đã nguội mát, ta tuyên bố Niết-bàn cuối cùng thông qua sự không-còn dính-chấp."2026

30 (10) Kosala (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Pa- senadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã trở về từ chiến trận, chiến thắng, mục-đích của ông đã đạt được.2027 Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã lên đường tới tịnh xá. Ông ta đi bằng xe ngựa tới chỗ xe không còn đi được, rồi ông xuống xe và đi bộ vào tịnh xá. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi tới đi lui ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp những Tỳ kheo đó và hỏi họ: "Thưa quý thầy, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang ở đâu? Vì con muốn gặp mặt đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác." "Thưa đại vương, kia là chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Hãy đến đó một cách yên lặng. Đừng hấp tấp, bước vào trước cửa, thông cổ họng (tằng hắng), và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đại vương." Rồi, Vua Pasenadi xứ

Kosala đi yên lặng tới chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Không hấp tấp, ông bước vào trước cửa, thông cổ

• 53

họng, và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn đã mở cửa. Rồi Vua Pasenadi xứ Kosala bước vô trong chỗ-ở, lễ lạy với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, hôn và xoa hai tay lên hai bàn chân của đức Thế Tôn, và tự xưng: "Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala! Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala!"2028 "Những, này đại vương, những lý-do nào mà ngài thể hiện sự tôn- vinh tối thượng đối với thân này và thể hiện lòng mến-mộ như vậy?" "Thưa Thế Tôn, đó là vì sự biết ơn và sự cảm ơn của con nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với đức Thế Tôn. (1) "Bởi vì, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn đang thực hành vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người; đức Thế Tôn đã thiết lập nhiều người trong phương-pháp thánh thiện, đó là, trong (theo) cách của Giáo Pháp tốt lành, trong cách của Giáo Pháp thiện lành.2029 Đây là một lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy. (2) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là có giới-hạnh, thuộc giới- hạnh toàn thiện, thuộc giới-hạnh thánh thiện, thuộc giới-hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (3) "Lại nữa, từ lâu đức Thế Tôn đã là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi-ở xa lánh trong rừng hoang và rừng rậm. Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (4) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (5) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng

được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (6) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể nghe những sự đàm đạo liên quan tới đời sống thanh bần đưa đến sự mở-thoát trái tim, đó là, sự đàm đạo về sự ít tham- muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (với những có được; tri túc), về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần), về sự không bị ràng-buộc [với người này người nọ], về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định- tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (7) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ... (8) "Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là, một lần sinh, hai lần sinh ... [tiếp tục nội dung

giống đoạn mẫu (4) kinh 6 :02, người dịch giản lược] … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Vậy đó, đức Thế Tôn nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn … (9) "Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … … [tiếp tục nội dung giống đoạn mẫu (5) kinh 6 :02, người dịch giản lược] … và đức Thế Tôn hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.' Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con

thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn … (10) Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đức Thế Tôn đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, bậc ấy an trú trong đó.' Bởi vì điều đó, đây là một lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy. "Và, thưa Thế Tôn, giờ chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm." "Này đại vương, cứ tùy tiện mà đi." Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

NHÓM 4. UPĀLI

31 (1) Upāli Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, dựa trên bao nhiêu nền-tảng (cơ sở, lý do, mục đích) mà Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành2030 cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo)?" "Này Upāli, đó là mười nền-tảng dựa trên đó Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Để có sự an-sinh (an ổn) của Tăng Đoàn; (2) để có sự an-cư (thoải mái) của Tăng Đoàn; (3) để có sự kiểm-soát đối với những người ngang ngạnh; (4) để những Tỳ kheo thiện hành có thể sống an ổn; (5) để có sự kiềm-chế những ô-nhiễm (lậu hoặc) thuộc kiếp

này; (6) để xua tan những ô-nhiễm thuộc kiếp sau; (7) để những ai không có niềm-tin có thể có được niềm-tin; và (8) để gia tăng [niềm-tin] của những người đã có niềm-tin; (9) và để có sự liên-tục của Giáo Pháp; và (10) để khuếch trương (phát tiển) giới luật. "Chính dựa trên mười nền-tảng này nên Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành cho những đệ tử của mình và tụng giảng Pātimokkha."

32 (2) Đình Chỉ 2031 "Này các Tỳ kheo, có bao nhiêu lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha?" "Này Upāli, mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Khi có người đã phạm một tội pārājika (ba-la-di) đang ngồi trong hội chúng; (2) Khi sự thảo luận về 'một người phạm tội pārājika' còn đang dang dở;2032 (3) Khi có người chưa thụ toàn- bộ giới (chưa đại thọ giới, cụ túc giới,

chưa thành Tỳ kheo) đang ngồi trong hội chúng; (4) Khi sự thảo luận về ‘một người chưa thụ toàn-bộ giới’ còn đang dang dở; (5) Khi có người đã bỏ tu (hoàn tục) đang ngồi trong hội chúng; (6) Khi sự thảo luận về ‘một người bỏ tu’ còn dang dở; (7) Khi có một hoạn nhân đang ngồi trong hội chúng;2033 (8) Khi sự thảo luận về ‘một hoạn nhân’ còn đang dang dở; (9) Khi có một người tán tỉnh một Tỳ kheo ni đang ngồi trong hội chúng;2034 (10) Khi sự thảo luận về ‘một người tán tỉnh một Tỳ kheo ni’ còn đang dang dở. Đây là mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha.”

33 (3) Sự Phán Quyết Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo có bao nhiêu phẩm-chất để được đồng

• 57

ý (bởi Tăng Đoàn) để (đưa ra) phán quyết [về một vấn đề hay vụ xử thuộc về giới luật]?”2035 “Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề giới-luật]. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. (2) Người đó đã đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó vững chắc thuộc về giới luật, không phất phơ đổi dời. (5) Người đó khả năng thuyết phục cả hai bên (đương sự) của vấn đề (tranh cãi, tranh chấp), mô tả những điều cho họ, khuyên họ, chứng minh cho họ, điều đình xoa dịu họ. (6) Người đó khéo giỏi về nguồn-gốc phát sinh và sự giải-quyết của những vấn đề thuộc về giới luật. (7) Người đó biết một vấn đề thuộc về giới luật là gì.2036 (8) Người đó biết nguồn-gốc phát sinh của một vấn đề thuộc về giới luật. (9) Người đó biết sự chấm-dứt của một vấn đề thuộc về giới luật. (10) Người đó biết cách dẫn tới sự chấm-dứt một vấn đề thuộc về giới luật.2037 Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề hay vụ xử thuộc giới luật].”

34 (4) Truyền Thụ Toàn Bộ Giới “Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm-chất để (có thể)

ban (truyền thụ, cấp cho) toàn-bộ giới?” (ban đại thọ giới (cụ túc giới) cho một sa-di để người đó thành một Tỳ kheo) “Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất thì có thể ban toàn-bộ giới. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … người đó

tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều … và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó có khả năng chăm sóc cho người bệnh hoặc nhờ (có, giao) người khác chăm sóc cho người bệnh. (5) Người đó có khả năng loại bỏ sự bất-mãn của một người hoặc nhờ (có, giao) người khác loại bỏ nó. (6) Người đó có khả năng dùng Giáo Pháp để xua tan sự hối-tiếc có thể khởi sinh [trong những học trò của mình]. (7) Người đó, bằng cách của Giáo Pháp, có khả năng can ngăn họ khỏi quan- điểm sai quấy đã khởi sinh. (8) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần giới-hạnh bậc cao (giới-hạnh của Tỳ kheo). (9) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần tâm bậc cao (những tầng thiền định). (10) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần trí-tuệ bậc cao (thiền tuệ, minh sát tuệ). Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này có thể ban toàn-bộ giới (cho sa-di để thành một Tỳ kheo).”

35 (4) Sự Nương Dựa “Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có được bao nhiêu phẩm-chất để ban sự nương-dựa?” (sự y chỉ; ban cho một Tỳ kheo mới để Tỳ kheo mới nương dựa theo sự chỉ dẫn của mình để tu tiến; tức người ban trở thành y chỉ sư, trở thành thầy hướng dẫn, thầy giáo thọ của Tỳ kheo mới) “Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất thì có thể ban sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới). Mười đó là gì?” …

• 59

[Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh kế trên.]

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này có thể ban sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới).”

36 (6) Sa-Di 2038 “Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm-chất để có được một sa-di hầu cận?” “Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể có được một sa-di hầu cận?” … [Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:34 ở trên.] “Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này thì có thể có được một sa-di hầu cận.”

37 (7) Sự Chia Rẽ (1) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn?” “Ở đây, này Upāli, (do bởi) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều phi Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều phi giới luật là giới luật, và (4) điều giới luật là phi giới luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều không được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều không được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ rút khỏi (tăng đoàn) và bỏ

đi (ly khai). Họ tự thực hiện những điều pháp lý riêng ở chỗ họ và tự tụng đọc Pātimokkha

60 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

ở chỗ riêng của họ. Này Upāli, chính theo cách này là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn.”

38 (8) Sự Chia Rẽ (2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn?” “Ở đây, này Upāli, (bởi nhờ) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều phi Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều giới luật là giới luật, và (4) điều phi giới luật là phi giới luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã không được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã không được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ không rút khỏi (tăng đoàn) hay bỏ đi (ly khai). Họ không tự thực hiện những điều pháp lý riêng và không tự tụng đọc Pātimokkha ở chỗ riêng của họ. Này Upāli, chính theo cách này là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn.”

39 (9) Ānanda (1) Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn?”

• 61

“Ở đây, này Ānanda … [Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên] … Này Ānanda, chính theo cách này là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn.”2039 “Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người gây sự chia-rẽ trong một Tăng Đoàn đang hòa hợp, là người đó tạo ra gì? “Người đó tạo ra sự ác-dữ (cho mình) suốt cả một đại kiếp, này Ānanda.”2040 “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là sự ác-dữ suốt cả một đại kiếp?” “Người đó bị hành hạ trong địa ngục suốt cả một đại kiếp, này Ānan- da.” Người gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn hướng tới sự thống-khổ Hướng tới địa ngục, ở đó suốt một đại-kiếp. Ưa thích sự bất-hòa, thiết lập trong phi Giáo Pháp, Người đó rớt khỏi ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’. Sau khi đã gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn, Người đó bị hành hạ trong địa ngục cả một đại kiếp.

40 (10) Ānanda (2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn?” “Ở đây, này Ānanda … [Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:38 ở trên] … Này Ānanda, chính theo cách này là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn.” “Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người tạo sự hòa-hợp một Tăng Đoàn đang bị chia rẽ, là người đó tạo ra gì?2041 “Người đó tạo ra phước-đức thiên thánh (thuộc cõi trời), này Ānan- da.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là phước đức thiên thánh?” “Người đó sống an vui trong cõi trời suốt một đại kiếp, này Ānanda.”

62 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

Sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn là an lạc, Và sự tương-trợ lẫn nhau2042 của những người sống trong hòa-hợp Vui thích sự hòa-hợp, được thiết lập trong Giáo Pháp, Người đó không rớt khỏi ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’. Sau khi đã mang lại sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn, Người đó sẽ sống an vui trong cõi trời suốt một đại kiếp.

NHÓM 5. NHỮNG SỰ MẮNG CHỬI

41 (1) Những Tranh Chấp Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỳ kheo không sống được an ổn?” “Ở đây, này Upāl … [Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên] … Này Upāli, đây là lý do tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỳ kheo không sống được an ổn.”

42 (2) Những Gốc Rễ (1) “Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu gốc rễ của (tạo ra) những sự tranh chấp?” “Ở đây, này Upāl … [Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên] … Này Upāli, đây là mười gốc rễ của những sự tranh chấp.”

43 (3) Những Gốc Rễ (2)

• 63

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu gốc rễ của (tạo ra) những sự tranh chấp?” “Này Upāli, có mười gốc rễ của những sự tranh chấp. Mười đó là gì? Ở đây, (1) những Tỳ kheo giảng giải điều không tội là phạm tội, và (2) điều phạm tội là không tội. (3) Họ giải thích tội nhẹ là tội nặng, và (4) tội nặng là tội nhẹ. (5) Họ giải thích tội thô là tội không thô, và (6) tội không thô là tội thô. (7) Họ giải thích tội có thể tu sửa được (sám hối được) là tội không thể tu sửa được (không phải chỉ sám hối là được), và (8) một tội không thể tu sửa được là một tội có thể sửa được. (9) Họ giảng giải tội có sự khôi phục là tội không có sự khôi phục, và (10) tội không có sự khôi phục là tội có sự khôi phục.2043 Này Upāli, đây là mười gốc rễ của những sự tranh chấp.”

44 (4) Kusinārā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, trong khu rừng rậm (được gọi là) “rừng cúng tế’. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác thì (I) nên xem xét chính mình về năm điều và (II) thiết lập năm điều trong chính mình trước khi khiển trách người khác.2044 (I) Về năm điều gì người đó nên xem xét chính mình? (1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vầy: ‘Hành-vi thân (thân hành; hành-động) của mình có trong sạch hay không? Liệu mình có được hành-vi thân là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi thân của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi thân là trong sạch,

không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vầy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập

chính mình về thân.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vầy: ‘Hành-vi miệng (khẩu hành, lời-nói) của mình có trong sạch hay không? Liệu mình có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi miệng của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vầy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập chính mình về miệng.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó. (3) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vầy: ‘Hành-vi tâm (tâm hành; ý nghĩ) của mình có trong sạch không hay không? Liệu mình có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi tâm của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vầy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập chính mình về tâm.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó. (4) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vầy: ‘Có phải mình đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học? Có phải mình đã học những giáo lý đó là tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết? Có phải mình đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến)? Nếu Tỳ kheo đó không học-hiểu nhiều … và chưa thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến), thì sẽ có những người khác nói như vầy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phần di sản đó (tức Phật Pháp).’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(5) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vầy: Có phải cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho mình một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều- khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng? Liệu phẩm-chất này có mặt trong mình hay không?’ Nếu cả hai bộ Pātimokkha chưa được truyền thụ tốt một cách chi tiết cho Tỳ kheo đó … về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng, và nếu, khi được hỏi: ‘Đức Thế Tôn nói điều này ở đâu?’ mà người đó không trả lời được, thì sẽ có những người khác nói như vầy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phần giới luật.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó. “Chính như vậy là về năm điều người đó nên xem xét chính mình. (II) “Và cái gì là năm điều người đó nên thiết lập trong chính mình? [Người đó nên biết suy xét:] ‘(6) Tôi sẽ nói lúc thích hợp, không nói lúc không thích hợp (phi

thời); (7) Tôi sẽ nói một cách sự thật, không nói một cách sai sự thật; (8) Tôi sẽ nói một cách nhẹ nhàng thân ái, không nói một cách gắt gỏng nạt nộ; (9) Tôi sẽ nói một cách có lợi, không nói một cách có hại; (10) Tôi sẽ nói với một tâm-từ, không nói khi chấp chứa sự sân- ghét.' Đây là năm điều mà người đó nên thiết lập trong chính mình. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình về năm điều này và thiết lập năm điều này trong chính mình trước khi khiển trách những người khác."

45 (5) Đi Vào "Này các Tỳ kheo, có mười sự nguy-hại trong việc đi vào hậu cung của nhà vua? Mười đó là gì? (1) "Ở đây, nhà vua đang ngồi với hoàng hậu của ông. Tỳ kheo đi vào, dù hoàng hậu mỉm cười với Tỳ kheo khi gặp Tỳ kheo đó, hay Tỳ kheo đó mỉm cười với hoàng hậu khi gặp hoàng hậu. Nhà vua nghĩ: 'Chắc

hẳn có chuyện gì giữa họ, hay có chuyện gì sắp diễn ra.' Đây là sự nguy hại thứ nhất khi đi vào hậu cung của nhà vua. (2) "Lại nữa, khi nhà vua do trước đó đã bận bịu, đã tham dự vào nhiều việc, nhà vua có giao hợp với một cung phi nhưng không nhớ điều đó, và sau đó cung phi đó có thai. Nhà vua nghĩ: 'Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?' [có thể đây là 'việc làm' của Tỳ kheo đó?]. Đây là sự nguy hại thứ hai khi đi vào hậu cung của nhà vua. (3) "Lại nữa, có châu báu bị mất trong hậu cung của nhà vua. Nhà vua nghĩ: 'Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?' Đây là sự nguy hại thứ ba khi đi vào hậu cung của nhà vua. (4) "Lại nữa, những mưu tính cơ mật trong hậu cung của nhà vua đã bị lộ ra ngoài cho người khác.2045 Nhà vua nghĩ: 'Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?' Đây là sự nguy hại thứ tư khi đi vào hậu cung của nhà vua. (5) "Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có người cha mong gặp con, hoặc có người con mong gặp cha.2046 Họ nghĩ: 'Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?' Đây là sự nguy hại thứ năm khi đi vào hậu cung của nhà vua. (6) "Lại nữa, nhà vua thăng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: 'Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?' Đây là sự nguy hại thứ sáu khi đi vào hậu cung của nhà vua. (7) "Lại nữa, nhà vua giáng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: 'Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?' Đây là sự nguy hại thứ bảy khi đi vào hậu cung của nhà vua. (8) "Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc không thích hợp. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: 'Nhà vua có liên

hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?' Đây là sự nguy hại thứ tám khi đi vào hậu cung của nhà vua. (9) "Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc thích hợp, sau đó lại lệnh thu quân về lại ngay. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: 'Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?' Đây là sự nguy hại thứ chín khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(10) “Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có sự chộn rộn của voi,2047 ngựa, và xe ngựa cũng như có những âm-thanh, những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc quyến rũ, là không phù hợp cho một Tỳ kheo. Đây là sự nguy hại thứ mười khi đi vào hậu cung của nhà vua. “Này các Tỳ kheo, đây là mười sự nguy hại của việc đi vào hậu cung của nhà vua.”

46 (6) Những Người Thích-Ca Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Ka- pilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), một số đệ tử tại gia họ tộc Thích- ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ: “Này những người Thích-ca, các vị có trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần (tám chi giới, tám giới bố-tát, bát quan trai giới) hay không?”2048 “Thưa Thế Tôn, có khi chúng con thực hành, có khi chúng con không thực hành.” “Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người chỉ trai giới bố-tát lúc có lúc không toàn bộ tám chi phần như vậy. Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm

gì bất thiện, có thể kiếm được nửa đồng tiền [kahāpaṇa] mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được một đồng tiền mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được hai … ba … bốn … năm … sáu … bảy … tám … chín … mười … hai mươi … … năm mươi đồng tiền [kahāpaṇa]2049 mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Nếu người đó có kiếm được một trăm hay một trăm ngàn đồng tiền ngày qua ngày, cất giữ lợi lộc đã làm được, và sống thọ tới 100 năm, thì ông ta có tích lũy được một đống lớn của cải hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Tính theo sự giàu có của ông ta, nhờ có sự giàu có của ông ta, vì sự giàu có của ông ta, ông ta có nếm trải toàn hạnh-phúc được một đêm hay một ngày, hay được nửa đêm hay nửa ngày, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn. Tại sao không? Bởi vì những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là vô thường, rỗng tuếch, sai giả, và đánh lừa.” - “Tuy nhiên, này những người Thích-ca, đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn

năm [100 lần 100 năm],2050 100 ngàn năm, và 10 triệu năm [100 lần 100 ngàn năm].2051 Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hoặc chắc chắn thành bậc Nhập-lưu. - “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 năm (tu tập). Đệ tử của

ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 năm … 8 năm … 7 năm … 6 năm … 5 năm … 4 năm … 3 năm … 2 năm … 1 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu. - “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 năm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu. - “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 tháng … 8 tháng … 7 tháng … 6 tháng … 5 tháng … 4 tháng … 3 tháng … 2 tháng … 1 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh- phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu. - “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập- lưu. - “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 ngày và đêm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 ngày và đêm … 8 ngày và đêm … 7 ngày và đêm … 6 ngày và đêm … 5 ngày

và đêm … 4 ngày và đêm … 3 ngày và đêm … 2 ngày và đêm … 1 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập- lưu. “Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người trai giới bố-tát chỉ lúc có lúc không toàn bộ tám chi phần như vậy.” “Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng con sẽ trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần.”

47 (7) Mahāli Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Mahāli người Lic- chavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: - “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu?”2052 “Này Mahāli, (1) tham là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu. (2) Sân là nguyên-nhân và điều- kiện … (3) Si là nguyên-nhân và điều-kiện … (4) Sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) là nguyên-nhân và điều-kiện … (5) Một cái tâm bị hướng sai lạc (tà hướng) là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu.” - “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt?” “Này Mahāli, (1) vô-tham là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt. (2) vô-sân là nguyên-nhân và điều- kiện … (3) vô-si là nguyên-nhân và điều-kiện … (4) Sự chú-tâm kỹ càng

(như lý tác ý) là nguyên-nhân và điều-kiện … (5) Một cái tâm được hướng đúng đắn (chánh hướng) là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt.” “Này Mahāli, nếu mười phẩm-chất này không có mặt trong thế gian thì đâu thấy có hạnh (hành vi) bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do mười phẩm-chất này có mặt trong thế gian nên thấy có hạnh bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp.”

48 (8) Những Điều (nên thường quán chiếu) “Có mười điều này một người đã xuất gia nên thường xuyên quán chiếu. Mười đó là gì? (1) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp.’2053 (2) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sự sống của ta phụ thuộc vào những người khác.’2054 (3) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Hành vi phong cách của ta phải khác.’2055 (4) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải ta nên khiển trách chính mình về vấn đề giới-hạnh?’2056 (5) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí, sau khi điều tra tìm hiểu, nên khiển trách ta về vấn đề giới-hạnh?’ (6) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.’2057 (7) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự của nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người

thừa-lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’ (8) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta nên trải qua những ngày và đêm theo cách nào (cho phù hợp và để tu tiến)?’ (9) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta có vui thích ở trong những chòi trống hay không?’ (10) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sau khi đạt tới sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh, để cho những ngày cuối cùng, khi ta được hỏi bởi những Tỳ kheo đồng đạo, ta sẽ không thấy ngượng ngùng?’ “Này các Tỳ kheo, đây là mười điều một người đã xuất gia nên thường quán chiếu.”

49 (9) Tồn Tại Nhờ Thân “Này các Tỳ kheo, đây là mười thứ tồn tại nhờ có thân? Mười đó là gì? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, kiềm chế thân, kiềm chế lời- nói, kiềm chế trong sự sinh kế, và sự tạo-tác (cố ý) để hiện-hữu dẫn tới sự tái hiện-hữu.2058 Đây là mười thứ tồn tại nhờ có thân.”

50 (10) Những Tranh Cãi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ dẫn đến cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ hội trường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sự thảo luận các thầy đã tham gia khi các thầy mới ngồi với nhau ở đây là gì? Sự thảo luận đang dở dang (chưa được kết thúc) là gì?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con dẫn đến cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.” “Này các Tỳ kheo, thật không phù hợp đối với các thầy là những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà các thầy lại dẫn tới cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau. “Này các Tỳ kheo, có mười nguyên tắc (để) hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.2059 Mười đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương- tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng,

và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt … đây là một nguyên tắc hòa- hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Vì một Tỳ kheo là dễ tu sửa … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới luật. Vì một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự

thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi nỗ-lực … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục,

• 75

thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y-phục … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ (để) nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là có trí … đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. “Này các Tỳ kheo, đây là mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”

76 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

• 77

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. TÂM CỦA MÌNH

51 (1) Tâm Của Mình Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo! “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân. “Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và ưa thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’2060 Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ) là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [để tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành. “[Một người nên hỏi chính mình:] (1) ‘Ta thường sống có (chướng ngại) tham-dục hay không tham-dục? (2) Ta thường sống có sự ác-ý hay không

sự ác-ý? (3) Ta thường sống bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn hay không có sự buồn-ngủ và đờ-đẫn? (4) Ta thường sống bất-an hay bình-tĩnh? (5) Ta thường bị ám muội bởi sự nghi-ngờ hay không có sự nghi-ngờ? (6) Ta thường tức-giận hay không có tức-giận? (7) Tâm của ta

thường bị ô-nhiễm hay không bị ô-nhiễm? (8) Thân của ta thường bị khích-động hay không bị khích-động? (9) Ta thường lười-biếng hay nỗ- lực (tinh tấn)? (10) Ta thường không đạt-định hay đạt-định?’2061 “Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình (phản quan tự kỷ) như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống có (chướng ngại) tham-dục, thường sống có sự ác-ý, bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, bị bất-an, bị ám muội bởi sự nghi-ngờ, có tức-giận, bị ô-nhiễm trong tâm, bị khích-động trong thân, có lười-biếng, và không đạt-định’ thì người đó nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Giống như một người có quần áo [hay đầu tóc] đang bị cháy thì người đó sẽ (lập tức) đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo [hay trên đầu] đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. “Nhưng nếu, bằng sự tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống không có tham-dục, thường sống không có sự ác-ý, không bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, không bị bất an, không bị ám muội bởi sự nghi-ngờ, không tức-giận, không bị ô-nhiễm trong tâm, không bị khích-động trong thân, không lười-biếng, và đạt định’, thì người đó sẽ dựa bản thân trên những phẩm chất thiện đó và tạo thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”

52 (2) Xá-lợi-phất Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

[Tiếp tục giống hệt kinh 10:51 kế trên từ chỗ (*) đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói.]

53 (3) Sự Ngưng Trệ “Này các Tỳ kheo, ta không đề cao sự ngưng-trệ (không gia tăng, không tiến triển) trong (sự tu dưỡng) những phẩm chất thiện lành, càng không đề cao sự sa-sút. Ta chỉ khen ngợi sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành, không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đồi.2062 (i) “Và theo cách nào là có sự suy-đồi—không phải sự ngưng-trệ hay tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (nhưng) Những phẩm chất đó của người đó không duy trì hay tăng trưởng. Ta nói, đây là sự suy-đồi chứ không phải sự duy-trì hay sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là (đang) có sự suy-đồi—không phải sự ngưng-trệ hay

tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành. (ii) “Và theo cách nào là có sự ngưng-trệ—không phải sự suy-đồi hay tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (nhưng) Những phẩm chất đó của người đó không suy đồi cũng không tăng trưởng. Ta nói, đây là sự ngưng-trệ chứ không phải sự suy-đồi hay sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là có sự ngưng-trệ—không phải sự suy-đồi hay hay sự tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành. (iii) “Và theo cách nào là có sự tăng-trưởng—không phải sự suy-đồi hay sự ngưng-trệ—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ- bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (và) Những phẩm chất đó của người đó tăng trưởng, chứ không duy trì cũng không suy đồi. Ta nói, đây là sự tăng-trưởng chứ không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đồi trong những phẩm

chất thiện lành. Như vậy là có sự tăng-trưởng—không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đồi—trong những phẩm chất thiện lành. (*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân. … [Tiếp tục từ (*) giống như kinh 10:51 cho đến hết kinh] … ”

54 (4) Sự Vắng Lặng (*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân. “Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và ưa thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’ Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ) là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [để tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành: 2063 ‘Ta có đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), hay không có? Ta có đạt được trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng (quán pháp tuệ), hay không có?’ (1) “Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được [phần định] (nguyên văn: [sự vắng-lặng bên trong của tâm], người dịch giãn lược), nhưng không đạt được [phần tuệ] (nguyên văn: [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]), thì người đó nên dựa [mình] vào [phần định] (đã đạt được), và tạo sự nỗ-lực

(tinh tấn) tu để đạt được [phần tuệ]. Rồi sẽ đến lúc người đó đạt cả [phần định] và [phần tuệ]. (2) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được [phần tuệ], nhưng không đạt được [phần định], thì người đó nên dựa [mình] vào [phần tuệ] (đã đạt được), và tạo sự nỗ-lực để đạt được [phần định]. Rồi sẽ

đến lúc người đó đạt cả [phần tuệ] và [phần định]. (3) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Tôi không đạt được [phần định], cũng không đạt được [phần tuệ], thì người đó nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầy tóc của mình. Cũng giống như vậy, loại người thứ ba này nên đặt ra đặt ra sự mong- muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Rồi sẽ đến lúc người đó đạt cả hai [phần định] và [phần tuệ]. (4) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được cả hai [phần định] và [phần tuệ], thì người đó nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).2064 “[a] Những y-phục, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt (hai phương diện, hai lần): y-phục nên được dùng và y-phục không nên được dùng. Cũng vậy, [b] những thức-ăn khất thực, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt. [c] Những chỗ-ở, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: chỗ-ở nên được dùng và chỗ-ở không nên được dùng. [d] Những làng xóm hay phố thị, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: làng xóm hay phố thị nên được trú ở và

làng xóm hay phố thị không nên được trú ở. [e] Những xứ sở (nước) hay vùng miền, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: xứ sở hay vùng miền nên được trú ở và xứ sở hay vùng miền không nên được trú ở. [f] Những người, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: người nên được giao lưu (thân cận, gặp gỡ) và người không nên được giao lưu. (5) “Khi điều [a] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một y-phục (cà sa): ‘Khi ta dùng y-phục này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng y-phục như vậy. Nhưng nếu người A biết về một y-phục: ‘Khi tôi dùng y-phục này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng y-phục như vậy. “Khi điều [a] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy. (6) “Khi điều [b] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về thứ thức-ăn khất thực nào: ‘Khi ta dùng thức-ăn khất thực này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng thức-ăn khất thực như vậy. Nhưng nếu người A biết về một thức-ăn khất thực: ‘Khi tôi dùng thức-ăn khất thực này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng thức-ăn khất thực như vậy. “Khi điều [b] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy. (7) “Khi điều [c] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về chỗ-ở nào: ‘Khi ta dùng chỗ-ở này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng chỗ-ở như vậy. Nhưng nếu người A biết về một chỗ-ở: ‘Khi tôi dùng

chỗ-ở này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng chỗ-ở như vậy. “Khi điều [c] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy. (8) “Khi điều [d] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một làng xóm hay phố thị nào: ‘Khi ta trú ở trong làng

• 83

xóm hay phố thị này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong làng xóm hay phố thị như vậy. Nhưng nếu người A biết về một làng xóm hay phố thị: ‘Khi tôi trú ở trong làng xóm hay phố thị này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong làng xóm hay phố thị như vậy. “Khi điều [d] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy. (9) “Khi điều [e] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một xứ sở hay vùng miền: ‘Khi ta trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy. Nhưng nếu người A biết về một xứ sở hay vùng miền: ‘Khi tôi trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy. “Khi điều [e] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy. (10) “Khi điều [f] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu (thân cận, gặp gỡ, ở gần, sống chung, tu chung, hay tu theo) với người này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện thì giảm sút’, thì người A không nên giao lưu với một người như vậy. Nhưng nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu với người này, những phẩm chất bất thiện giảm đi và những phẩm chất thiện gia tăng’, thì người A nên giao lưu với một người như vậy. “Khi điều [f] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.”

55 (5) Sự Sa Sút Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

84 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: “Này các đạo hữu, thường nghe nói: ‘Một người là sẽ bị sa sút, một người là sẽ bị sa sút.’ Theo cách nào đức Thế Tôn đã nói một người là sẽ bị sa sút và một người là sẽ không bị sa sút?” “Này đạo hữu, chúng tôi từ xa đến đây để học ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ nó trong tâm.” “Được rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: “Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo không biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) quên mất những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) không đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) không (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ bị sa sút.2065

“Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ không bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) không quên những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ không bị sa sút. (*) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân. [Tiếp tục giống kinh 10:51 ở trên từ chỗ (*) đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói cho các Tỳ kheo (“Này các đạo hữu,”)]

• 85

56 (6) Những Nhận Thức (1) “Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.2066 Mười đó là gì? (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích- thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự dẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và (10) nhận-thức về sự chấm-dứt. Đây là mười nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng.”

57 (7) Những Nhận Thức (2) “Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Mười đó là gì? (1) Nhận-thức về sự vô- thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về cái chết, (4) nhận- thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (5) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (6) nhận-thức về một bộ xương, (7) nhận-thức về thi thể bị giòi đục, (8) nhận-thức về một thi thể đã tím xanh, (9) nhận-thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương sình.2067 Mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.”

58 (8) Những Gốc Rễ “Này các Tỳ kheo, những du sĩ các giáo phái khác có thể hỏi các

86 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

thầy: (1) ‘Này các bạn, mọi thứ (tất cả mọi pháp) bắt rễ (có gốc rễ) từ cái gì? (2) Thông qua cái gì chúng trở thành hiện hữu? (3) Chúng khởi sinh từ cái gì? (4) Chúng hội tụ trên cái gì? (5) Chúng được dẫn đầu bởi cái gì? (6) Cái gì thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng? (7) Cái gì là người giám sát của chúng? (8) Cái gì là cốt lõi của chúng? (9) Chúng dẫn tới đỉnh cao là cái gì? Và (10) cái gì là chung cuộc của chúng?’ Nếu được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời họ ra sao?” 2068 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta

sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này bạn, mọi thứ bắt rễ từ cái gì? … Cốt lõi của chúng là gì?’, thì các thầy nên trả lời họ như sau: “‘Này các bạn, (1) mọi thứ đều bắt rễ từ sự tham-muốn (dục). (2) Chúng trở thành hiện hữu thông qua sự chú-tâm (sự tác ý). (3) Chúng khởi sinh từ sự tiếp-xúc (xúc). (4) Chúng hội tụ trên cảm-giác (thọ). (5) Chúng được dẫn đầu bởi sự định-tâm (định). (6) Sự chánh-niệm (niệm) thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng. (7) Trí-tuệ là người giám sát của chúng. (8) Sự giải-thoát là cốt-lõi của chúng. (9) Chúng dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử. Và (10) kết-cuộc của chúng là Niết-bàn.’2069 “Nếu các thầy được hỏi những câu hỏi đó, thì các thầy nên trả lời những du sĩ đó đó theo cách như vậy.”

59 (9) Sự Xuất Gia “Vì vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Tâm

chúng ta sẽ được củng cố (được tăng cường, làm cho mạnh hơn) theo như [tinh thần của] sự xuất gia của chúng ta, và những phẩm chất bất thiện sẽ không ám muội tâm của chúng ta.2070 (1) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về vô-thường. (2) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về vô-ngã. (3) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, của thân). (4) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự nguy-hại. (5) Chúng ta sẽ biết những đường lối bằng-phẳng và đường lối gồ-ghề trong thế gian,2071 và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (6) Chúng ta sẽ biết sự hình thành hiện-hữu và sự diệt-vong của thế giới,2072 và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (7) Chúng ta sẽ biết sự khởi-sinh và sự biến-diệt của thế giới, và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận- thức này. (8) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự dẹp-bỏ. (9) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chán-bỏ. (10) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt.’2073 Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân. “Khi tâm của một Tỳ kheo đã được củng cố theo như [tinh thần của] sự xuất gia, và những phẩm chất bất thiện đã khởi sinh không ám muội tâm của người đó—(1) khi tâm của người đó được củng cố trong nhận- thức về vô-thường … … (10) khi tâm của người đó được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt—thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả đối với người đó: hoặc là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư, là trạng thái Bất-lai.”

60 (10) Girimānanda Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Girimānanda đang bị bệnh, đau nặng, và bệnh yếu như gần chết.2074 Rồi Ngài Ananda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi

xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thầy Girimānanda bị bệnh, đau nặng, và bệnh yếu như gần chết. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến thăm thầy ấy, vì lòng bi-mẫn.” “Này Ananda, nếu thầy có đến thăm Tỳ kheo Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự

nhận-thức, thì có thể rằng sau khi nghe những điều đó, bệnh đau của thầy ấy sẽ lặn ngay. Mười đó là gì? "(1) Nhận-thức về vô-thường, (2) nhận-thức về vô-ngã, (3) nhận-thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, của thân), (4) nhận-thức về sự nguy-hại (trong thân), (5) nhận-thức về sự dẹp-bỏ, (6) nhận-thức về sự chán-bỏ, (7) nhận- thức về sự chấm-dứt, (8) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (9) nhận-thức về sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều- kiện (hữu vi), và (10) sự chánh-niệm hơi-thở. (1) "Và này Ananda, cái gì là nhận-thức về vô-thường? Ở đây, sau khi đã đi vô rừng, tới (ngồi dưới) một gốc cây hay (ngồi trong) một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét (suy xét, quán chiếu, thiền quán) như vầy: 'Sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường.' Vì vậy người đó an trú quán sát (quán niệm) tính vô-thường trong năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) đó. Đây được gọi là nhận-thức về vô-thường. (2) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về vô-ngã? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vầy: 'Mắt là vô ngã, những hình-sắc là vô ngã; tai là vô ngã, những âm- thanh là vô ngã; mũi là vô ngã, những mùi-hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, những mùi-vị là vô ngã; thân là vô ngã, những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã; tâm là vô ngã, những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã." Như vậy người đó an trú quán sát tính vô-ngã trong 'sáu cơ-sở cảm nhận' bên trong và bên ngoài (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ; sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan). Đây được gọi là sự nhận-thức về vô-ngã. (3) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự không hấp-dẫn (sự ô- uế, của thân)? Ở đây, một Tỳ kheo xem xét lại chính thân này từ gót chân

• 89

lên đỉnh đầu và từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-uế không-sạch: 'Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng phổi, lá lách, phổi, ruột, màng treo ruột (mỡ sa), bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ, nước mũi, chất nhớt các khớp, nước tiểu.' Như vậy người đó an trú quán sát về tính không hấp-dẫn trong thân này. Đây được gọi là nhận-thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, của thân). (4) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự nguy-hại? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vầy: 'Thân này là nguồn của nhiều sự khổ đau và nguy hại; bởi tất cả mọi thứ đau bệnh đau đớn đều khởi sinh trong thân này, đó là: bệnh mắt, bệnh tai trong, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh thân, bệnh đầu, bệnh tai ngoài, bệnh miệng, bệnh răng,2075 bệnh ho, bệnh hen suyễn, bệnh viêm chảy, bệnh sốt thường, bệnh sốt cao, bệnh bao tử, bệnh ngất xỉu, bệnh kiết lỵ, bệnh đau thắt, bệnh dịch tả, bệnh phong cùi, bệnh nhọt, bệnh chàm bội nhiễm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, bệnh ngứa da, bệnh ngứa gãi, bệnh vẩy nến, bệnh thủy đậu, bệnh ghẻ lỡ, bệnh xuất huyết, bệnh trĩ, bệnh ung thư, bệnh lỗ rò; những bệnh bắt nguồn từ mật, đờm, gió, hoặc sự kết hợp bởi chúng; những bệnh do thay đổi thời tiết; những bệnh do hành vi bất cẩn; những bệnh do hành hung; hoặc những bệnh do nghiệp quả; và lạnh, nóng, đói, khát, tiểu tiện, và đại tiện.' Như vậy người đó an trú quán sát cái sự nguy-hại trong thân này. Đây được gọi là nhận-thức về sự nguy-hại. (5) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục

đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ sự ác-ý đã khởi sinh . . . không dung dưỡng một ý nghĩ sự gây-hại (chúng sinh khác) đã khởi sinh . . . không dung dưỡng những trạng thái xấu ác bất thiện mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng. Đây được gọi là nhận-thức về sự dẹp-bỏ. (6) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự chán-bỏ. Ở đây, sau

khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vầy: 'Đây (trạng thái này) là bình-an, đây là siêu-phàm, chính là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (hành diệt), sự dẹp bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y diệt), sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), sự chán-bỏ, Niết- bàn.' Đây được gọi là nhận-thức về sự chán-bỏ."2076 (7) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự chấm-dứt? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một còi trống, một Tỳ kheo quán xét như vầy: 'Đây là bình-an, đây là siêu-phàm, chính là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (hành diệt), sự dẹp bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y diệt), sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), sự chấm-dứt, Niết-bàn.' Đây được gọi là sự nhận-thức về sự chấm-dứt." (8) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian? Ở đây, một Tỳ kheo (sống) kiêng cữ2077 mọi sự tham-gia (dính líu) và sự dính-chấp (thủ), mọi quan-điểm này nọ của tâm (tâm kiến), mọi sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đối với thế gian; dẹp bỏ chúng, không còn dính-chấp vào chúng. Đây được gọi là nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian." (9) "Và, này Ananda, cái gì là nhận-thức về tính vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện? Ở đây, một Tỳ kheo thấy dội ngược, thấy nhục nhã, và ghê tởm với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi). Đây được gọi là nhận-thức về tính vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện."2078 (10) "Và, này Ananda, cái gì là sự chánh-niệm hơi-thở? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh- niệm ở trước mặt, cứ có chánh-niệm người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra. Nhóm Đối Tượng Thứ Nhất (Quán sát Thân)

(i) "Thở vô dài, người đó biết: 'Tôi thở vô dài'; hoặc thở ra dài, người đó biết: 'Tôi thở ra dài'.

(ii) "Thở vô ngắn, người đó biết: 'Tôi thở vô ngắn'; hoặc thở ra ngắn, người đó biết: 'Tôi thở ra ngắn'. (iii) "'Trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở vô', người đó luyện tập mình như vậy; 'trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (iv) "'Làm dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'làm dịu sự tạo tác của thân, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. Nhóm Đối Tượng Thứ Hai (Quán sát Cảm-Giác)

(v) "'Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'trải nghiệm sự hoan-hỷ, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (vi) "'Trải nghiệm sự

hạnh-phúc (lạc), tôi thở vô', người đó tập luyện mnh như vậy; 'trải nghiệm sự hạnh-phúc, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (vii) "'Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (viii) "'Làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy.2079 Nhóm Đối Tượng Thứ Ba (Quán sát Tâm)

(ix) "'Trải nghiệm tâm (trạng thái của tâm), tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'trải nghiệm tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (x) "'Làm sảng khoái (làm vui) tâm, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'làm sảng khoái tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy.

92 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

(xi) "'Tập trung tâm, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'tập trung tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (xii) "'Giải thoát tâm, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'giải thoát tâm, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy.2080 Nhóm Đối Tượng Thứ Tư (Quán sát Các Pháp)

(xiii) "'Quán sát tính vô-thường, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'quán sát tính vô-thường, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (xiv) "'Quán sát sự phai-biến, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'quán sát sự phai-biến, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (xv) "'Quán sát sự chấm-dứt, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'quán sát sự chấm-dứt, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. (xvi) "'Quán sát sự từ-bỏ, tôi thở vô', người đó tập luyện mình như vậy; 'quán sát sự từ-bỏ, tôi thở ra', người đó tập luyện mình như vậy. "Đây được gọi là sự chánh-niệm hơi-thở. "Này Ananda, nếu thầy đến thăm thầy Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự nhận-thức này, thì có thể rằng, sau khi nghe những điều đó, thầy ấy sẽ lập tức bình phục khỏi bệnh đau." Rồi, sau khi thầy Ananda đã học mười sự nhận-thức đó từ đức Thế Tôn, thầy ấy đi đến chỗ thầy Girimānanda và nói lại cho thầy Girimānan- da nghe về chúng. Sau khi thầy Girimānanda đã nghe xong về mười sự nhận-thức đó, sự đau bệnh của thầy đã lập tức lặn mất. Thầy Girimānanda đã hồi phục khỏi sự đau bệnh đó, và đó là cách thầy ấy được chữa trị khỏi sự đau bệnh của mình.

NHÓM 2.

• 93

CÁC CẶP ĐÔI

61 (1) Vô Minh "Này các Tỳ kheo, như đã nói: 'Này các Tỳ kheo, một điểm khởi đầu của vô-minh là không nhìn thấy được để nói trước điểm này là không có vô-minh và sau điểm này là có nó.'2081 Tuy vậy, vô-minh vẫn được nhìn thấy là có một điều-kiện (duyên) rõ rệt (cụ thể). (I) "Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) vô-minh có một dưỡng-chất;2082 nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất của vô-minh? Nên nói đó là: (2) năm chướng-ngại (ngũ cái). Ta nói, năm chướng- ngại này

cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng- chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho năm chướng-ngại? Nên nói đó là: (3) ba loại hành-vi sai trái (ba tà hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi sai trái cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho ba loại hành-vi sai trái? Nên nói đó là: (4) sự không kiềm- chế các căn cảm-nhận. Ta nói, sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận? Nên nói đó là: (5) sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). Ta nói, sự thiếu sự chánh- niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ- biết? Nên nói đó là: (6) sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm không kỹ càng cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chú-tâm không kỹ càng? Nên nói đó là: (7) sự thiếu niềm-tin. Ta nói, sự thiếu niềm-tin cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự thiếu niềm-tin? Nên nói đó là: (8) sự không nghe Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự không nghe Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).2083

“Như vậy là, (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự không nghe Giáo Pháp thiện lành. (8) Sự không nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu niềm-tin. (7) Sự thiếu niềm-tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). (6) Sự chú-tâm không kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (5) Sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không kiềm-chế các căn cảm- nhận. (4) Sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi sai trái (ba tà hạnh). (3) Ba loại hành-vi sai trái, khi có đầy, sẽ làm đầy năm chướng-ngại (ngũ cái). (2) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) sự vô-minh. Như vậy là có dưỡng-chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy. “Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp thiện lành … (2) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) sự vô- minh. Như vậy là có dưỡng-chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy. (II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) trí-biết đích thực (minh, chân trí) và sự giải-thoát có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải- thoát? Nên nói đó là: (2) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). Ta nói, bảy chi giác-ngộ cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng- chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho bảy chi giác-ngộ? Nên nói đó là: (3) bốn nền

tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). Ta nói, bốn nền tảng chánh-niệm cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là

• 95

dưỡng-chất cho bốn nền tảng chánh-niệm? Nên nói đó là: (4) ba loại hành- vi thiện (ba thiện hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi thiện cũng có một dưỡng- chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho ba loại hành-vi thiện? Nên nói đó là: (5) sự biết kiềm-chế các căn cảm- nhận. Ta nói, sự kiềm-chế các căn cảm-nhận cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự kiềm-chế các căn cảm-nhận? Nên nói đó là: (6) sự chánh-niệm và sự rõ- biết. Ta nói, sự chánh-niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chánh- niệm và sự rõ-biết? Nên nói đó là: (7) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm kỹ càng cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chú-tâm kỹ càng? Nên nói đó là: (8) niềm-tin. Ta nói, niềm-tin cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho niềm-tin? Nên nói đó là: (9) sự nghe được Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức). “Như vậy là, (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự nghe Giáo Pháp thiện lành. (9) Sự nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy niềm-tin. (8) Niềm-tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). (7) Sự chú-tâm kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (6) Sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự biết kiềm-chế các căn cảm-nhận. (5) Sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi thiện (ba thiện hạnh). (4) Ba loại hành-vi thiện, khi có đầy, sẽ làm đầy bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (2) Bốn nền tảng chánh-niệm, khi có đầy, sẽ làm đầy bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). (1) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực (minh, chân trí) và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.

96 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe Giáo Pháp thiện lành … (1) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực (minh, chân trí) và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.”

62 (2) Dục Vọng “Này các Tỳ kheo, như đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, một điểm khởi đầu của dục-vọng muốn hiện-hữu (hữu ái) là không nhìn thấy được để nói trước điểm này là không có dục-vọng muốn hiện-hữu và sau điểm này là có nó.’ Tuy vậy, dục-vọng muốn hiện-hữu vẫn được nhìn thấy có một điều-kiện (duyên) rõ rệt (cụ thể). (I) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) dục-vọng muốn hiện-hữu có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng- chất cho dục-vọng muốn hiện-hữu? Nên nói đó là: (2) sự vô-minh. Ta nói, sự vô-minh cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự vô-minh? Nên nói đó là: (3) năm chướng-ngại … [Tiếp tục chỗ này giống như kinh 10:61 kế trên:] … Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức). “Như vậy là, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành … (3) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy sự vô-minh. (2) Sự vô-minh, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) dục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng-chất

• 97

cho dục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy. “Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành … và (2) sự vô-minh, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) dục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng-chất cho dục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy. (II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) trí-biết đích thực (minh, chân trí) và sự giải-thoát có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát? Nên nói đó là: (2) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) … Ta nói, sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt. “Như vậy là, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành … (2) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy. “Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ

98 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành … (2) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho trí-biết đích thực và sự giải- thoát, và theo cách này nó được làm đầy."

63 (3) Sự Chắc Chắn "Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về ta thì họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này;2084 năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này. "Ai là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này? (i) Người chứng ngộ (Niết-bàn) 'trong tối đa bảy kiếp', (ii) người chứng ngộ sau khi 'từ gia đình này tới gia đình kia' (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), (iii) người chứng ngộ một hạt-giống (tức trong 1 kiếp người nữa là chứng ngộ),2085 (iv) bậc Nhất-lai, và (v) người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này. "Ai là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? (i) Người chứng ngộ niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp), (ii) người chứng ngộ niết-bàn ngay sau khi đáp-xuống (lập tức sau khi tái sinh), (iii) người chứng ngộ niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm), (iv) người chứng ngộ niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm), và (v) người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bất-lai).2086 Đây là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này. "Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn về ta thì họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này."

• 99

64 (4) Không Lay Chuyển "Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta thì họ đều là những bậc (đã) Nhập-lưu.2087 Trong số những bậc (đã) Nhập-lưu đó, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này. "Ai là năm đạt đạt được mục-tiêu trong thế gian này? (i) Người chứng ngộ (Niết-bàn) 'trong tối đa bảy kiếp', (ii) người chứng ngộ sau khi 'từ gia đình này tới gia đình kia' (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), (iii) người chứng ngộ một hạt-giống (tức trong 1 kiếp người nữa là chứng ngộ), (iv) bậc Nhất-lai, và (v) người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này. "Ai là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? (i) Người chứng ngộ niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp), (ii) người chứng ngộ niết-bàn ngay khi đáp-xuống (lập tức sau khi tái sinh), (iii) người chứng ngộ niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm), (iv) người chứng ngộ niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm), và (v) người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bất-lai). Đây là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này. "Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta thì họ đều là những bậc (đã) Nhập-lưu. Trong số những bậc (đã) Nhập-lưu đó, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này."

65 (5) Hạnh Phúc (1) Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha) ở làng Nālaka (Nālakagāmaka). Lúc đó có du sĩ tên Sāmaṇḍakāni đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với

thầy Xá-lợi-phất: “Này bạn Xá-lợi-phất, cái gì là sự hạnh-phúc? Cái gì là sự khổ?” “Này bạn, tái-sinh là sự khổ. Không tái-sinh là sự hạnh-phúc. Khi có tái-sinh, thì sự khổ này sẽ có [được trông đợi]: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện; bị đau đớn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè hùa với nhau để chửi mắng một người. Khi có tái-sinh, thì sự khổ này sẽ có. “Khi không có tái-sinh, thì sự hạnh-phúc này sẽ có [được trông đợi]: không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không đại tiện và không tiểu tiện; không bị đau đớn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè không hùa với nhau để chửi mắng một người. Khi không có tái-sinh, thì sự hạnh-phúc này sẽ có.”

66 (6) Hạnh Phúc (2) Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha) ở làng Nālaka (Nālakagāmaka). Lúc đó có du sĩ tên Sāmaṇḍakāni đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này bạn Xá-lợi-phất, cái gì sự hạnh-phúc trong Giáo Pháp và giới luật này, và cái gì là sự khổ?” “Này bạn, sự bất-mãn là sự khổ trong Giáo Pháp và giới luật này. Sự vui-thích là sự hạnh-phúc. Khi có sự bất-mãn, thì sự khổ này sẽ có [được trông đợi]. (1) Khi đi, người tu không thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. (2) Khi đứng … (3) Khi ngồi … (4) Khi nằm … (5) Khi ở trong làng … (6) Khi ở trong rừng … (7) Khi ở dưới gốc cây … (8) Khi ở trong chòi trống … (9) Khi ở ngoài trời … (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu không thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. Khi có sự bất-mãn, thì sự khổ này sẽ có. “Khi có sự vui-thích, thì sự hạnh-phúc này sẽ có. (1) Khi đi, người tu

thấy hạnh-phúc và dễ-chịu. (2) Khi đứng … (3) Khi ngồi … (4) Khi nằm … (5) Khi ở trong làng … (6) Khi ở trong rừng … (7) Khi ở dưới gốc cây … (8) Khi ở trong chòi trống … (9) Khi ở ngoài trời … (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. Khi có sự vui-thích, thì sự hạnh-phúc này sẽ có.”

67 (7) Naḷakapāna (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, lúc đó vừa tới một thị trấn của họ tên là Naḷakapāna. Ở thị trấn Naḷakapāna đó, đức Thế Tôn đã trú trong rừng cây Juda. Bấy giờ, vào lúc đó nhằm ngày bố-tát (uposatha), đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo ngồi xung quanh. Sau khi đã hướng dẫn, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ Tăng Đoàn các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, và sau khi quan sát sự im lặng phăng phắc của Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, Tăng Đoàn các Tỳ kheo không bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho

các Tỳ kheo. Lưng ta đang đau, ta sẽ đi nằm duỗi nó ra." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Xá-lợi-phất đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế nằm của sư tử, với chân tái để trùng lên chân phải, có chánh- niệm và sự rõ-biết, sau khi đã lưu ý trong tâm về sự (thời điểm thức) ngồi dậy. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!" "Dạ đạo hữu!", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: (I) "Này các đạo hữu, đối với ai không có niềm-tin vào [sự tu tập] những phẩm chất thiện, là người không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... người không có trí-

tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trăng tối đi (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện. "Này các Tỳ kheo, (1) 'một người không có niềm-tin': đây là một trường hợp sa-sút. (2) 'Một người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức' ... (3) 'Một người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức' ... (4) 'Một người lười- biếng' ... (5) 'Một người vô-trí' ... (6) 'Một người sân-giận' ... (7) 'Một người hung-dữ' ... (8) 'Một người có những tham-muốn xấu ác' ... (9) 'Một người có những đạo hữu xấu' ... (10) 'Một người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến)': đây là một trường hợp sa-sút (II) "Này các đạo hữu, đối với ai có niềm-tin vào [sự tu tập] những phẩm chất thiện, là người có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... người biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... người có trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng- trưởng và không suy-đồi về những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trăng sáng lên (đầy lên), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi về những phẩm chất thiện. (1) "Này các Tỳ kheo, 'một người có niềm-tin': đây là một trường hợp không sa-sút. (2) 'Một người biết xấu-hổ về mặt đạo đức' ... (3) 'Một người biết sợ-hãi về mặt đạo đức' ... (4) 'Một người nỗ-lực (tinh tấn)' ... (5) 'Một người có-trí' ... (6) 'Một người không sân-giận' ... (7) 'Một người không hung-dữ' ... (8) 'Một người không có những tham-muốn xấu

ác' ... (9) 'Một người có những đạo hữu tốt' ... (10) 'Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)': đây là một trường hợp không sa-sút. Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Xá-lợi-phất: "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện ... [Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi- phất] ... (10) 'Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)': đây là một trường hợp không sa-sút."

68 (8) Naḷakapāna (2) [Mở đầu giống kinh 10:67 kế trên, cho tới:] Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: (I) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, (2) người không có cảm nhận biết xấu- hổ về mặt đạo đức … (3) người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức … (4) người không có sự nỗ-lực (tinh tấn) … (5) người không có trí-tuệ … (6) người không lóng tai lắng nghe Giáo Pháp … (7) người không lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được … (8) người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm … (9) người không thực hành đúng theo Giáo Pháp … (10) người không chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trăng tối đi (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin … không chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện trí-tuệ, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy- đồi và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện. (II) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, (2) người có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt

đạo đức … (3) người biết sợ-hãi về mặt đạo đức … (4) người có sự nỗ-lực (tinh tấn) … (5) người có trí-tuệ … (6) người lóng tai lắng nghe Giáo Pháp … (7) người lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được … (8) người biết xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm … (9) người biết thực hành đúng theo Giáo Pháp … (10) người chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi trong những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trăng sáng lên (đầy lên), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin … chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng- trưởng và không phải sự suy-đồi trong những phẩm chất thiện.” Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện … [Phật lặp lại toàn bộ lời giảng của thầy Xá-lợi-phất] … thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi về những phẩm chất thiện.”

69 (9) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính; nói chuyện về những đội quân, những hiểm họa, và chiến tranh; nói về thức ăn, thức uống, trang phục, và giường chiếu; nói về những

vòng hoa và phấn sáp; nói về những người họ hàng, xe cộ, làng xóm, thị trấn, thị thành, và đất nước; nói về những phụ nữ và nói về những an hùng; nói chuyện ngoài đường và chuyện quanh giếng; nói chuyện người đã khuất;

• 105

nói chuyện lung tung; suy đoán về thế giới và biển cả; nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội trường, tới đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, sự thảo luận các thầy đã tham gia mới trước đây khi các thầy đang ngồi với nhau ở đây kà gì? Sự thảo luận đang dang dở là gì?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khất thực, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con tham gia vào vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính … nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ. “Này các Tỳ kheo, có mười chủ-đề để thảo luận. Mười đó là gì? Sự nói chuyện (i) về sự ít tham-muốn (thiểu dục), (ii) về sự biết hài-lòng (tri túc), (iii) về sự sống (tu) một-mình, (iv) về sự không bị trói-buộc với những người khác, (v) về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), (vi) về giới- hạnh, (vii) về sự định-tâm, (viii) về trí-tuệ, (ix) về sự giải-thoát, (10) về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là mười chủ đề để thảo luận. “Này các Tỳ kheo, nếu các thầy tham gia thảo luận chủ-đề nào trong mười chủ-đề này, thì sự sáng ngời của các thầy thậm chí còn hơn sự sáng ngời của mặt trời và mặt trăng, uy lực và uy dũng như chúng, vậy thì đó nhiều hơn (sự sáng ngời của) những du sĩ các đạo khác đến mức nào!”

70 (10) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, đó là: nói

106 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính … nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ.2088 “Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở để khen-ngợi. Mười đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn (thiểu dục). Đây là một cơ-sở (nền tảng) để khen-ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn.’ (2) “Người đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng (tri túc). Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng.’ (3) “Người đó tự mình sống (tu) một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một-mình. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình sống một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một- mình.’ (4) “Người đó tự mình không bị trói-buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác.

Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình không bị trói- buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác.' (5) "Người đó tự mình nỗ-lực (tinh tấn) và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi sự nỗ-lực. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình nỗ-lực và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi sự nỗ-lực.' (6) "Người đó tự mình thành tựu giới-hạnh [giới] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình thành tựu giới-hạnh và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh.' (7) "Người đó tự mình thành tựu sự định-tâm [định] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự định-tâm. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình thành tựu sự định-tâm và nói với các Tỳ kheo khác

về sự thành tựu sự định-tâm.' (8) "Người đó tự mình thành tựu trí-tuệ [tuệ] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-tuệ. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình thành tựu trí-tuệ và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí- tuệ.' (9) "Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát.' (10) "Người đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải- thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một cơ-sở để khen-ngợi: 'Tỳ kheo đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.' "Này các Tỳ kheo, đây là mười cơ-sở để khen-ngợi."

NHÓM 3. ƯỚC NGUYỆN

71 (1) Ước Nguyện 2089 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, hãy tuân giữ giới-hạnh và tuân thủ theo Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, các thầy hãy tu tập theo những điều luật đó.

(1) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình được hài lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo, được tôn trọng và kính trọng bởi họ', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình vì (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), không bỏ lơ những tầng thiền định (jhāna), có được sự minh-sát (tuệ), và lánh về (trú ở, sống tu) ở những chòi trống. (2) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình có được những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh … lánh về ở những chòi trống. (3) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho sự phụng sự của những người cúng dường những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh mà mình sử dụng sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao

cho họ', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (nghĩa là, cách trả ơn cho những thí chủ cúng dường là phải tu tập giới, định, tuệ cho hoàn thiện) (4) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Khi những người trong gia đình và thân thuộc, sau khi chết, sẽ tưởng nhớ mình với sự tự-tin trong tâm họ thì điều đó sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao cho họ', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (nghĩa là, nếu muốn người thân yêu của mình khi qua đời tưởng nhớ đến mình để có được phước quả thì mình phải lo tu tập hoàn thiện để trở thành bậc chân tu hay thánh tăng, vì sự tưởng nhớ bậc chân tu hay thánh tăng mới đem lại phước quả cho họ, chứ người họ tưởng nhớ là một người tu giả hay tục tăng thì không mang lại phước quả gì) (5) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (6) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình kiên-nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, sự đói khát, sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít;

nhẫn nhịn chịu đựng những lời nói thô tục và nhục mạ (bởi người ngoài, người xấu). Cầu cho mình chịu được nổi những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (7) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự bất-mãn (sân) và sự khoái-thích (tham), và cầu cho sự bất-mãn và sự khoái-thích không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự bất-mãn và sự khoái-thích mỗi khi chúng khởi sinh', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (8) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự sợ-hãi và khủng-khiếp, và cầu cho sự sợ-hãi và khủng-khiếp không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự sợ-hãi và khủng-khiếp mỗi khi chúng khởi sinh', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (9) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống. (10) "Nếu một Tỳ kheo ước: 'Cầu cho mình, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, mình an trú trong đó', thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình vì (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), không bỏ lơ những tầng thiền định (jhāna), có được sự minh-sát (tuệ), và lánh về ở những chòi trống. "Khi điều này được nói: 'Này các Tỳ kheo, hãy tuân giữ giới-hạnh và tuân thủ theo Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-

luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó', thì chính vì (những) điều này nên nó được nói ra như vậy."

72 (2) Những Gai Nhọn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn trong khu Rừng Lớn cùng với một số vị đệ tử trưởng lão rất nổi tiếng như: Ngài Cāla, Ngài Upacāla, Ngài Kakkaṭa, Ngài Kaṭimbha, Ngài Kaṭa, Ngài Kaṭissaṅga, và những vị đệ tử trưởng lão nổi tiếng khác. Bấy giờ, vào lúc đó có một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp đức Thế Tôn, và khi họ nối đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Rồi ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử, trưởng lão) đó: "Một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp đức Thế Tôn, và khi họ nối đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Giờ đức Thế Tôn đã gọi những tiếng ồn là cái gai nhọn đối với những tầng thiền định (jhāna). Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosiṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người." Rồi những vị đó đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosiṅga, ở đó họ trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người. Rồi đức Thế Tôn đã hỏi các Tỳ kheo (khác): "Này các Tỳ kheo, Cāla ở đâu? Upacāla ở đâu? Kakkaṭa ở đâu? Kaṭimbha ở đâu? Kaṭa ở đâu? Kaṭissaṅga ở đâu? Những đệ tử trưởng lão đó đã đi đâu? "Thưa Thế Tôn, ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử) đó: 'Một số người Licchavi ... đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosiṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người.' Do vậy họ đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosiṅga, ở đó họ trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người "Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Những vị đại đệ tử đó đã nói đúng khi họ

• 111

nói ta đã gọi tiếng ồn là cái gai nhọn đối với những tầng thiền định. Này các Tỳ kheo, có mười gai nhọn. Mười đó là gì? (1) Sự thích gặp gỡ tụ tập là gai nhọn đối với người thích ở (sống tu) một-mình. (2) Sự theo đuổi một đối-tượng hấp dẫn là gai nhọn đối với người có chủ ý thiền quán về dấu-hiệu (tướng) không hấp-dẫn. (3) Kịch tuồng (ca hát, múa hát, biểu diễn, phim ảnh) là gai nhọn đối với người canh phòng các cửa của các căn cảm-nhận. (4) Gặp gỡ phụ nữ là gai nhọn đối với đối với đời sống độc- thân. (5) Tiếng ồn là gai nhọn đối với những tầng thiền định. (6) Ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) là gai nhọn (cản trở) đối với tầng thiền định thứ hai. (7) Sự hoan-hỷ (hỷ) là gai nhọn đối với tầng thiền định thứ ba. (8) Sự thở vô-thở ra là gai nhọn đối với tầng thiền định thứ tư (trạng thái không còn sự thở, sự thở đã tạm ngưng). (9) Nhận-thức và cảm-giác là gai nhọn đối với sự chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác]. (10) Tham là một gai nhọn, sân là một gai nhọn, si là một gai nhọn. Hãy sống không bị gai nhọn, này các Tỳ kheo! Hãy sống không có gai nhọn, này các Tỳ kheo! Những A-la-hán là không bị gai nhọn. Những A-la-hán là không có gai nhọn. Những A-la-hán là không bị gai nhọn và không có gai nhọn."

73 (3) Thường Được Ước ... (I) "Này các Tỳ kheo, đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Mười đó là gì? (1) Sự giàu-có là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong

thế gian. (2) Sắc-đẹp … (3) Sức-khỏe … (4) Giới-hạnh … (5) Sự độc-thân … (6) Bạn-bè … (7) Sự học-hiểu … (8) Trí-tuệ … (9) Những phẩm-chất tốt … (10) Những cõi-trời là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian (II) "Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những cản-trở cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi

đạt được trong thế gian. (1) Sự lơ là và sự thiếu phát tâm (không chủ động làm, không tháo vát) là những cản trở đối với [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự không tô điểm và sự không làm đẹp bản thân là những cản trở đối với sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều bất lợi là một sự cản trở đối với sức-khỏe. (4) Sự có bạn-xấu (đạo hữu xấu) là một sự cản trở đối với giới-hạnh. (5) Sự không kiềm chế các căn cảm-nhận (giác quan) là một sự cản trở đối với sự sống độc-thân. (6) Sự hai mặt giả dối là một cản trở đối với sự có bạn-tốt. (7) Sự không đọc thuộc học thuộc là một sự cản trở đối với sự học-hiểu. (8) Sự không muốn lắng nghe và không hỏi những câu hỏi là những sự cản trở đối với trí-tuệ. (9) Sự không áp dụng bản thân và sự thiếu suy xét quán chiếu là những cản trở đối với những phẩm-chất tốt. (10) Sự tu-tập sai trái là một cản trở đối với (sự được tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều [khác] là những cản-trở cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (III) "Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những dưỡng-chất cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (1) Sự siêng năng và phát tâm (chủ động, tháo vát) là những dưỡng chất cho [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự tô điểm và sự làm đẹp bản thân là những dưỡng chất cho sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều ích lợi là một dưỡng chất cho sức-khỏe. (4) Sự có bạn-tốt (đạo hữu tốt) là một dưỡng chất cho giới-hạnh. (5) Sự kiềm chế các căn cảm-nhận là một dưỡng chất cho sự sống độc-thân. (6) Sự chân thành là một dưỡng chất cho sự có bạn-tốt. (7) Sự đọc thuộc học thuộc là một dưỡng chất cho sự học-hiểu. (8) Sự muốn lắng nghe và hỏi những câu hỏi là những dưỡng chất cho trí-tuệ. (9) Sự áp dụng bản thân và sự biết suy xét quán chiếu là những dưỡng chất cho những phẩm-chất tốt. (10) Sự tu-tập đúng đắn là một dưỡng chất cho (sự được tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều [khác] là những dưỡng-chất cho những điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian."

74 (4) Sự Tăng Trưởng 2090 "Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo mười cách là một đệ tử thánh thiện (tại gia) tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Mười đó là gì? (1) Người đó tăng trưởng về ruộng đồng và đất đai; (2) về sự giàu có và lúa gạo; (3) về những thê thiếp và con cái; (4) về những nô lệ, người làm, và người hầu; (5) về gia súc; (6)–(10) về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo mười cách này là một đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này." Một người tăng trưởng ở đây về sự giàu có và

lúa gạo, Về con cháu, thê thiếp và gia súc, Là giàu có và nổi tiếng, được tôn vinh bởi Những người thân, bạn bè, và vua chúa. Một người nhận biết sáng suốt như vậy— Là người tăng trưởng ở đây về niềm-tin và giới-hạnh, Về trí-tuệ, bố-thí, và sự học-hiểu— Tăng trưởng cả hai cách (thế tục và tâm linh) trong đời này.

75 (5) Cô Migasālā 2091 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc-thân, sống tách-ly (ẩn dật), kiêng cữ tính dục, kiêng cữ những thói tật cá nhân phàm

tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai [a] và đã tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).' và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Chú của con [b] là Isidatta2092 không sống độc-thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?" "Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy." [c] Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức-ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khất thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā … [thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới:] … Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: 'Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.'" [Đức Thế Tôn nói:] "Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? [d] Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? 2093 "Này Ānanda, có mười loại người được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì? (1) "Ở đây, này Ānanda, có một người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư.2094 Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [từ chúng], không thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan

rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác- biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (thất đức và không có trí tu) (2) “Rồi, này Ānanda, có người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (thất đức nhưng có trí tu) + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ [e] sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. - “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (2)] là thất-đức, có người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất- đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư; và người đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (1)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. [f] Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.- (3) “Ở đây, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), nhưng không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không

còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (đức hạnh nhưng không có trí tu)

(4) “Rồi, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), và hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác- biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác- biệt, không đi tới sự suy-đồi. (đức hạnh và có trí tu) + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. - “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (4)] là đức-hạnh, và hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (3)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? - “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(5) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) tham, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (nhiều dục và không có trí tu)

(6) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về tham, nhưng

• 117

hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác- biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác- biệt, không đi tới sự suy-đồi. (nhiều dục nhưng có trí tu) + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. - “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (6)] tính nghiêng về tham, nhưng hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (5)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? - “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. - (7) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) sân, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (nhiều sân và không có trí tu)

(8) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (nhiều sân nhưng có trí tu)

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. - “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (8)] tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (7)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? - “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta

… Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. - (9) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (bất an và không có trí tu) (10) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (bất an nhưng có trí tu) + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. - “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (10)] bất-an, nhưng hiểu … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (9)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

• 119

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. - “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? “Đây là mười loại người được thấy có trong thế gian. “Này Ānanda, cho dù Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà Purāṇa đã có, thì ngay cả Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà Isidatta đã có, thì ngay cả Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình. Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một phương diện.” (tức Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh) [g]

76 (6) Không Khả Năng (I) (1) “Này các Tỳ kheo, nếu ba điều này2095 không được thấy có trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy sẽ không soi sáng trong thế gian. Ba đó là gì? Sinh, già, và chết. Nếu ba điều này không được thấy có trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy không soi sáng trong thế gian. Nhưng bởi vì ba điều này được thấy có trong thế gian, nên Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy soi sáng trong thế gian. (2) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Chưa trừ bỏ ba điều này, thì một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. (3) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người không có khả năng trừ bỏ

tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi- ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ). Chưa trừ bỏ ba điều này, thì một người không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (4) "Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ). (5) "Chưa trừ bỏ ba điều này... sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và sự xao lãng của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm. (6) "Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích ...) này nọ ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm. (7) "Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự bất-chấp về mặt đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán này nọ. (8) "Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về mặt đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức. (9) "Chưa trừ bỏ ba điều ... sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn- xấu (đạo hữu xấu) ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng. (10) "Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, và sự không chuyên-chú ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có

bạn-xấu. "Này các Tỳ kheo, (1) một người là người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức và không biết sợ-hãi về mặt đạo đức thì không chuyên-chú. (2) Người không chuyên-chú thì không có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu. (3) Người có đạo hữu-xấu thì không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng. (4) Người lười-biếng là không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức. (5) Người vô đạo đức là không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. (6) Người có một cái tâm hay phê-phán này nọ là không có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. (7) Người có tâm bị xao- lãng là không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. (8) Người có tâm trì trệ thụ động là không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ). (9) Người có sự nghi-ngờ là không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (10) Chưa trừ bỏ tham, sân, si, thì một người không có khả năng trừ bỏ

sinh, già, chết. (II) (1) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. (2) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi- ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ). Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (3) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm … thì một người có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến),

sự nghi-ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ). (4) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và sự xao lãng của tâm … thì một người có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm. (5) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê- phán này nọ … thì một người có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm. (6) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự bất-chấp về đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức … thì một người có khả năng trừ bỏ sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. (7) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự thiếu niềm-tin, sự không bố- thí, và sự lười-biếng … thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức. (8) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu … thì một người có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng. (9) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này … sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, và sự không chuyên-chú … thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn- xấu. (10) “Này các Tỳ kheo, một người là người biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức thì (người đó) chuyên-chú. (9) Người chuyên-chú thì có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu. (8) Người có bạn-tốt thì có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự bố-thí, và sự lười-biếng. (7) Người nỗ-lực (tinh tấn) là có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về đạo đức, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức. (6)

Người đức-hạnh (có giới-hạnh) là có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. (5) Người có một cái tâm không phê-phán (bắt lỗi …) này nọ là có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. (4) Người có tâm không bị xao-lãng là có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. (3) Người có tâm không trì-trệ thụ động là có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi- ngờ, và sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện

(giới-cấm thủ). (2) Người không có sự nghi-ngờ là có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (1) Sau khi đã trừ bỏ tham, sân, si, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết."

77 (7) Con Quạ "Này các Tỳ kheo, một con quạ có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Nó phá hoại và hỗn xược, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và khò khè, tâm trí rối rắm và hám lợi. Một con quạ có mười phẩm chất này. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó phá hoại và bất kính, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và nói khàn, có tâm mời-rối (thất niệm) và hám lợi. Một Tỳ kheo xấu ác có mười phẩm chất này."

78 (8) Những Ni-Kiền-Tử "Này các Tỳ kheo, những Ni-kiền-tử có mười phẩm chất xấu. Mười đó là gì? (1) Những Ni-kiền-tử là không có niềm-tin (chánh tín), (2) không có giới-hạnh (thất đức), (3) không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (4) bất chấp về mặt đạo đức, (5) và tận tụy phụng sự cho những người xấu. (6) Họ khen ngợi mình và chê bai những người khác. (7) Họ nắm giữ những quan-điểm của mình, nắm chặt chúng, và khó từ bỏ chúng. (8) Họ là những người lừa dối (9) có những tham muốn xấu ác, và (10) nắm giữ

những cách-nhìn sai trái (tà kiến).2096 Những Ni-kiền-tử có mười phẩm chất xấu."

79 (9) Những Căn Cớ (1) 2097 "Này các Tỳ kheo, có mười căn cớ cho (tạo ra) sự tức-giận. Mười đó là gì? (1) [Do nghĩ:] 'Họ đã làm hại mình', nên người chấp chứa tức giận. (2) [Do nghĩ:] 'Họ đang làm hại mình', nên người chấp chứa tức giận. (3) [Do nghĩ]: 'Họ sẽ làm hại mình', nên người chấp chứa tức giận. (4) [Do nghĩ:] 'Họ đã làm hại người thân của mình', nên người chấp chứa tức giận. (5) [Do nghĩ]: 'Họ đang làm hại người thân của mình', nên người chấp chứa tức giận. (6) [Do nghĩ]: 'Họ sẽ làm hại người thân của mình', nên người chấp chứa tức giận. (7) [Do nghĩ]: 'Họ đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình', nên người chấp chứa tức giận. (8) [Do nghĩ:] 'Họ đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình', nên người chấp chứa tức giận. (9) [Do nghĩ:] 'Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình', nên người chấp chứa tức giận. (10) Và một người tức giận không vì lý do gì.2098 "Này các Tỳ kheo, đây là mười căn cớ cho sự tức giận."

80 (10) Những Căn Cớ (2) 2099 "Này các Tỳ kheo, có mười cách loại bỏ (căn cớ tạo ra) sự tức-giận. Mười đó là gì? [Nhờ nghĩ:] 'Họ đã làm hại mình, nhưng biết làm sao được?', nên người nguôi tức giận. (2) [Nhờ nghĩ:] 'Họ đang làm hại mình, nhưng biết làm sao được?', nên người nguôi tức giận. (3) [Nhờ nghĩ:] 'Họ sẽ làm hại mình, nhưng biết làm sao được?', nên người nguôi tức giận. (4) [Nhờ nghĩ:] 'Họ đã làm hại người thân của mình … (5) … 'Họ đang làm hại người thân của mình … (6) … 'Họ sẽ làm hại người thân của mình, nhưng biết làm sao được?', nên người nguôi tức giận. (7) [Nhờ nghĩ:] 'Họ đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình … (8) … 'Họ đang làm

lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình … (9) … 'Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình, nhưng biết làm sao được?', nên người nguôi tức giận. (10) Và một người

không tức giận khi chẳng có lý do gì. “Này các Tỳ kheo, đó là mười cách loại bỏ sự tức giận.”

NHÓM 4. CÁC TRƯỞNG LÃO

81 (1) Bāhuna Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gag- garā. Lúc đó có Ngài Bāhuna đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, Như Lai được giải thoát, được tách ly, và được giải tỏa khỏi bao nhiêu thứ để bậc ấy an trú với một cái tâm không còn [tự do, hết khỏi] những ranh giới?” “Này Bāhuna, chính do Như Lai đã được giải thoát, được tách ly, và được giải tỏa khỏi mười điều, nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những ranh giới. Mười đó là gì? (1) Chính bởi vì Như Lai được giải thoát, được tách ly, được giải tỏa khỏi (thân) sắc nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới. (2)–(5) Chính bởi vì Như Lai được giải thoát, được tách ly, được giải tỏa khỏi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố-ý … thức nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới. (6)–(10) Chính bởi vì Như Lai được giải thoát, được tách ly, được giải tỏa khỏi sự sinh … sự già … sự chết … sự khổ … những ô- nhiễm nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới. “Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nó đã mọc lên khỏi nước và đứng trên không còn bị dính dơ bởi nước;2100 thậm chí hơn vậy, chính bởi vì Như Lai được giải thoát, được tách ly, được giải tỏa khỏi mười điều này, nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới.”

82 (2) Ānanda Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: (1) “Này Ānanda, không thể nào một Tỳ kheo không có niềm-tin mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn (chín muồi, trưởng thành) trong Giáo Pháp và giới luật này. (2) Không thể nào một Tỳ kheo thiếu giới-hạnh … (3) … một Tỳ kheo ít học-hiểu … (4) … một Tỳ kheo là khó tu sửa … (5) … một Tỳ kheo là người có những bạn-xấu … (6) … một Tỳ kheo lười-biếng … (7) … một Tỳ kheo có tâm mờ-rối (thất niệm) … (8) … một Tỳ kheo không biết hài-lòng (bất tri túc; với những thứ mình có được) … (9) … một Tỳ kheo có những tham-muốn xấu ác (tà dục, đa dục) … (10) … một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Không thể nào một Tỳ kheo có những phẩm chất này mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. (1) “Này Ānanda, có thể rằng một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin thì sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. (2) Có thể rằng một Tỳ kheo có giới-hạnh … (3) … một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều … (4) … một Tỳ kheo là dễ tu sửa … (5) … một Tỳ kheo là người có những bạn-tốt … (6) … một Tỳ kheo nỗ-lực (tinh tấn) … (7) … một Tỳ kheo có chánh-niệm … (8) … một Tỳ kheo biết hài- lòng (tri túc) … (9) … một Tỳ kheo có ít tham-muốn (thiểu dục) … (10) … một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Có thể rằng một Tỳ kheo có được những phẩm chất này thì

sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này.”

83 (3) Ngài Puṇṇiya 2101

• 127

Lúc đó có Ngài Puṇṇiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: (I) “Thưa Thế Tôn, tại sao có những lúc Như Lai dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp và có những lúc Như Lai không dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp?” (1) “Này Puṇṇiya, khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin nhưng không đến gặp Như Lai, thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (2) Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy. (3) “Khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, nhưng không chú tâm lắng nghe Như Lai … (4) Khi người đó chú ý nghe lắng Như Lai nhưng không hỏi những câu hỏi … (5) … Khi người đó hỏi những câu hỏi nhưng lại không lóng tai lắng nghe Giáo Pháp … (6) Khi người đó lóng tai lắng nghe Giáo Pháp, nhưng sau khi đã nghe được Giáo Pháp, người đó không lưu giữ nó trong tâm … (7) Khi người đó, sau khi đã nghe được Giáo Pháp và lưu giữ nó trong tâm, nhưng không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm … (8) Khi người đó xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, nhưng không hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp cho nên không thực hành đúng theo Giáo Pháp … (9) Khi người đó hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và rồi thực hành đúng theo Giáo Pháp, nhưng người đó không phải là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; không phải là một người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa … (10) Khi người đó là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa, nhưng người đó không chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo của mình (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (II) “Nhưng, này Puṇṇiya, (1) khi một Tỳ kheo được phú cho niềm- tin, (2) đến gặp Như Lai, (3) chú ý nghe Như Lai, (4) hỏi những câu hỏi, và (5) lóng tai lắng nghe Giáo Pháp; và (6) sau khi đã nghe được Giáo

Pháp, người đó lưu giữ nó trong tâm, (7) xem xét ý nghĩa của những giáp lý mình đã lưu giữ trong tâm, và (8) hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp, và (9) người đó là người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; là người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa; và (10) người đó chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. Này Puṇṇi- ya, khi một người có được mười phẩm chất này, thì Như Lai sẽ dành lúc chỉ dạy Giáo Pháp.”

84 (4) Tuyên Bố Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này: “Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối

cùng (tức sự giác-ngộ, quả A-la-hán) như vầy: 'Tôi hiểu rằng: "Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa."' (i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thẩm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thẩm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắt hay rối trí. Người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn. (ii) "Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định … — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: 'Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: "Tôi hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.'"?'

• 129

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: (1) "'Vị này tính nghiêng về (dễ dính) sân và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sân. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thu- yết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sân là một trường hợp sa-sút. (2) "'Vị này là hung hăng và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự hung hăng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự hung hăng là một trường hợp sa-sút. (3) "'Vị này hay chê bai và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sự chê bai. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự chê bai là một trường hợp sa-sút. (4) "'Vị này là xấc xược và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xấc xược. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự xấc xược là một trường hợp sa-sút. (5) "'Vị này là ghen tỵ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ghen tỵ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính ghen tỵ là một trường hợp sa-sút. (6) "'Vị này là keo kiệt và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự keo kiệt. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính keo kiệt là một trường hợp sa-sút. (7) "'Vị này là xảo kế và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xảo kế. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính xảo kế là một trường hợp sa-sút. (8) "'Vị này là lừa dối và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự lừa dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính lừa dối là một trường hợp sa-sút. (9) "'Vị này có những tham muốn xấu ác và tâm vị này thường bị ám muội bởi tham muốn xấu ác. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tham muốn là một trường

hợp sa-sút. (10) "'Trong khi còn thêm điều cần phải làm,2102 vị này dừng lại giữa đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.' "Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ

mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này thì sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này.”

85 (5) Người Khoát Lác Trong một lần có Ngài Đại Cunda đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sa- hajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Cunda nói điều này: “Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người khoác lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất … tầng thiền định thứ hai … tầng thiền định thứ ba … tầng thiền định thứ tư … không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên] … thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên] … vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không] … phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác].’ (i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thẩm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thẩm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắt hay rối trí. Người đó

gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn. (ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định … — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này là một người khoác lác, người khoe khoang về những thành tựu như: “Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất … tôi chứng đắc và thoát ra khỏi (trạng thái) diệt thọ tưởng”?’ (iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: (1) “‘Từ lâu đức-hạnh của vị này đã bị sứt mẻ, bị khuyết điểm, bị dính nhiễm, và bị vết đốm, và vị này không kiên trì tuân giữ và theo đúng giới-hạnh. Vị này là thiếu giới-hạnh. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu giới-hạnh là một trường hợp sa-sút. (2) “‘Vị này không có niềm-tin. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu niềm-tin là một trường hợp sa-sút. (3) “‘Vị này ít học-hiểu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự ít học-hiểu là một trường hợp sa-sút. (4) “‘Vị này là khó tu sửa. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự khó tu sửa là một trường hợp sa-sút. (5) “‘Vị này có bạn-xấu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự có bạn-xấu là một trường hợp sa-sút. (6) “‘Vị này là lười-biếng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự lười-biếng là một trường hợp sa-sút. (7) “‘Vị này có tâm mờ-rối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự mờ-rối của tâm là một trường hợp sa- sút. (8) “‘Vị này là một người lừa-dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự lừa-dối là một trường hợp sa-

sút. (9) “‘Vị này là khó (được) ủng-hộ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự khó (được) ủng-hộ là một trường hợp sa-sút. (10) “‘Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp sa- sút.’ “Này các đạo hữu, ví dụ một người A nói với bạn thân B của mình: ‘Này bạn, khi nào anh cần tiền mua thứ gì, chỉ cần hỏi tôi, tôi sẽ đưa cho anh.’ Khi người bạn thân B cần tiền, B nói với A: ‘Này bạn, tôi cần tiền. Hãy đưa cho tôi ít tiền.’ (i) A nói: ‘Này bạn, nếu vậy hãy đào chỗ này.’ B đào nhưng những không thấy gì. Nên B nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ này.’ (ii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kia.’ B đào lại chỗ kia, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kia.’ (iii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kìa.’ B lại đào chỗ kìa, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kìa.’2103 A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Tôi đã điên, tôi mất trí.’ “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người khoát lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất … [tiếp tục như trên cho tới:] (10) “‘Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp sa-sút.’ “Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này.”

• 133

86 (6) Trí Biết Cuối Cùng Trong một lần đức có Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ (được gọi là chỗ) kiếm ăn của bầy sóc. Ở đó thầy Đại Ca-diếp đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-diếp nói điều này: “Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” (i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thẩm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thẩm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắt hay rối trí. Người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn. (ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định … — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”?’ (iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành

tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (iv) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng

thiền định … — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng; tại sao nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và tại sao, bằng sự đánh giá cao bản thân, vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”?’ (v) … Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết— những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm. Do vậy vị này đã đánh giá quá cao bản thân và tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân của mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”’ (vi) … Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: (1) “‘Vị này có đầy tham-muốn và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự tham-muốn (tham dục). Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này, sự ám muội bởi tham-dục là một trường hợp sa-sút. (2) “‘Vị này có đầy ác-ý và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ác-ý. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này, sự ám muội bởi sự ác-ý là một trường hợp sa-sút. (3) “‘Vị này dễ bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này,

sự ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ là một trường hợp sa-sút. (4) “‘Vị này là bất-an và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự bất-an. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này, sự ám muội bởi sự bất-an là một trường hợp sa-sút. (5) “‘Vị này dễ bị sự nghi-ngờ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự nghi-ngờ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này, sự ám muội bởi sự nghi-ngờ là một trường hợp sa-sút. (6) “‘Vị này thích làm công việc này nọ, thích thú làm công việc, dành nhiều cho công việc. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú làm những công việc này nọ là một trường hợp sa-sút. (bổn phận chính của người xuất gia là tu tập để giải thoát, không phải xuất gia để làm lụng những công việc)

(7) “‘Vị này thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, dành nhiều cho sự nói chuyện. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú nói chuyện này nọ là một trường hợp sa-sút. (8) “‘Vị này thích ngủ, thích thú sự ngủ,

dành nhiều cho sự ngủ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú ngủ là một trường hợp sa-sút. (9) "'Vị này thích gặp gỡ bè bạn, thích thú gặp gỡ bè bạn, dành nhiều cho sự gặp gỡ bè bạn. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú gặp gỡ bè bạn là một trường hợp sa-sút. (10) "'Trong khi còn thêm điều cần phải làm,2104 vị này dừng lại giữa đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.' "Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự

tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này."

87 (7) Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật Ở đó đức Thế Tôn, khi đề cập tới Tỳ kheo Kalandaka, đã nói với các Tỳ kheo:2105 "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (I) (1) "Ở đây, một Tỳ kheo là một người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới luật và người đó không nói lời đề cao sự giải- quyết những vấn-đề thuộc giới luật đó. Khi một Tỳ kheo là người làm ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới luật và người đó không nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc giới luật đó, thì đây là một phẩm chất không dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết.2106 (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo không mong muốn tu tập và người đó không nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu tập. Khi một Tỳ kheo không mong muốn tu tập ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo có những tham-muốn xấu ác và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ những tham-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo tính nghiêng về (dễ dính) sân và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân-giận. Khi một Tỳ kheo tính nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (5) "Lại nữa, một Tỳ kheo là người hay chê-bai [người khác] và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (6) "Lại nữa, một Tỳ kheo là xảo-kế và người đó không nói lời đề cao

sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo là xảo-kế ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (7) "Lại nữa, một Tỳ kheo là lừa-dối và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo là lừa dối ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (8) "Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý và người đó không nói lời đề cao sự chú-tâm tới những giáo lý. Khi một Tỳ kheo không ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (9) "Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng tới

sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần) và người đó không nói lời đề cao 'sự sống tách-ly'. Khi một Tỳ kheo không ngã hướng tới sự sống tách-ly ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. (10) "Lại nữa, một Tỳ kheo không thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo và người đó không nói lời đề cao sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở, cơm nước ...) đối với những Tỳ kheo đồng đạo. Khi một Tỳ kheo không thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết. "Cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước: 'Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!', thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này. "Giả sử một con ngựa non có ước muốn: 'Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!', thì người ta vẫn không xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, không cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và không chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người có trí nhìn thấy nó chưa dẹp

bỏ những trò xạo của nó, những mánh lới, những trò liều, và những mưu toan của nó. Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước: 'Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!', thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này. (II) (1) "Ở đây, một Tỳ kheo không phải là người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới luật và người đó nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc giới luật đó. Khi một Tỳ kheo không phải là người làm ra những vấn-đề thuộc giới luật và người đó nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc giới luật đó, thì đây là một phẩm chất dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết. (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo mong muốn tu tập và người đó nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu tập. Khi một Tỳ kheo mong muốn tu tập ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết. (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo không có những tham-muốn xấu ác và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ những tham-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo không có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân giận. Khi một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết. (5) "Lại nữa, một Tỳ kheo không là người hay chê-bai [người khác] và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo không là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết. (6) "Lại nữa, một Tỳ kheo không xảo-kế và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo không xảo-kế ... thì đây cũng là

một phẩm chất dẫn tới … sự đoàn kết. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo không lừa-dối và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo không lừa dối … thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới … sự đoàn kết. (8) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý và người đó nói lời đề cao sự chú-tâm tới những giáo lý. Khi một Tỳ kheo ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý … thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới … sự đoàn kết. (9) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng tới sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần) và người đó nói lời đề cao sự sống tách-ly. Khi một Tỳ kheo ngã hướng tới sự sống tách-ly … thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới … sự đoàn kết. (10) “Lại nữa, một Tỳ kheo thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo và người đó nói lời đề cao sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở, cơm nước …) đối với những Tỳ kheo đồng đạo. Khi một Tỳ kheo thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo … thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới … sự đoàn kết. “Cho dù một Tỳ kheo như vậy không ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này. “Giả sử một con ngựa thuần chủng xuất sắc không ước muốn: ‘Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!’, thì người ta vẫn xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người có trí nhìn thấy nó đã dẹp bỏ những trò xạo của nó, những mánh lới, những trò liều, và những mưu toan của nó. Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy

không ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này. ”

88 (8) Người Sỉ Nhục 2107 “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này. Mười đó là gì? (1) Người đó không thành tựu điều chưa thành tựu. (2) Người đó rớt khỏi điều mình đã thành tựu. (3) Những phẩm chất tốt của người đó không được làm sáng bóng. 2108 (4) Người đó đánh giá quá cao những phẩm chất của mình, hoặc (5) sẽ dẫn tới đời sống tâm linh không được viên-mãn, hoặc sẽ phạm vào tội ô-nhiễm nào đó, hoặc (7) dính bệnh ngặt nghèo, hoặc (8) bị điên khùng hay bị loạn trí. (9) Người đó chết với cái tâm ngu-mờ. (10) Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này.”

89 (9) Kokālika 2109 Lúc đó có Tỳ kheo Kokālika đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham- muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.” [Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này

• 141

Kokālika!2110 Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành (hành xử thiện khéo).” Lần thứ hai Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.” [Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.” Lần thứ ba Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.” [Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.” Rồi Tỳ kheo Kokālika đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải, và đi ra. Không lâu sau khi Tỳ kheo Kokālika đi ra, toàn thân của thầy ấy bị đầy mụn nhọt cỡ bằng hạt cải. Rồi chúng lớn thành cỡ hạt đậu xanh; rồi lớn thành cỡ hạt đậu gà; rồi lớn thành cỡ lỗ cuống của táo tàu; rồi lớn thành cỡ trái táo tàu; rồi lớn thành cỡ trái myrobalan; rồi lớn thành cỡ trái táo gỗ (belli) chưa chín;2111 rồi lớn thành cỡ trái táo gỗ đã chín. Khi chúng đã lớn thành cỡ trái táo gỗ đã chính, chúng nổ bung, xì ra mủ và máu. Rồi thầy ấy chỉ nằm trên lá chuối giống như một con cá nuốt phải chất độc. Lúc đó có một vị trời (brahmā) độc lập tên là Tudu đã đến gặp Tỳ kheo Kokālika,2112 đứng hỏng trên không, và nói với thầy ấy: “Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

“Ông là ai, này bạn?” “Ta là trời Tudu độc lập.” “Không phải đức Thế Tôn đã tuyên bố ngài là một bậc Bất-lai hay sao, này đạo hữu? Vậy tại sao ngài còn quay lại đây? Hay ngài đã làm nhiều điều sai quấy.”2113 Rồi vị trời Tudu độc lập mới nói cho Tỳ kheo Kokālika bằng những lời thi kệ này: “Khi một người được sinh ra Với một lưỡi rìu được sinh ra trong miệng Với nó người đó cắt chính mình, Bằng cách thốt ra những lời sai trái. Người đó khen người đáng bị chê 2114 Hoặc chê người đáng được khen Với (tà) khẩu ném một cú ném xui rủi Do đó không tìm thấy an lạc. Chỉ là một cú ném con súc sắc không may Nhưng kết quả thua sạch tài sản, [Mất sạch] tất cả, kể cả bản thân mình; Nhưng cú ném này còn xui rủi hơn nhiều: Là sự chấp chứa sự thù ghét đối với những bậc thánh. [a] Suốt thời gian dài 436 ngàn nirabbuda, Cộng 05 abbuda, [b] 2115 Người vu khống những thánh nhân sẽ bị đọa trong địa ngục Sau khi đã phỉ báng họ bằng những lời lẽ và ý nghĩ tà ác.” Rồi Tỳ kheo Kokālika đã chết vì căn bệnh đó, và bởi do sự

thù oán của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.2116 Rồi, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati, với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính

• 143

lễ đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Kokālika đã chết, và bởi do sự thù oán của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.” Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Rồi vị trời đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó. Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati đã đến gặp ta và thưa với ta … [Phật kể lại toàn bộ như đoạn kế trên] … và biến mất ngay tại đó.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, kiếp hạn trong địa ngục sen-đỏ dài bao nhiêu?”2117 “Thời hạn trong địa ngục sen-đỏ là dài, này Tỳ kheo. Không dễ gì tính được nó để nói theo kiểu nó dài nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm.” “Vậy có thể cho một ví dụ về nó không, thưa Thế Tôn?” “Có thể, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Ví dụ có một chiếc xe của một người Kosala chở 20 giạ hột mè. Cứ hết 100 năm một người lấy ra một hột mè. Theo cách này, thời gian để lấy ra hết số hột mè của 20 giạ hột mè còn ngắn hơn thời gian của (1) một kiếp trong chỉ một địa ngục abbuda. (2) Một kiếp trong địa ngục nirabbu- da là bằng 20 kiếp trong địa ngục abbuda; (3) một kiếp trong địa ngục ab- aba là bằng 20 kiếp trong địa ngục nirabbuda; (4) một kiếp trong địa ngục ahaha là bằng 20 kiếp trong địa ngục ababa; (5) một kiếp trong địa ngục aṭaṭa là bằng 20 kiếp trong địa ngục ahaha; (6) một kiếp trong địa ngục hoa-súng là bằng 20 kiếp trong địa ngục aṭaṭa; (7) một kiếp trong địa ngục hương-thơm là bằng 20 kiếp trong địa ngục hoa-súng; (8) một kiếp trong địa ngục sen-xanh là bằng 20 kiếp trong địa ngục hương-thơm; (9) một kiếp trong địa ngục sen-trắng là bằng 20 kiếp trong địa ngục sen-xanh; và

144 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

(10) một kiếp trong địa ngục sen-đỏ là bằng 20 kiếp trong địa ngục sen- trắng. Giờ, bởi do thầy ấy chấp chứa sự oán thù với Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên, nên Tỳ kheo Kokālika đã bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: [Lặp lại bốn đoạn thi hệ giống ở trên.]

90 (10) Những Sức Mạnh 2118 Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, khi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có bao nhiêu sức-mạnh (lực, năng lực) mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’?” “Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh nhờ

đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.' Mười đó là gì? (1) "Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng 'mọi hiện-tượng có điều- kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-thường', đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm dựa vào đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.' (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng 'những khoái-lạc giác quan (dục lạc) giống như một hố than đang cháy', đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … (3) "Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần, ẩn tu); nó (tâm) được rút-lui (thu tâm, rút khỏi, lánh khỏi), vui thích sự từ-bỏ, và đã hoàn toàn tiệt-dứt với mọi thứ là cơ sở tạo ra những ô-nhiễm. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm …

• 145

(4) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ). Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … (5)–(10) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng (5) bốn sự chuyên-cần đúng đắn (tứ chánh cần) … (6) bốn cơ-sở (tạo ra) thần thông (tứ thần túc) … (7) năm căn tâm-linh (ngũ căn) … (8) năm năng-lực (ngũ lực) … (9) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) … (10) con-đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây cũng là một một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt." "Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh này mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.'"

NHÓM 5. UPĀLI 2119

91 (1) Người Thụ Hưởng Dục Lạc 2120 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này gia chủ, có mười loại người thụ hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan] được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?2121 [I. Mô Tả] [A. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:] (1) "Ở đây, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không

làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức. (2) "Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh- phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (3) "Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công đức. [B. Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính

và bất chính:] (4) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của- cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (5) “Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (6) “Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. [C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:] (7) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của- cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

• 147

(8) “Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh- phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (9) “Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công- đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó. (10) “Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; có nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, có hiểu được sự thoát- khỏi nó. [II. Đánh Giá] [A. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:] (1) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công- đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này. (2) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn

148 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này. (3) “N người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b)

làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này. [B. Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:] (4) "Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này. (5) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này. (6) "Người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm

• 149

bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này. [C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:] (7) "Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này. (8) "Người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này. (9) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không

hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó

150 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này. (10) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này. [D. Kết Luận:] “Này gia chủ, đây là mười loại người thụ hưởng dục-lạc được thấy có trong thế gian. Trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ hưởng dục-lạc (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó. Giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ hưởng dục-lạc (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công- đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó.”

• 151

92 (2) Những Sự Thù Oán 2122 Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ ‘năm hiểm-họa và sự thù-oán’, và (II) có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’, và (III) đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ bằng trí-tuệ, thì người đó, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình rằng: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đày đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn phải bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’ [a] (I) “Cái gì là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ? (1) Này gia chủ, một người sát-sinh, với sự sát-sinh là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau [b] và người đó cũng nếm trải sự khổ

tâm và ưu phiền. (Nhưng) một người kiêng cữ sát-sinh thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ sát-sinh, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ. (2) "Một người gian-cắp ... (3) Một người có tà-dâm tà dục ... (4) Một người nói-dối nói láo ... (5) Một người uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, với những (hành vi) đó là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau và người đó cũng nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (Nhưng) một người kiêng cữ gian- cắp ... kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì không tạo ra hiểm-họa và sự

thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ gian-cắp ... kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ. "Đây là 'năm hiểm-họa và sự thù-oán' đã được loại bỏ. (II) "Và cái gì là bốn yếu-tố (của một bậc) Nhập-lưu mà người đó đã có được? [c] (6) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí- biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (7) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' (8) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). (9) "Người đó có được những giới-hạnh (tức: năm giới-hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. [d] "Đây là 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' mà người đó có được.

(III) "Và cái gì là 'phương pháp thánh thiện' mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và thâm nhập thấu suốt bằng trí-tuệ?2123 (10) Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đó suy xét (quán chiếu) như vầy: "Do có thứ này, nên có [sinh ra, xảy ra] thứ kia; với sự khởi sinh của thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra, không xảy ra] thứ kia; với sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. (người

dịch xuống hàng chỗ này cho dễ đọc)

• "Đó là: 'Do có vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức (thức); do có thức là điều-kiện, nên có phần tâm-thân (danh sắc); do có phần tâm-thân là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều- kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính- chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết (lão tử); sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.' (chiều khởi sinh) "Nhưng: 'Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh-ra; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt sự già và chết; chấm dứt sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.' (chiều hoàn diệt) "Đây là 'phương pháp thánh thiện' mà người đó đã nhìn thấy một

cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ. "Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ 'năm hiểm-họa và sự thù-oán' này, và (II) người đó có được 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt 'phương pháp thánh thiện' này bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: 'Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi-đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn phải bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng đến sự giác-ngộ.'"

93 (3) Sự Thấy (gia chủ Cấp Cô Độc) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đi ra khỏi (thành) Sāvatthī vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: "Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ẩn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ẩn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác." Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã đến khu ở của những du sĩ các giáo phái khác. Bấy giờ, vào lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập và đang tạo nên sự huyên náo khi họ đang ngồi lớn tiếng và om sòm thảo luận những đề tài vô nghĩa khác nhau. Những du sĩ khác đạo đó đã nhìn thấy gia chủ Cấp Cô Độc đang đi tới từ xa và họ đã nhắc nhau im lặng: "Các vị, hãy yên lặng. Các vị, đừng làm ồn ào. Ở đây đang có gia chủ Cấp Cô Độc, một đệ tử của sa-môn Cồ-đàm, một trong những đệ tử tại gia áo

trắng cư ngụ ở Sāvatthī. Số là, những vị (đệ tử tại gia) đó vốn thích sự yên lặng, tuân thủ sự yên lặng, và nói lời đề cao sự yên lặng. Có lẽ nếu ông ta (gia chủ Cấp Cô Độc) thấy hội của chúng ta đang yên lặng thì ông ta nghĩ sẽ đến gần chúng ta." Rồi những du sĩ ngoài đạo đó đều im lặng. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đến gần những du sĩ đó và chào hỏi qua lại

• 155

với họ. *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông: "Này gia chủ, cái gì là sự-thấy (cách-nhìn, kiến) của sa-môn Cồ-đàm?" "Thưa ngài tôi không biết hết toàn bộ sự-thấy của đức Thế Tôn." "Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết hết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của các Tỳ kheo?" "Thưa ngài, tôi cũng không biết hết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo." "Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm và ông không biết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của ông?" "Không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi, thưa ngài. Nhưng trước tiên hãy giải thích những sự-thấy của ngài. Sau đó sẽ không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi." Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc: (1) "'Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy (quan điểm, cách nhìn, kiến) của tôi là vậy, này gia chủ." (2) Một du sĩ khác nói: "'Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ." (3)–(4) Du sĩ khác lại nói: "'Thế giới là hữu hạn' … 'Thế giới là vô hạn' … (5)–(6) 'Linh hồn và thể xác là một' … 'Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác' … (7)–(10) 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết'; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ."2124 Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã nói với các du

156 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

sĩ đó: "Thưa ngài, vị này nói như vầy: '(1)' … '(10)' [nguyên bản kinh thì gia chủ Cấp Cô Độc lặp lại từng câu từ (1) … (10) và sau mỗi câu ông nói thêm:] Sự-thấy này của vị ấy đã khởi sinh do bởi sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) của chính mình, hoặc do bị điều-kiện (bị tác động, do duyên) bởi những lời của người khác nói. Giờ sự-thấy này đã được hình thành và nó là do bị điều-kiện, là một sản phẩm của sự cố-ý (tư), là đã khởi-sinh một cách tùy thuộc (duyên khởi), là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Đây đơn giản là sự khổ mà vị đó dính vào và chấp theo. Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc: "Chúng tôi đã giải thích những sự-thấy của chúng tôi, này gia chủ. Giờ hãy nói cho chúng tôi sự-thấy của ông." "Thưa ngài, mọi thứ đã hình thành và nó là do bị điều-kiện, là sản phẩm của sự cố-ý, đã khởi sinh một cách tùy thuộc, đều là vô-thường. Mọi thứ vô-thường đều là khổ. Sau khi đã nhìn thấy rõ ràng thứ gì là khổ đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của- ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.' Đây là sự-thấy của tôi." Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc sau khi hiểu được

những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng … và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó. [Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng ‘sự luận giải hữu lý’ như vậy.”2125 Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ gia chủ Cấp Cô Độc bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Rồi, sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo

• 157

Pháp, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về. Rồi, không lâu sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Cấp Cô Độc đã làm.”

94 (4) Gia Chủ Vajjiyamāhita Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gag- garā. Lúc đó có gia chủ Vajjiyamāhita rời khỏi Campā vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: “Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ẩn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ẩn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác.” [Tiếp tục hoàn cảnh y hệt kinh kế 10:93 trên, chỉ khác ở đây là gia chủ Vajjiyamāhita thay vì gia chủ Cấp Cô Độc, cho đến:] … *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông: “Này gia chủ, có đúng như đã nói, rằng sa-môn Cồ-đàm phê phán mọi sự khổ hạnh và ông ta không ngớt lên án và chê trách mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh?” “Không phải vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn không phê phán tất cả mọi sự khổ hạnh và đức Thế Tôn không lên án và chê trách hết tất mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh. Đức Thế Tôn chỉ phê phán những gì đáng phê phán và khen ngợi những gì đáng khen khợi. Bằng sự chê những gì đáng chê và khen những gì đáng khen như vậy, đức Thế Tôn nói về cơ- sở của những sự khác-biệt; đức Thế Tôn không nói về những vấn đề đó

158 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

theo cách nhất nhất một chiều.”2126 Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Va- jjiyamāhita: “Khoan đã, này gia chủ! (Có phải ý ông nói là) sa-môn Cồ-đàm mà ông khen ngợi là một người chủ trương bãi bỏ, người không chịu có những tuyên bố dứt dạc dứt khoát.” “Về điểm này cũng vậy, tôi sẽ lý giải cho quý vị nghe, thưa ngài. Đức Thế Tôn thường tuyên bố một cách hợp lệ rằng: ‘Đây là thiện’ và: ‘Đây là bất thiện’. Như vậy, khi đức Thế Tôn tuyên bố điều gì là thiện và điều gì là bất thiện, bậc ấy có những tuyên bố dứt dạc. Đức Thế Tôn không phải là người chủ trương bãi bỏ, không phải là người không chịu có những tuyên bố dứt dạc dứt khoát.” Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì.

Rồi gia chủ Vajjiyamāhita sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng ... và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chõ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó. [Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng 'sự luận giải hữu lý' như vậy." (1)–(2) "Này gia chủ, ta không nói tất cả mọi sự khổ hạnh nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự khổ hạnh không nên được thực hành. (3)–(4) Ta không nói tất cả mọi sự tuân-thủ (kiêng giữ, kiêng kỵ) nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự tuân-thủ không nên được thực hành. (5)–(6) Ta không nói một người nên phấn-đấu (tinh cần) theo mọi cách (tu búa xua, đủ mọi cách); ta cũng không nói một người không nên phấn-đấu theo cách nào. (7)–(8) Ta không nói một người nên thực hiện mọi sự từ-bỏ; ta cũng không nói một người không nên thực hiện sự từ-bỏ nào. (9)–(10) Ta không nói một người nên chứng đắc tất cả mọi

• 159

loại giải-thoát; ta cũng không nói một người không nên chứng đắc loại giải-thoát nào. (1)–(2) "Nếu, này gia chủ, khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên thực hành sự khổ hạnh đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự khổ hạnh đó. (3)–(4) "Nếu, này gia chủ, khi một người đảm nhận một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên đảm nhận sự tuân-thủ đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự tuân- thủ đó. (5)–(6) "Nếu, này gia chủ, khi một người phấn-đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên phấn đấu theo cách đó. Ngược lại, nếu khi một người phấn đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên phấn-đấu theo cách đó. (7)–(8) "Nếu, này gia chủ, khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên từ-bỏ điều đó. Ngược lại, nếu khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên từ-bỏ điều đó. (9)–(10) "Nếu, này gia chủ, khi một người chứng đắc một sự giải- thoát nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên chứng đắc loại (tà) giải-thoát như vậy. Ngược lại, nếu khi một người chứng đắc sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên

160 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

chứng đắc loại (chánh) giải-thoát đó." Rồi, sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về. Rồi, không lâu sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã đi về, đức Thế

Tôn mới nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Vajjiyamāhita đã làm.”

95 (5) Du Sĩ Uttiya Lúc đó có du sĩ tên Uttiya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: (1) “Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?” “Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’” (2) “Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là không bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?” “Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’” (3)–(4) “Vậy là sao, Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là hữu hạn? … Thế giới là vô hạn? … (5)–(6) Linh hồn và thể xác là một? … Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác? … (7)–(10) Như Lai hiện hữu sau khi chết? … Như Lai không hiện hữu sau khi chết? … Như Lai vừa hiện hữu vừa

• 161

không hiện hữu sau khi chết? … Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?” “Này Uttiya, ta cũng không tuyên bố: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”2127 “Khi tôi hỏi Thầy Cồ-đàm: [câu hỏi (1) … (10)] … thì Thầy Cồ-đàm đều trả lời: “Này Uttiya, ta đã không tuyên bố [(1) … (10)] … (nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch giãn lược). Vậy thì Thầy Cồ-đàm đã tuyên bố điều gì?”

“Này Uttiya, thông qua sự-biết trực tiếp, ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta vì mục đích ‘để (vì sự) thanh-lọc những chúng sinh; để vượt qua sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết- bàn.’” “Nhưng, khi Thầy Cồ-đàm, thông qua sự-biết trực tiếp, chỉ dạy cho những đệ tử của ta vì mục đích ‘để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh; để vượt qua sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn’ như vậy, thì toàn thế gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian?” Khi điều (câu hỏi) này được nói ra, Đức Thế Tôn chỉ im lặng. Rồi ý này đã xảy đến với Ngài Ānanda: “Sẽ tốt hơn nếu du sĩ Uttiya không chấp chứa quan-điểm tà ác (ác kiến) như vầy: ‘Khi tôi hỏi sa-môn Cồ-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời.2128 Chắc hẳn là ông ta không khả năng trả lời.’ (Nếu du sĩ này nghĩ như vậy thì) điều này sẽ dẫn du sĩ Uttiya tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu cho ông ta.” Rồi thầy Ānanda mới nói với du sĩ Uttiya: “Được rồi, này bạn Uttiya, tôi sẽ cho chú một ví dụ. Có những người thông minh ở đây hiểu được ý nghĩa của điều được nói ra bằng một ví dụ.

Ví dụ một nhà vua có một thành trì ở biên cương, nó có những thành lũy, tường thành, những tháp canh, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi thạo, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hở hay kẽ hở nào trên tường thành thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: 'Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó thôi.'" Cũng giống như vậy, này bạn Uttiya, Như Lai không quan tâm đến việc liệu toàn bộ thế gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian. Nhưng Như Lai có thể chắc chắn rằng tất cả những ai đã được giải thoát, hay những ai đang được giải thoát, hay những ai sẽ được giải thoát khỏi thế gian đều trước tiên phải trừ bỏ năm chướng-ngại (ngũ triền cái), đó là những sự suy đồi của tâm vốn làm suy yếu trí-tuệ, và sau đó, với cái tâm đã được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), tu tập một cách chánh đúng bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). Chính theo cách này họ đã được giải thoát, hay đang được giải thoát, hay sẽ được giải thoát khỏi thế gian. "Này bạn Uttiya, chú đã hỏi đức Thế Tôn theo một góc độ khác nhưng cũng cùng loại những câu hỏi (không hợp lệ, không ích lợi) mà chú đã hỏi đức Thế Tôn trước đó.2129 Vì vậy đức Thế Tôn đã không trả lời chú."

96 (6) Du Sĩ Kokanada 2130 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong Khu Suối Nóng. Lúc đó, khi đêm sắp tàn, Ngài Ānanda thức dậy và đi ra suối nước nóng để tắm. Sau khi tắm xong và lên khỏi đó, thầy ấy trong y phục đứng lau khô chân tay. Du sĩ tên Kokanada cũng thức dậy khi đêm sắp tàn và đi ra khu suối nóng để tắm. Ông ta nhìn thấy thầy từ xa và đã nói với thầy ấy:

• 163

"Đây là ai vậy, này thiện hữu?" "Tôi là một Tỳ kheo, này thiện hữu." "Từ nhóm Tỳ kheo nào vậy, này thiện hữu?" "Từ nhóm những sa-môn tu theo người con của dân tộc Thích-Ca." "Nếu ông bỏ chút thời gian trả lời, tôi muốn hỏi ông về một số điều." "Ông có thể hỏi, này thiện hữu. Khi tôi nghe câu hỏi của ông, tôi sẽ biết [rằng tôi có thể trả lời được không]." "Điều này là sao, thưa ông, ông có giữ quan-điểm: (1) 'Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai' hay không?" "Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu." "Vậy ông có giữ quan-điểm: (2) 'Thế gian là không bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai' hay không?" "Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu." "Ông có giữ quan-điểm: (3)–(4) 'Thế gian là hữu hạn' … 'Thế gian là vô hạn' … (5)–(6) 'Linh hồn và thể xác là một' … 'Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác' … (7)–(10) 'Như Lai hiện hữu sau khi chết? … 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết? … 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết? … 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai' hay không?" "Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu." "Vậy có thể là ông không biết và thấy?" "Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy." "Nhưng khi tôi hỏi ông: [câu hỏi (1) … (10)] … (nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người

dịch giãn lược) … thì ông đều trả lời: ‘Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.’

164 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

Rồi khi tôi hỏi ông: ‘Vậy có thể là ông không biết và thấy?’ thì ông lại nói: ‘Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy.’ Này thiện hữu, vậy câu này nên được hiểu nghĩa theo cách nào?” “Này thiện hữu, (1) ‘Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’: đây là một quan-điểm do suy đoán … (10) ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’ … (nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch giãn lược) … : đây cũng là một quan- điểm do suy đoán. “Này thiện hữu, tới mức độ có một quan-điểm do suy đoán, một cơ- sở cho những quan-điểm,2131 một nền tảng cho những quan-điểm, sự ám muội bởi những quan-điểm, nguồn gốc những quan-điểm, và sự bứng bỏ những quan-điểm, tôi đều biết và thấy. Khi tôi biết và thấy đến mức như vậy, sao ông nói tôi không biết và thấy. Này thiện hữu, tôi có biết và thấy.” “Tên ông là gì? Những Tỳ kheo đồng đạo của ông biết ông theo cách nào?” “Tên tôi là Ānanda, và những Tỳ kheo đồng đạo của tôi biết tôi là Ānanda.” “Thật tình, tôi đã không nhận ra tôi đang tham vấn một vị thầy lớn, thưa Ngài Ānanda! Nếu tôi đã nhận ra đó chính là Ngài Ānanda, tôi sẽ không nói như vậy. Vậy xin Ngài Ānanda vui lòng tha lỗi cho tôi.”

97 (7) Đáng Được Tặng Quà “Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Mười đó là gì?

• 165

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. (2) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) “Người đó có những có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. (4) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). (5) “Người đó có thể (đạt được và) vận dụng nhiều loại thần-thông [năng-lực siêu thường (thuộc tâm linh)] khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như

chim bay khi đang ngồi tréo chân; tôi có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'. (6) "Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần. (7) "Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó

hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (thụ động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.2132 (8) "Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) 'Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục ... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. (9) "Với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái;

người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một

cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (10) “Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được có mười phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

98 (8) Một Trưởng Lão “Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống an ổn (thư thái, dễ sống) ở bất cứ phương nào vị đó sống. Mười đó là gì? (1) Một trưởng lão là thâm niên, xuất gia đã lâu. (2) Người đó là có giới-hạnh … Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (3) Người đó đã học-hiểu nhiều … và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (4) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ,

được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (5) Người đó giỏi khéo về sự nguồn-gốc và cách giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới luật (sự phạm tội, sự kết tội, sự tranh chấp, sự phân xử). (6) Người đó mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới luật. (7) Người đó biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (8) Người đó khoan-thai khi đi tới và đi lui, và cũng khéo được kiềm-chế khi đang ngồi giữa các nhà dân. (9) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định (jhāna) (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (10) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống an ổn ở bất cứ phương nào vị đó sống.”

99 (9) Ngài Upāli Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, con muốn lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi.” “Những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi là khó chịu nỗi, này Upāli. Sự sống một-mình là khó đảm trách và khó được ưa thích. Khi một người ở một-mình, rừng núi sẽ đánh cắp tâm của một Tỳ kheo là người không đạt sự định-tâm. Có thể trông đợi rằng: một người mà nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi’ thì sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất.2133 “Này Upāli, ví dụ có một hồ nước lớn, và một con voi to cỡ bảy hay

tám cubit đến đó. Nó nghĩ: ‘Ta sẽ xuống hồ này và rửa tai và lưng cho đã thích. Ta sẽ tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến bất cứ chỗ nào ta muốn.’ Rồi nó xuống hồ nước và rửa tai và lưng cho đã thích. Nó tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến chỗ nó muốn. Làm sao được như vậy? Là bởi vì thân hình to lớn của nó tìm được chỗ đứng dưới hồ sâu. “Rồi một con thỏ hay con mèo đến đó. Nó nghĩ: … (lặp lại nghĩ như con voi) … Rồi, không suy xét, nó vội vã xuống hồ sâu. Điều này có thể trông đợi nó sẽ bị chìm hoặc bị trôi mất. Tại sao bị như vậy? Bởi vì thân hình nhỏ bé của nó không tìm được chỗ dứng dưới hồ sâu. Cũng giống như vậy, có thể trông đợi rằng: một người mà nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi’ thì sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất. “Này Upāli, ví dụ một đứa bé trai, đang nằm ngửa, chơi đùa với phân và nước tiểu của chính nó. Thầy nghĩ sao, đó có phải là một trò vui hoàn toàn ngu ngốc hay không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Rồi thời gian sau, khi đứa bé đó lớn lên và các căn (giác quan) của nó trưởng thành, nó sẽ chơi những trò chơi dành cho những con trai—như trò chơi kéo cày, trò chơi bằng roi cây, trò chơi lộn nhào, trò chơi chong chóng gió, trò chơi những (đồ) đo đếm bằng lá, trò chơi bằng xe, trò chơi bằng cung. Thầy nghĩ sao, đó có phải là những trò hay hơn và siêu đẳng hơn trò vui trước đó hay không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Rồi thời gian sau nữa, khi đứa trai tiếp tục lớn lên và các căn của nó trưởng thành hơn nữa, nó sẽ thụ hưởng năm khoái-lạc giác quan (dục lạc) được phú và được chu cấp: với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục; với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi

lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Thầy nghĩ sao, có phải những thú vui đó là hay hơn và siêu đẳng hơn loại trò vui trước đó hay không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” 2134 (*) “Ở đây, này Upāli, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu- biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa, và tốt ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy công khai (cho thấy) đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện. (.1) “Một gia chủ [hay con trai ông ta] được sinh ra trong những họ tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin vào Như Lai, và suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà

sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (.2) "Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của hàng Tỳ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sát- sinh; bỏ hết bỏ roi gậy và vũ khí, đầy lương tâm và tử tế, người đó sống tha thương bi-mẫn đối với tất cả chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự gian- cắp, người đó kiêng cữ lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy

thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm, không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ tà-dâm tà dục, người đó giữ giới sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ tất cả mọi dạng dâm dục, kiêng cữ những thói tật tính dục cá nhân. (iv) "Sau khi dẹp bỏ (a) sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ nói-dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) lời-nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) lời nói gắt-gỏng nạt nộ khó nghe, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nạt nộ khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều hữu ích, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng lưu nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích. (.3) "Người đó kiêng cữ làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày, kiêng cữ ăn ban đêm và ăn ngoài giờ quy định (tức: ăn phi thời, ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cữ việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp. Người đó kiêng cữ việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cữ giường rộng, ghế cao. Người đó kiêng cữ việc nhận vàng bạc, gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cữ làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cữ mua bán; kiêng cữ gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cữ việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cữ việc làm phương

hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành. (.4) "Người đó hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khất thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể

và thức ăn khất thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy thứ này mà thôi. “Có được (i) đống (uẩn) giới-hạnh thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi tội lỗi. (.5) “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai… Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu- hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai … căn-tâm không được kiềm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm. “Có được (ii) đống sự kiềm-chế thánh thiện này đối với các căn, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi ố-nhiễm. (.6) “Khi đang đi tới và (khi) đang đi lại, người đó làm (iii) với sự rõ- biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người

• 173

đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và đang tiểu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (luôn tỉnh giác) (.7) “Có được (i) đống giới-hạnh thánh thiện như vậy, và (ii) đống sự kiềm-chế thánh thiện như vậy đối với các căn, và (iii) sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết như vậy, người đó lánh về một nơi tách ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đống rơm. “Sau khi đã đi một vòng khất thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh- niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm thụy miên), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử quá hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ (nghi), người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình

khỏi sự nghi-ngờ. (1) “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, Tỳ kheo đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét

(tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.2135 (2) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) …’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (3) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (4) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (hết lạc hết khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …’ (**) Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (5) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận- thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (6) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng

họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (7) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, người đó chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử

của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (8) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ. (9) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ (10) Và sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ, những ô-nhiễm của người đó hoàn toàn bị tiêu diệt (lậu tận).2136 Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ trú-ở xa lánh trong rừng núi. Và họ an trú sau khi đã đạt tới mục-tiêu của họ. “Này Upāli, hãy sống trong Tăng Đoàn. Khi thầy sống bên trong Tăng Đoàn thầy sẽ được an ổn (thư thái, dễ sống).”2137

100 (10) Không Khả Năng “Này các Tỳ kheo, chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không có khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xấc-xược, sự ghen-tỵ, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không có khả năng chứng ngộ A-

la-hán. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xấc-xược, sự ghen-tỵ, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Sau khi dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la- hán.”

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1. NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN

101 (1) Những Nhận Thức Của Một Sa-Môn “Này các Tỳ kheo, khi ba nhận-thức của sa-môn2138 này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Ba đó là gì? (1) “‘Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp. (2) Sự sống của ta phụ thuộc vào những người

khác.’ (3) Hành vi phong cách của ta phải khác.’ Khi ba nhận-thức của sa-môn này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Bảy đó là gì? (4) “Người đó kiên định hành động và hành vi đúng theo giới-hạnh. (5) Người đó không có tham-muốn, (6) không có sự ác-ý, (7) không có sự kiêu-ngạo. (8) Một đó mong muốn sự tu-tập. (9) Người đó sử dụng ‘những thứ thiết yếu để duy trì sự sống’ với sự ý thức (hiểu, biết) rõ về mục đích của chúng. (10) Người đó nỗ-lực (tinh tấn). Này các Tỳ kheo, khi ba nhận-thức của sa-môn này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều này.”

102 (2) Những Yếu Tố Giác Ngộ “Này các Tỳ kheo, khi bảy chi giác-ngộ này (thất giác chi) được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực (ba chân trí, tam minh). Bảy đó là gì? (1) “Yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), (2) yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp), (3) yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), (4) yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ), (5) yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm (định), và (7) yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả (xả). Khi bảy chi

giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực. Ba đó là gì? (8) “Ở đây, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh), đó là một lần sinh, hai lần sinh … Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.2139 (9) “Với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người … người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (10) “Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Này các Tỳ kheo, khi bảy chi giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực.”

103 (3) Đường Sai “Này các Tỳ kheo, phụ thuộc vào đường sai (tà đạo) thì có thất bại, không có thành công. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường sai thì có thất bại, không có thành công? (I) (1) “Do người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên (2) ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. Do người có ý-định sai lạc, nên (3) lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh, (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. Do người có hành-động sai trái, nên (5) sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. Do người có sự mưu-sinh sai trái, nên (6) sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. Do người có sự nỗ-lực sai lạc, nên (7) sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. Do người có sự tâm-niệm sai lạc, nên (8) sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. Do người có sự định-tâm sai lạc, nên (9) sự-biết sai lạc (tà tri) phát sinh. Do người có sự-biết sai lạc, nên (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) phát sinh.2140 Theo cách này, phụ thuộc vào đường sai thì có

thất bại, không có thành công. “Phụ thuộc vào đường đúng (chánh đạo) thì có thành công, không có thất bại. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại? (II) (1) “Do người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), nên (2) ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. Do người có ý-định đúng đắn, nên (3) lời-nói

đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh, (4) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. Do người có hành-động đúng đắn nên, (5) sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. Do người có sự mưu-sinh đúng đắn, nên (6) sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. Do người có sự nỗ- lực đúng đắn, nên (7) sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. Do người có sự tâm-niệm đúng đắn, nên (8) sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. Do người có sự định-tâm đúng đắn, nên (9) sự-biết đúng đắn (chánh tri) khởi sinh. Do người có sự-biết đúng đắn, nên (10) sự giải- thoát đúng đắn (chánh giải thoát) khởi sinh.2141 Theo cách này, phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại."

104 (4) Một Hạt Giống 2142 (I) "Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải- thoát sai lạc, thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp người đó xúi hay làm theo cách-nhìn đó, và mọi ý-định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi cố-ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) không muốn có, không mong có và khó khổ, dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu. "Này các Tỳ kheo, giống như khi một hạt giống cây sầu đâu, dưa đắng, hay khổ qua được gieo xuống đất ẩm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị đắng, vị gắt, và vị khó chịu. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là đắng. Cũng giống như vậy, người có cách-nhìn sai lạc … sự

giải-thoát sai lạc … đều dẫn tới những điều (hậu quả) không muốn có, không mong có, và khó khổ, dẫn tới sự nguy hại và sự khổ. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu." (II) "Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn, thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp người đó khuyến khích hay làm theo cách-nhìn đó, và mọi ý- định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi cố-ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng muốn, đáng mong, và dễ chịu, dẫn tới sự an- sinh và hạnh-phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt. "Này các Tỳ kheo, giống như giống cây mía, hạt giống lúa nương, hay hạt giống nho được trong trên đất ẩm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị ngọt, dễ chịu, và ngon miệng. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là ngọt. Cũng giống như vậy, đối với người có cách-nhìn đúng đắn … sự giải-thoát đúng đắn … đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng muốn, đáng mong, và dễ chịu, dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt."

105 (5) Trí Biết Đích Thực (I) "Này các Tỳ kheo, vô-minh (sự ngu tối, ngu mờ, ngu dốt, không thấy, không biết đúng, sự-biết sai; ngược lại với sự-biết đúng, chánh tri, chánh trí, trí-biết đích thực, minh)— đi kèm với sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái bất-thiện.2143 (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có

lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. (6) Người có sự mưu-

• 183

sinh sai trái thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực sai lạc thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự tâm-niệm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. (9) Người có sự định-tâm sai lạc thì sự-biết sai lạc (tà tri) phát sinh. (10) Người có sự- biết sai lạc thì sự giải-thoát sai lạc phát sinh. (II) "Này các Tỳ kheo, trí-biết đích thực (minh, chân trí)— đi kèm với sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái thiện-lành. (1) Đối với người có trí đã đạt tới trí-biết đích thực thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực đúng đắn thì sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự tâm-niệm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. (9) Người có sự định-tâm đúng đắn thì sự-biết đúng đắn (chánh tri) phát sinh. (10) Người có sự-biết đúng đắn thì sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát) khởi sinh."2144

106 (6) Phai Mòn "Này các Tỳ kheo, có mười trường hợp này của sự phai-mòn.2145 Mười đó là gì? (1) "Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng phai mòn, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. (2) "Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) sẽ phai mòn …

184 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

(3) "Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) sẽ phai mòn … (4) "Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành- động sai trái (tà nghiệp) sẽ phai mòn … (5) "Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) sẽ phai mòn … (6) "Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ- lực sai lạc (tà tinh tấn) sẽ phai mòn … (7) "Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm- niệm sai lạc (tà niệm) sẽ phai mòn … (8) "Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định- tâm sai lạc (tà định) sẽ phai mòn … (9) "Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) sẽ phai mòn … (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) "Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng phai mòn, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. "Đây là mười trường hợp của sự phai

mòn.”

107 (7) Dhovana “Này các Tỳ kheo, có một nước ở phía nam tên là nước ‘Rửa’ [Dhovana]2146, ở đó (trong lễ rửa xương?) họ có thức ăn, thức uống, những bữa ăn, đồ bổ dưỡng, đồ giải khát, cũng như có nhảy múa, ca hát và âm nhạc. Có sự ‘Rửa’ như vầy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng sự ‘Rửa’ này là thấp hèn, thô tục, dành cho những người phàm tục, là không thánh

• 185

thiện, không ích lợi; nó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết- bàn “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một sự rửa thánh thiện nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhờ (tùy thuộc) vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già, những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự rửa thánh thiện đó? (1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. (2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị rửa đi … (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị rửa đi … (4) “Đối với người có hành- động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị rửa đi … (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu- sinh sai trái (tà mạng) bị rửa đi … (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị rửa đi … (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị rửa đi … (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị rửa đi … (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị rửa đi … (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược

186 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

điều (2)-(9).)

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, đây là sự rửa thánh thiện nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác- ngộ, Niết-bàn. Và nhờ vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già,

những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

108 (8) Những Thầy Thuốc (thuốc xổ) “Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc xổ để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc xổ như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng thuốc xổ này có lúc thành công, có lúc thất bại. “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc xổ thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già, những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại?

• 187

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị xổ bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị xổ bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. (2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị xổ bỏ … (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị xổ bỏ … (4) “Đối với người có hành- động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị xổ bỏ … (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu- sinh sai trái (tà mạng) bị xổ bỏ … (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị xổ bỏ … (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị xổ bỏ … (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị xổ bỏ … (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị xổ bỏ … (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị xổ bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị xổ bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, đây là thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già, những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

188 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

109 (9) Thuốc Ói “Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc ói để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc ói như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chỗi cãi. Nhưng thuốc ói này có lúc thành công, có lúc thất bại. “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc ói thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già, những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại? (1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. (2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị ói bỏ … (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị ói bỏ … (4) “Đối với người có hành- động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị ói bỏ … (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu- sinh sai trái (tà mạng) bị ói bỏ … (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị ói bỏ … (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị ói bỏ … (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị ói bỏ … (9) “Đối với người có sự- biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị ói bỏ … (kinh gốc ghi

• 189

lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, đây là thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị sự-(tái) sinh được thoát khỏi sự-sinh, những chúng sinh phải bị sự-già được thoát khỏi sự-già, những chúng sinh phải bị sự-chết được thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

110 (10) Tống Bỏ “Này các Tỳ kheo, có mười điều sẽ bị tống bỏ. Mười đó là gì? (1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị tống bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị tống bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. (2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị tống bỏ … (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị tống bỏ … (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh

nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị tống bỏ … (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) bị tống bỏ … (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị tống bỏ … (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị tống bỏ … (8) “Đối với người có sự định-

tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị tống bỏ … (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị tống bỏ … (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị tống bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị tống bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, đây là mười điều sẽ bị tống bỏ.”

111 (11) Vô Học Nhân (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô học nhân, vô học nhân’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo là vô học nhân?”2147 “Ở đây, một Tỳ kheo có được (1) cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn … (3) lời-nói đúng đắn … (4) hành-động đúng đắn … (5) sự mưu-sinh đúng đắn … (6) sự nỗ-lực đúng đắn … (7) sự tâm-niệm đúng đắn … (8) sự định-tâm đúng đắn … (9) sự-biết đúng đắn … (10) sự giải-thoát đúng đắn của một vô học nhân. Chính theo cách này một Tỳ kheo là bậc vô học nhân.”

112 (12) Vô Học Nhân (2) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất của bậc vô học nhân. Mười đó là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn … (3) lời-nói đúng đắn … (4) hành-động đúng đắn … (5) sự mưu-sinh đúng đắn … (6) sự nỗ-lực đúng đắn … (7) sự tâm-niệm đúng đắn … (8) sự định-tâm đúng đắn … (9) sự-biết đúng đắn … (10) sự giải-

thoát đúng đắn của một vô học nhân. Đây là mười phẩm chất của bậc vô học nhân.”

NHÓM 2. LỄ PACCOROHAṆĪ

113 (1) Phi Giáo Pháp (1) [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu.2148 Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Cách- nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn,

sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi. “Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo sự (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vầy nên nó được nói ra như vậy.”

114 (2) Phi Giáo Pháp (2) [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi? (1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. (2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp … (3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp … (4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp … (5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp … (6) “Sự nỗ-lực sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực đúng đắn là Giáo Pháp … (7) “Sự tâm-niệm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự tâm-niệm đúng đắn là Giáo Pháp … (8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp … (9) “Sự-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự-biết đúng đắn là Giáo Pháp

… (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị có sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. “Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo sự (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vầy nên nó được nói ra như vậy.”

115 (3) Phi Giáo Pháp (3) {[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] Đây là điều đức Thế Tôn đã

nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở.2149 Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: ['Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu ... một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.'] Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?" Rồi ý này đã xảy đến với họ: "Ngài Ānanda được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt

này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta." Rồi các Tỳ kheo đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: "Đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này. Rồi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở, không giảng nghĩa một cách chi tiết. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, chúng tôi đã suy xét: "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [lặp lại như kế trên] ... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.' Vậy mong thầy Ānanda giảng giải lời dạy đó cho chúng tôi." [Thầy Ānanda trả lời:] "Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cần gỗ lõi đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm kiếm gỗ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gỗ lõi, nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy, bậc ấy đã trở thành sự-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā; bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy." "Này đạo hữu Ānanda, chắc chắn rằng, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi chúng tôi đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng

thầy Ānanda được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy mong thầy Ānanda hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì." "Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói." "Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này: "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: '... [lặp lại

câu Phật đã nói]…’ Giờ, này các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi?} (Tiếp tục 10 điều bên dưới là giống y kinh 10:114 kế trên, như sau:)

(1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. (2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp … (3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp … (4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp … (5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp … (6) “Sự nỗ-lực sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực đúng đắn là Giáo Pháp … (7) “Sự tâm-niệm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự tâm-niệm đúng đắn là Giáo Pháp …

(8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp … (9) “Sự-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự-biết đúng đắn là Giáo Pháp … (kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giãn lược điều (2)-(9).)

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị có sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. “Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm sau khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy.” “Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Ānanda, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau đó đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: … [họ kể lại toàn bộ câu chuyện] … Thầy Ānanda đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy.” “Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Ānanda là có trí. Thầy Ānanda có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách thầy Ānanda đã nói. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm.”

116 (4) Ajita 2150 Lúc đó có du sĩ tên Ajita đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế

Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi có một đồng đạo tên là Paṇḍita.2151 Người đó đã nghĩ ra năm trăm luận cứ2152 mà vì chúng những tu sĩ giáo phái khác, khi bị bác bỏ, biết được ‘Mình đã bị bác bỏ’.” (tức là tâm phục khẩu phục khi bị bác bỏ) Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ trường hợp của Paṇḍita không?” “Thưa Thế Tôn, đây là lúc! Thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc cho điều này! Sau

khi nghe được điều này từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ trong tâm mọi điều đức Thế Tôn nói." "Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (i) "Ở đây, có người bác bỏ và bài xích (từ chối, bài bác, chứng minh sai) một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'.2153 (ii) "Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'. (iii) "Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'.2154

198 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

[(iv) "Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'. (v) "Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'.] 2155 ["Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi? [Tiếp tục bài kinh y hệt như kinh 10:114, và kết thúc bằng đoạn kết này:]

"Khi điều đó được nói: ["Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo sự (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vầy nên nó được nói ra như vậy."

117 (5) Bà-la-môn Saṅgārava Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống

• 199

một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?" "Này bà-la-môn, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ

bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia. (2) Ý-định sai lạc là bờ bên này, ý-định đúng đắn là bờ bên kia. (3) Lời-nói sai trái là bờ bên này, lời-nói đúng đắn là bờ bên kia. (4) Hành-động sai trái là bờ bên này, hành-động đúng đắn là bờ bên kia. (5) Sự mưu-sinh sai trái là bờ bên này, sự mưu-sinh đúng đắn là bờ bên kia. (6) Sự nỗ-lực sai lạc là bờ bên này, sự nỗ-lực đúng đắn là bờ bên kia. (7) Sự tâm-niệm sai lạc là bờ bên này, sự tâm-niệm đúng đắn là bờ bên kia. (8) Sự định-tâm sai lạc là bờ bên này, sự định-tâm đúng đắn là bờ bên kia. (9) Sự-biết sai lạc là bờ bên này, sự-biết đúng đắn là bờ bên kia. (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ bên này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia." Chỉ một số ít người 2156 Đi qua bờ bên kia. Số còn lại chỉ chạy đi chạy lại, Dọc theo bờ [bên này]. Khi Giáo Pháp được thuyết giảng một cách chân chính Những ai thực hành đúng theo đó Họ sẽ vượt qua được Cõi Tử Thần vốn rất khó vượt qua. Sau khi đã bỏ lại những phẩm-chất tối, Người có trí tu tập những phẩm-chất sáng. Sau khi đã đi từ tại gia đến xuất gia, (Xuất gia) là chỗ khó (hiếm ai) thích thú— Ở đó người tu nên tìm sự vui thích trong sự sống tách-ly, Sau khi đã giục bỏ những khoái-lạc giác quan. Không sở hữu gì, người có trí thanh tẩy bản thân Khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của tâm.

Những ai có tâm được khéo tu tập đúng đắn
Trong 'bảy chi giác-ngộ',
Là người thông qua 'sự không còn dính-chấp'
Tìm thấy niềm vui thích trong 'sự từ-bỏ sự nắm-giữ':
Sáng ngời, với những ô-nhiễm đã bị tiêu diệt,
Họ là những người đã tắt ngấm trong thế gian.2157

118 (6) Bên Này "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên này và bờ bên kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ bên này và cái gì là bờ bên kia? Này các Tỳ kheo, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia … (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ bên này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ bên kia." [Tiếp tục phần thi kệ giống kinh kế trên]

119 (7) Lễ Paccorohaṇī (1) {Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ kusa ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông: "Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ kusa ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?" "Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội paccorohaṇī [bước xuống] của hộ tộc bà-la-môn."2158 "Nhưng theo cách nào những bà-la-môn tuân thủ lễ hội paccoro-

haṇī?" "Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh

kusa này đậy lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chấp tay đảnh lễ ngọn lửa: 'Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.'2159 Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội paccorohaṇī." "Này bà-la-môn, lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ paccorohaṇī của những bà-la-môn." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ paccorohaṇī được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân." "Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:} (1) "Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. (2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của ý- định sai lạc (tà tư duy) ... (3) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) ... (6) sự nỗ- lực sai lạc (tà tinh tấn) ... (7) ... sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) ... (8) ... sự định-tâm sai lạc (tà định) ... (9) ... sự-biết sai lạc (tà tri) ... (người dịch giản lược) ... (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) là xấu trong kiếp này

và cả những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ giải- thoát sai lạc, người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc. "Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ paccorohaṇī được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân." "Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ paccorohaṇī của những bà-la-môn. Và lễ pacco- rohaṇī của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân. "Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người đã dựng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

120 (8) Lễ Paccorohaṇī (2) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ paccorohaṇī [bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ... "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ paccorohaṇī thánh thiện? (1) "Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. (2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của ý- định sai lạc (tà tư duy) ... (3) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) ... (6) sự nỗ- lực

sai lạc (tà tinh tấn) … (7) … sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) … (8) … sự

• 203

định-tâm sai lạc (tà định) … (9) … sự-biết sai lạc (tà tri) … (người dịch giản lược) … (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ giải- thoát sai lạc, người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là lễ paccorohaṇī thánh thiện.”

121 (9) Thứ Dẫn Trước “Này các Tỳ kheo, giống như bình minh là cái dẫn trước và tiền thân của mặt trời mọc, cách-nhìn đúng đắn là thứ dẫn trước và tiền thân của những phẩm chất thiện lành. Với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn khởi sinh. Với người có ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn khởi sinh. Với người có lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn khởi sinh. Với người có hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn khởi sinh. Với người có sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn khởi sinh. Với người có sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn khởi sinh. Với người có sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn khởi sinh. Với người có sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn khởi sinh. Với người có sự-biết đúng đắn, sự giải-thoát đúng đắn khởi sinh.”

122 (10) Những Ô Nhiễm “Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

NHÓM 3. THANH LỌC

204 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

123 (1) Thứ Nhất “Này các Tỳ kheo, mười điều này được thanh lọc và thanh tẩy không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này được thanh lọc và thanh tẩy không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành.”

124 (2) Thứ Hai “Này các Tỳ kheo, mười điều này nếu chưa khởi sinh thì khởi sinh không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

125 (3) Thứ Ba “Này các Tỳ kheo, mười điều này mang lại phước quả và ích lợi lớn lao không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

126 (4) Thứ Tư “Này các Tỳ kheo, mười điều này đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

127 (5) Thứ Năm “Này các Tỳ kheo, mười điều này nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

• 205

128 (6) Thứ Sáu “Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ khởi sinh không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

129 (7) Thứ Bảy “Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải- thoát đúng đắn. Mười điều này …”

130 (8) Thứ Tám “Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải- thoát đúng đắn. Mười điều này …”

131 (9) Thứ Chín “Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn không ở đâu mà ở trong giới luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này …”

132 (10) Thứ Mười

206 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

“Này các Tỳ kheo, có mười đường sai (tà đạo)? Mười đó là gì? Cách- nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây là mười đường sai.”

133 (11) Thứ Mười Một “Này các Tỳ kheo, có mười đường đúng (chánh đạo). Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười đường đúng.”

NHÓM 4. TỐT

134 (1) Tốt “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói. “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải- thoát sai lạc. Đây được gọi là xấu. (mười phần tà đạo) “Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Cách-nhìn đúng đắn,

ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là tốt." (mười phần chánh đạo)

• 207

135 (2) 144 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện ... (135) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp thánh thiện và Giáo Pháp không thánh thiện ... (136) ... điều thiện lành và điều bất thiện ... (137) ... điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại ... (138) ... điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp ... (139) ... Giáo Pháp vô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm ... (140) ... Giáo Pháp không đáng chê trách (phi tội lỗi) và Giáo Pháp đáng chê trách (tội lỗi) ... (141) ... Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác ... (142) ... Giáo Pháp dẫn tới sự tháo bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghiệp, sanh y) ... (143) ... Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu quả của nó ... (144) ... Giáo Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc ... "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Cách- nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ. (mười phần tà đạo) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc." (mười phần chánh đạo) (Người dịch đảo thứ tự của kinh (139), (140), (141), (142) theo thứ tự 'tốt và xấu'. Dãy kinh gốc các thứ tự này là ngược lại. Nhưng giảng giải kế tiếp thì luôn theo thứ tự '10 xấu' rồi '10 tốt'.)

NHÓM 5. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN

145 (1) Đường Thánh Thiện ... "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo). 2160 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

208 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

"Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Cách- nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (mười phần tà đạo) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là con đường thánh thiện." (mười phần chánh đạo)

146 (2) 154 (10) Đường Sáng ... (146) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối2161 ... (147) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu ... (148) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu ... (149) Giáo Pháp nên được phát khởi và Giáo Pháp không nên được phát khởi ... (150) Giáo Pháp nên được theo đuổi và Giáo Pháp không nên được theo đuổi ... (151) Giáo Pháp nên được tu tập và Giáo Pháp không nên được tu tập ... (152) ... Giáo Pháp nên được tu dưỡng và Giáo Pháp không nên được tu dưỡng ... (153) Giáo Pháp nên được tưởng niệm và Giáo Pháp không nên được tưởng niệm ... (154) Giáo Pháp nên được chứng ngộ và Giáo Pháp không nên được chứng ngộ ... "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ? Cách-nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là Giáo Pháp không cần được chứng ngộ. (mười phần tà đạo) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo

Pháp nên được chứng ngộ? Cách-nhìn đúng đắn … và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là Giáo Pháp cần được chứng ngộ.” (mười phần chánh đạo)

• 209

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư] NHÓM 1. NHÓM “NGƯỜI”

155 (1) Gặp Gỡ “Này các Tỳ kheo, một người không nên gặp gỡ (giao lưu, thân cận) với một người có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Cách-nhìn sai lạc, ý- định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ- lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. (mười phần tà đạo). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này. “Này các Tỳ kheo, một người nên gặp gỡ với một người có được mười phẩm chất. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (mười phần chánh đạo). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này.”

156 (2) 166 (12) Nương Dựa… (156) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mười phẩm chất … một người nên nương dựa vào một ngươi có được mười phẩm chất … (157) … một người không nên nghe theo … một người nên nghe theo … (158) … một người không nên kính trọng … một người nên kính trọng … (159) … một người không nên khen ngợi … một người nên khen ngợi … (160) … một người không nên tôn kính … một người nên tôn kính … (161) … một người không nên thể hiện sự tôn trọng người có mười phẩm chất … một người nên thể hiện sự tôn trọng người có được mười phẩm chất … (162) Một người có mười phẩm chất không thành công … có được mười phẩm chất thành công … (163) … không

được thanh lọc (bất tịnh) … được thanh lọc (thanh tịnh) … (164) … không vượt qua sự tự-ta (ngã mạn) … vượt qua sự tự-ta … (165) … không tăng trưởng về trí-tuệ … tăng trưởng về trí-tuệ … (166) … tạo ra nhiều thất-phước … tạo ra nhiều phước-đức. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định- tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (mười phần chánh đạo). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước đức.”

NHÓM 2. BÀ-LA-MÔN JĀṆUSSOṆĪ

167 (1) Lễ Paccorohaṇī (1) 2162 {Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ kusa ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông: “Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ kusa ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?” “Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội paccorohaṇī [bước xuống] của hộ tộc bà-la-môn.” “Nhưng theo cách nào

những bà-la-môn tuân thủ lễ hội paccoro- haṇī?" "Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh kusa này đậy lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chấp tay đảnh lễ ngọn lửa: 'Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước

• 211

xuống tôn vinh bậc được tôn kính.' Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la- môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội paccorohaṇī." "Này bà-la-môn, lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ paccorohaṇī của những bà-la-môn." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ paccorohaṇī theo giới luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ paccorohaṇī được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân." "Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:} (1) "Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh. (2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự gian-cắp … (3) sự tà-dâm tà dục … (4) sự nói-dối nói láo … (5) sự nói lời gây chia-rẽ … (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ … (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc vô ích … (8) sự tham-dục [thèm muốn] … (9) sự ác-ý … (người dịch giản lược) … (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. "Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ paccorohaṇī được tuân thủ theo Giới luật của Thánh Nhân." "Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ paccorohaṇī theo Giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ paccorohaṇī của những bà-la-môn. Và lễ pacco-

212 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

rohaṇī của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ paccorohaṇī theo Giới luật của Thánh Nhân. "Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … [như đoạn cuối kinh 10:119] … Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

168 (2) Lễ Paccorohaṇī (2) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ paccorohaṇī [bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ paccorohaṇī thánh thiện? Ở đây, (1) người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh. (2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự gian-cắp … (3) sự tà-dâm tà dục … (4) sự nói-dối nói láo … (5) sự nói lời gây chia-rẽ … (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ … (7) sự nói chuyện tầm- phào tán dóc vô ích … (8) sự tham-dục [thèm muốn] … (9) sự ác-ý … (người dịch giản lược) … (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu

trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là lễ paccorohaṇī thánh thiện.”

169 (3) Saṅgārava 2163 Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?”

• 213

“Này bà-la-môn, (1) sự sát-sinh là bờ bên này, sự kiêng cữ sát-sinh là bờ bên kia. (2) sự gian-cắp là bờ bên này, sự kiêng cữ gian-cắp là bờ bên kia. (3) sự tà-dâm tà dục là bờ bên này, sự kiêng cữ tà-dâm tà dục là bờ bên kia. (4) sự nói-dối nói láo là bờ bên này, sự kiêng cữ nói-dối nói láo là bờ bên kia. (5) sự nói lời gây chia-rẽ là bờ bên này, sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ là bờ bên kia. (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bờ bên này, sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bờ bên kia. (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc vô ích là bờ bên này, sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc là bờ bên kia. (8) sự tham-dục [thèm muốn] là bờ bên này, sự vô-tham là bờ bên kia. (9) sự ác-ý là bờ bên này, sự thiện-ý là bờ bên kia. (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia.” [Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117.]

170 (4) Bên Này “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên này và bờ bên kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ bên này và cái gì là bờ bên kia? Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh là bờ bên này, sự kiêng cữ sát-sinh là bờ bên kia … (10) Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là bờ bên kia.” [Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117.]

171 (5) Phi Giáo Pháp (1) 2164 [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều

214 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

ích-lợi.] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Sự sát- sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, sự nói dối-nói láo, sự nói lời gây chia- rẽ, sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ, sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự tham- dục [thèm muốn], sự ác-ý, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Sự kiêng cữ sát- sinh, kiêng cữ sự gian-cắp, sự kiêng cữ tà-dâm tà dục, sự kiêng cữ nói dối- nói láo, sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ, sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự vô-tham, sự thiện-ý, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi. “Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi

đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo sự (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vầy nên nó được nói ra như vậy."

172 (6) Phi Giáo Pháp (2) {["Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo suy xét: "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: ['Này các Tỳ kheo, điều gì là Giáo Pháp và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu ... một người nên thực

hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.'] Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?" Rồi ý này đã xảy đến với họ: "Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta." Rồi các Tỳ kheo đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Đại Ca- chiên-diên, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: "Này đạo hữu Đại Ca- chiên-diên, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [lặp lại như trên] ... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta." Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên giảng giải lời dạy đó cho chúng tôi." [Thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời:] "Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cần gỗ lõi đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm kiếm gỗ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gỗ lõi, nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy, bậc ấy đã trở thành sự-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā; bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy." "Này đạo hữu Đại Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng

tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi chúng tôi đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng thầy Đại Ca-chiên-diên được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì." "Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói." "Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này: "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: '… [lặp lại câu Phật đã nói]…' Giờ, này các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi?} (Các đoạn được người dịch đánh dấu ngoặc {…} trong kinh này và kinh 10:172 và 10:115 là giống nhau, chỉ khác tên người. Và từ chỗ này 10 điều bên dưới giống kinh 10:173 kế dưới, như sau:)

(1) "Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duy- ên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự kiêng cữ sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. (2) "Sự gian-cắp sai lạc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ gian-cắp là Giáo Pháp … (3) "Sự tà-dâm tà dục là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ tà-dâm tà dục là Giáo Pháp … (4) "Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói-dối nói láo là Giáo Pháp … (5) "Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói lời gây

chia-rẽ là Giáo Pháp … (6) "Sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là Giáo Pháp … (7) "Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp … (8) "Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp … (9) "Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-ý là Giáo Pháp … (người dịch giản lược) …

(10) "Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. "Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. "Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm sau khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy." "Dạ, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau đó đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: … [họ kể lại toàn bộ câu chuyện] … Thầy Đại Ca-chiên-diên đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy." "Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Đại Ca-chiên-diên là có trí. Thầy Đại Ca-chiên-diên có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý

nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách

thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm."

173 (7) Phi Giáo Pháp (3) ["Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi? (1) "Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duy- ên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự kiêng cữ sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. (2) "Sự gian-cắp là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ gian-cắp là Giáo Pháp ... (3) "Sự tà-dâm tà dục là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ tà-dâm tà dục là Giáo Pháp ... (4) "Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói-dối nói láo là Giáo Pháp ... (5) "Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ là Giáo Pháp ... (6) "Sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là Giáo Pháp ... (7) "Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp ...

(8) "Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp ... (9) "Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-ý là Giáo Pháp ... (người dịch giản lược) ...

(10) "Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi. "Khi điều đó được nói: ['Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi'] là do chiếu theo sự (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vầy nên nó đã được nói ra như vậy."

174 (8) Những Nguyên Nhân Của Nghiệp "Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh, ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, so sân gây ra, và do si gây ra. (2) Sự gian-cắp ... (3) sự tà-dâm tà dục ... (4) sự nói-dối nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt- gỏng nạt nộ ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... (người dịch giản lược) ... và (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến), ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, so sân gây ra, và do si gây ra. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, tham là một nguồn và gốc của nghiệp; sân là một nguồn và gốc của nghiệp; si là một nguồn và gốc của nghiệp. Khi diệt hết tham, nguồn của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết sân, nguồn của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết si, nguồn của nghiệp bị dập tắt."

175 (9) Tránh Bỏ “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ (tránh né, tránh đi). Nó không phải không có [thiếu] một phương tiện để tránh bỏ. Và theo cách nào Giáo Pháp này đưa ra một phương tiện để tránh bỏ và không phải không có một phương tiện để tránh bỏ? (1) Người sát-sinh có sự kiêng cữ sát-sinh là phương tiện để tránh nó. (2) Sự gian-cắp … (3) sự tà-dâm tà dục … (4) sự nói dối-nói láo … (5) sự nói lời gây chia-rẽ … (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ… (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc … (8) sự tham-dục [thèm muốn] … (9) sự ác-ý … và (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là phương tiện để tránh nó. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ và nó không phải không có phương tiện để tránh bỏ.”

176 (10) Cunda Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Pāvā trong khu vườn xoài của Cunda, con trai của thợ rèn.2165 Rồi Cunda, con trai người thợ rèn, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với anh ta: “Này Cunda, những nghi lễ thanh-lọc2166 của ai anh ưa thích hơn?” “Thưa Ngài, con thích những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn ở miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.” “Và, này Cunda, theo cách nào những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ?” “Ở đây, thưa Ngài, những bà-la-môn miền tây chỉ thị cho một đệ tử như vầy: ‘Này, người tốt, sau khi thức dậy sớm, từ trên giường nên dặm

chân xuống đất. Nếu không dặm chân xuống đất, nên dặm phân bò ướt. Nếu không dặm phân bò ướt, anh nên dặm cỏ xanh. Nếu không dặm cỏ xanh, anh nên đốt giữ lửa thiêng. Nếu không đốt giữ lửa thiêng, anh nên chấp tay kính lễ mặt trời. Nếu không chấp tay kính lễ mặt trời, anh nên ngâm mình trong nước ba lần kể cả buổi tối.’ Chính theo cách này những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ. Đây là những nghi lễ thanh-lọc của họ mà con ưa thích.” “Này Cunda, sự thanh-lọc theo giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.” “Nhưng thưa Thế Tôn, theo giới luật của Thánh Nhân thì sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Ngài chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo một cách để giảng giải sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào theo giới luật của Thánh Nhân.” “Được rồi, này Cunda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng.” “Dạ, thưa Ngài”, Cunda, con trai người thợ rèn đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (A) “Này Cunda, sự không trong-sạch (bất tịnh) bằng thân có ba phần. Sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần. (I) “Và, này Cunda, theo cách nào sự không trong-sạch bằng thân có ba phần? (1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. (2) “Người đó gian-cắp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp tàu sản và đồ đạc của người khác trong làng mạc hay

trong rừng. (3) “Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục bất

chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.2167 “Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng thân có ba phần. (II) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng lời- nói có bốn phần? (4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó. (5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái). (6) “Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm. (7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi. “Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn

phần. (III) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần? (8) “Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’ (9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vầy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát,2168 bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’ (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan- điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] “Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần. - “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp bất thiện. Nếu ai dính vào mười đường

nghiệp bất thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dặm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch, và nếu người đó không dặm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dặm phân bò ướt, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dặm phân bò ướt, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dặm cỏ tươi, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dặm cỏ tươi, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng

không trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng không trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp bất thiện là không trong-sạch và làm ô-nhiễm. Chính bởi vì người ta dính vào mười đường nghiệp bất thiện này nên mới gặp địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, và những nơi-đến xấu dữ khác. (B) (I) “Này Cunda, sự trong-sạch (thanh tịnh) bằng thân có ba phần. Sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự trong-sạch bằng tâm có ba phần. “Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng thân có ba phần? (1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng. (3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn. “Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng thân có ba phần. (II) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần? (4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó

kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó. (5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận,

vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. “Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. (III) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần? (8) “Ở đây, có người không có tham-dục [không thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’. (9) “Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự

thù-ghét, như vầy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’ (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] “Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần như vậy.” - “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp thiện. Nếu ai tham gia vào mười đường nghiệp thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dặm chân xuống đất, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm chân xuống đất, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dặm phân bò ướt, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm phân bò ướt, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dặm cỏ tươi, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm cỏ tươi, người đó cũng trong- sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó trong- sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp thiện là trong-sạch và làm thanh-lọc. Chính bởi vì người ta tham gia vào mười đường nghiệp thiện này nên họ mới gặp những thiên thần, loài người, và những nơi-đến tốt lành khác.” Sau khi lời này được nói ra, Cunda, con trai người thợ rèn, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … Mong đức Thế Tôn chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết

đời.”

177 (11) Bà-la-môn Jāṇussoṇī Lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng dường phẩm vật và thực hiện những lễ cúng tưởng nhớ người chết2169 với ý nghĩ: ‘Cầu cho đồ cúng của chúng tôi sẽ làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết.’ Thưa Thầy Cồ-đàm, liệu những đồ cúng của chúng tôi có thực sự làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết hay không? Liệu những người trong gia đình và họ tộc có thể dự hưởng đồ cúng của chúng tôi hay không?” “Này bà-la-môn, điều đó có thể làm ích lợi nếu vào dịp (điều kiện, trường hợp) đúng, sẽ không làm ích lợi vào dịp sai.” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, cái gì là dịp đúng và cái gì là dịp sai?” (i) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm- phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác- ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong địa ngục.2170 Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những chúng sinh trong địa ngục. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (chúng sinh ở địa ngục không hưởng được đồ cúng)

(ii) “Có người khác sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cõi súc sinh. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những súc sinh. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (chúng sinh là súc vật không hưởng được đồ cúng)

(iii) “Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm- phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của loài người. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (chúng sinh là người còn sống không được cúng đồ cúng)

(iv) “Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách- nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những thiên thần. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (chúng sinh là thiên thần không hưởng được đồ cúng)

(v) “Lại có người khác nữa sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh hồn ma ngạ quỷ (quỷ đói). Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những ngạ quỷ thống khổ, hoặc nếu không người đó sống còn ở đó nhờ vào những đồ cúng mà những bạn bè, đồng nghiệp, những người thân trong họ hàng hay gia đình trong thế gian này cúng cho người đó. Đây là dịp đúng, khi đó đồ cúng sẽ làm ích lợi cho một chúng sinh ở đó.” (chúng sinh là ngạ quỷ cô

hồn có thể hưởng được đồ cúng)

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng không tái sinh vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ)?” “Những người thân đã chết của những người khác đã bị tái sinh2171 vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ) sẽ hưởng đồ cúng đó.” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng và người thân của những người khác đều không tái sinh vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ)?” “Này bà-la-môn, trong suốt thời gian dài thăm thẳm [trong vòng luân-

• 229

hồi, saṃsāra] không thể nào và không thể hình dung rằng chỗ đó (cảnh ngạ quỷ) lại không có những người thân nào trong họ tộc và những người trong gia đình của một người. Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không quả gì.” “Có phải Thầy Cồ-đàm đặt ra [giá trị của sự bố-thí] là cũng có ngay cả vào dịp sai?”2172 “Này bà-la-môn, ta đặt ra [giá trị của sự bố-thí] là cũng có trong dịp sai. (vi) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức-ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ-ở, và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Ở đó người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi). “Do ở đây người đó sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi). (vii) “Có người khác sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa … trâu bò … chó. Ở đó người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa và những đồ trang trí khác (cho con vật đó). “Do ở đây người đó sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa … trâu bò … chó. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức

ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho con vật đó). (viii) “Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm- phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm không sự ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức-ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ-ở, và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Ở đó người đó có được (hưởng) năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc) của cõi người. “Do ở đây người đó

đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức-ăn … và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan của cõi người. (ix) “Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách- nhìn đúng đắn. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Ở đó người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc) của cõi trời. “Do ở đây người đó đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà- la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan của cõi trời. [Đây là lý do tại sao ta nói:] ‘Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không phước quả gì.’” “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, rằng có lý do để bố thí cúng dường và thực hiện những nghi lễ tưởng nhớ cho người chết, vì đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì.” “Đúng là vậy, này bà-la-môn! Đúng là vậy, này bà-la-môn! Thêm

nữa, đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì.” “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tự từ hôm nay đến cuối đời.”

NHÓM 3. TỐT 2173

178 (1) Tốt “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Sự sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; tham-dục [thèm muốn], sự ác-ý, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là xấu. (mười đường nghiệp bất thiện) “Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Sự kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; sự vô-tham [không thèm muốn], sự thiện-ý, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là tốt.” (mười đường nghiệp thiện)

179 (2) 188 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện … (179) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về Giáo Pháp thánh thiện và Giáo Pháp phi thánh thiện … (180) … điều thiện lành và điều bất thiện … (181) … điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại … (182) … điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp … (183) … Giáo Pháp không bị ô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm … (184) … Giáo Pháp không bị chê trách (phi tội lỗi) và Giáo Pháp đáng bị chê trách (tội lỗi) … (185) … Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác … (186) … Giáo Pháp

dẫn tới sự tháo bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghiệp, sanh y) … (187) … Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu quả của nó … (188) … Giáo

Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Sự sát- sinh … và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ.” (mười đường nghiệp bất thiện) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Sự kiêng cữ sát-sinh … và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.” (mười đường nghiệp thiện)

NHÓM 4. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN

189 (1) Đường Thánh Thiện … “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng … “Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Sự sát- sinh … và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (mười đường nghiệp bất thiện) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Sự kiêng cữ sát-sinh … cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là con đường thánh thiện.” (mười đường nghiệp thiện)

190 (2) 198 (10) Đường Sáng … (190) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối … (191) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu … (192) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu … (193) Giáo

Pháp nên được phát khởi và Giáo Pháp không nên được phát khởi … [194] … Giáo Pháp nên được theo đuổi và Giáo Pháp không nên được theo đuổi … (195) Giáo Pháp nên được tu tập và Giáo Pháp không nên được tu tập … (196) … Giáo Pháp nên được tu dưỡng và Giáo Pháp không nên được tu dưỡng … (197) Giáo Pháp nên được tưởng nhớ và Giáo Pháp không nên được tưởng nhớ … (198) Giáo Pháp nên được chứng ngộ và Giáo Pháp không nên được chứng ngộ … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ? Sự sát-sinh … và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ. (mười đường nghiệp bất thiện) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp nên được chứng ngộ? Sự kiêng cữ sát-sinh … cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp nên được chứng ngộ.” (mười đường nghiệp thiện)

NHÓM 5. THÊM NHÓM “NHỮNG NGƯỜI” 2174

199 (1) Gặp Gỡ “Này các Tỳ kheo, một người không nên gặp gỡ (giao lưu, thân cận) với một người có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó có sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) (mười đường nghiệp bất thiện). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này.” “Này các Tỳ kheo, một người nên gặp gỡ với một người có được mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà- dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [sự thèm muốn], có thiện-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) (mười đường nghiệp

thiện). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này.”

200 (2) 210 (12) Nương Dựa ... 2175 (200) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mười phẩm chất ... một người nên nương dựa vào người có được mười phẩm chất ... (201) ... một người không nên nghe theo ... một người nên nghe theo ... (202) ... một người không nên kính trọng ... một người nên kính trọng ... (203) ... một người không nên khen ngợi ... một người nên khen ngợi ... (204) ... một người không nên tôn kính ... một người nên tôn kính ... (205) ... một người không nên thể hiện sự tôn trọng ... một người nên thể hiện sự tôn trọng một người có được mười phẩm chất ... (205) ... một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (206) Một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (207) ... không được thanh lọc (bất tịnh) ... được thanh lọc (thanh tịnh) ... (208) ... không vượt qua sự tự-ta (ngã mạn) ... vượt qua sự tự-ta ... (209) ... không tăng trưởng về trí-tuệ ... tăng trưởng về trí-tuệ ... (210) ... tạo ra nhiều thất phước ... tạo ra nhiều phước đức. Mười đó là gì? Người đó kiêng cữ sự sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có sự thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). (mười đường nghiệp thiện). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước đức.”

• 235

[Năm Mươi Kinh Thêm] NHÓM 1. THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP

211 (1) Địa Ngục (1) (I) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. (2) “Người đó gian-cắp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng mạc hay trong rừng. (3) “Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn. (4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó. (5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất

hòa, vui mừng khi

nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái). (6) “Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm. (7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi. (8) “Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’ (9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vầy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’ (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] “Người có mười phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. (II) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì?

• 237

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng. (3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn. (4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì

lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó. (5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi

vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. (8) “Ở đây, có người không có tham-dục [không thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’. (9) “Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vầy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’ (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan- điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] (Phần (II) ở đây người dịch ghi đầy đủ mỗi điều thiện (1)-(10) như phần (B) của kinh 10:176 (kinh Cunda) để thấy chúng giống nhau)

“Người có được mười phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

212 (2) Địa Ngục (2) (I) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì?? 2176

• 239

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. (2) Người đó gian-cắp … (3) Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục … (4) Người đó nói-dối nói láo … (5) Người đó nói lời gây chia-rẽ … (6) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ… (7) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc … (8) Người đó có đầy tham-dục [sự thèm muốn] … (9) Người đó có một cái tâm ác-ý … (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) … không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào

trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] “Người có mười phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. (II) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp … (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục bất chính với những … (4) Sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo … (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ … (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nạt nộ … (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc … (8) Người đó không có tham-dục [sự thèm muốn] … (9) Người đó có thiện-ý … (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan- điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) … có những tu sĩ và bà-la-môn tốt

thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] “Người có được mười phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) Phụ Nữ “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Họ sát-sinh … [tiếp tục mười đường nghiệp bất thiện như kinh kế trên] … và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) Họ kiêng cữ sự sát-sinh … [tiếp tục mười đường nghiệp thiện] … và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) Nữ Đệ Tử Tại Gia “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh … và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) Người đó kiêng cữ sự sát-sinh … và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

215 (5) Sự Tự Tin “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh … [tiếp tục mười đường nghiệp bất thiện] … và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó kiêng cữ sự sát-sinh … và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

216 (6) Bò Trườn “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn.2177 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn? Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó. (I) (1) “Ở đây, có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm.2178 Nghiệp thân của người đó bị cong quẹo; nghiệp lời-nói của người đó bị cong quẹo; nghiệp tâm của người đó bị cong quẹo. Nơi-đến của người đó bị cong quẹo; sự tái sinh của người đó bị cong quẹo. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh bị cong quẹo, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những địa ngục toàn đau đớn

hoặc một loài động vật bò trườn (khi rình mồi và lẩn trốn). Và cái gì là một loài động vật bò trườn? Rắn, bò cạp, rít, chồn, mèo, chuột, và cú,2179 hay một loài động vật nào bò trườn trốn đi khi nhìn thấy người ta. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình. (2) “Có người gian-cắp … (3) … dính vào tà-dâm tà dục … (4) … nói-dối nói láo … (5) … nói lời gây chia-rẽ … (6) nói lời gắt-gỏng nạt nộ… (7) nói lời tầm-phào tán dóc; (8) có đầy tham-dục [sự thèm muốn] … (9) có một cái tâm ác-ý và ý-định thù ghét … (10) … nắm giữ cách- nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) … không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của họ bị cong quẹo … Nơi-đến của người đó bị cong quẹo; sự tái sinh của người đó bị cong quẹo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình. “Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của

mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó. (II) (1) "Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. Người đó không bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của

người đó là chính thẳng; nghiệp lời-nói của người đó là chính thẳng; nghiệp tâm của người đó là chính thẳng. Nơi-đến của người đó là chính thẳng; sự tái sinh của người đó là chính thẳng. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh là chính thẳng, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những cõi trời toàn sướng hoặc những gia đình danh giá, như những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ giàu có, thuộc bà-la-môn giàu có, thuộc gia chủ giàu có, giàu, có nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều châu báu và vật sở hữu, nhiều tài sản và lúa gạo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình. (2) "Có người, sau khi dẹp bỏ sử gian-cắp, người đó kiêng cữ gian-cắp … (3) … kiêng cữ tà-dâm tà dục … (4) … kiêng cữ nói-dối nói láo … (5) … kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ … (6) kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ… (7) kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; (8) không có tham-dục [thèm muốn] … (9) có thiện-ý … (10) … nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) … có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Người đó không bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của người đó là chính thẳng … Nơi-đến của người đó là chính thẳng; sự tái sinh của người đó là chính thẳng. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh là chính thẳng, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những cõi trời toàn sướng hoặc những gia đình danh giá … nhiều tài sản và lúa gạo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình. "Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn

gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó. "Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn."

217 (7) Cố Ý (1) "Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý2180 đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của

nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.2181 (A) "Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân,2182 khởi sinh từ sự cố-ý (tư) bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau. (I) "Và giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau? (1) "Ở đây, có người sát-sinh, người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (2) "Người đó gian-cắp. Người đó trộm cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng mạc và trong rừng. (3) "Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với người gần như đã hứa hôn.

• 245

"Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau. (II) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau? (4) "Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: 'Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết' thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó. (5) "Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái). (6) "Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm. (7) "Người đó người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi. "Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu

quả và kết quả khổ đau. (III) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau? (8) “Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’ (9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vầy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’ (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] (Nội dung các điều (1)-(10) của phần (A) cũng giống như chúng của phần (A) trong kinh Cunda 10:176.)

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, có một hậu quả và kết quả khổ đau. “Này các Tỳ kheo, (I) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục; hoặc (II) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói

[khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục; hoặc (III) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống.2183 Cũng giống như vậy, (I) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân … hoặc (II) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói … hoặc (III) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố- ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm

nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy. (B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc. (I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng. (3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn. “Chính theo cách này là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc. (II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói (khẩu nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc? (4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó. (5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia

rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói

đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi. "Chính theo cách này là có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc. (III) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc? (8) "Ở đây, có người không có tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!'. (9) "Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!' (10) "Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan- điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên

(theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] "Chính theo cách này là có một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc. "Này các Tỳ kheo, (I) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời; hoặc (II) chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời; hoặc (III) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. "Giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, (I) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân ... hoặc (II) chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc (III) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. "Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy."

218 (8) Cố Ý (2) 2184 “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy. (A) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, (I) có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân, khởi sinh từ sự cố-ý (tư) bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; (II) một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; (III) một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau. (I) Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] … có một hậu quả và kết quả khổ đau? (1)-(3) … (II) có một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] …? (4-7) … (III) có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp] … ? (8)–(10) … [giống như phần (A) kinh kế trên] …

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] …. hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] … hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố- ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không

nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy. (B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, (I) có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý (tư) thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; (II) một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; (III) một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc. (I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] … có một hậu quả và kết quả hạnh phúc? (1)-(3) … (II) có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] …? (4-7) … (III) có một sự thành công ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp] … ? (8)–(10) … [giống như phần (B) kinh kế trên] … “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] …. hoặc chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] … hoặc chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được

làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy."

219 (9) Thân Sinh Từ Nghiệp "Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong

• 253

kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.2185

(i) "Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện này, là người không có sự thèm-muốn [không tham], không có sự ác-ý [không sân], không bị ngu- mờ [không si], thường rõ-biết (tỉnh giác), luôn có chánh-niệm như vậy, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, xa vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó hiểu như vầy: 'Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó được tu tập một cách vô lượng và hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn hay còn sót ở đó.'2186 "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự giải- thoát của tâm bằng tâm-từ từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?"2187 "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?" "Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý (cớ) gì mà sự khổ đau có thể ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?"2188 "Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người sống phải chết (hữu tử) có tâm là phần cốt yếu của họ. 2189 (thân chỉ là tạm bợ, khi chết là bỏ, chỉ có tâm thức là phần quan trọng của một người). "[Người đệ tử thánh thiện] hiểu được: 'Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở đây trong quá khứ bằng cái cái 'thân được sinh từ nghiệp' này2190 đều

được nếm trải ở đây. Nó sẽ không đi theo (tới chỗ tái sinh kế tiếp).'2191 Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới thánh quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây (ngay trong kiếp này)2192 là người không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó.2193 (tức Tỳ kheo đó chưa chứng luôn A-la-hán) (ii) "Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện này, là người không có sự thèm-muốn [không tham], không có sự ác-ý [không sân], không bị ngu- mờ [không si], thường rõ-biết, luôn có chánh-niệm như vậy, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (iii) với một cái tâm thắm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ...

(iv) với một cái tâm thắm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm bi-mẫn … tâm tùy-hỷ … tâm buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó hiểu như vầy: 'Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó được tu tập một cách vô lượng và hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn hay còn sót ở đó.' "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự giải- thoát của tâm bằng tâm-bi … tâm-hỷ … tâm-xả từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?" "Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý (cớ) gì mà sự khổ đau có thể ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?" "Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi … tâm-xả. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người sống phải chết có tâm là phần cốt yếu của họ. "[Người đệ tử thánh thiện] hiểu được: 'Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở

đây trong quá khứ bằng cái cái 'thân được sinh từ nghiệp' này đều được nếm trải ở đây. Nó sẽ không đi theo (tới chỗ tái sinh kế tiếp).' Khi sự giải- thoát của tâm bằng tâm-bi … tâm-hỷ … tâm-xả đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới thánh quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây (ngay trong kiếp này) là người không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó."

220 (10) Hành Vi Trái Với Giáo Pháp Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?" "Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. "Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?" "Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." "Tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa lời tuyên bố của Thầy Cồ-đàm được nói ra một cách vắn tắt như vậy. Mong Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi có thể hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết."

"Được, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa ngài, bà-la-môn đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (A) "Này bà-la-môn, hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm. "Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi

bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) … (II) là bốn phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) … (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10) … [giống hệt mười điều (1)-(10) thuộc phần (A) kinh 10:217] … Chính theo cách này hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm. “Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính như vậy, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (B) “Này bà-la-môn, hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm. “Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) … (II) là bốn phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) … (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10) … [giống hệt mười điều (1)-(10) thuộc phần (B) kinh 10:217] … Chính theo cách này hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm. “Này bà-la-môn, chính bởi nhờ hành vi chân chính như vậy, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm chấp

• 257

nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tự từ hôm nay đến hết đời.”

NHÓM 2. GIỐNG NHAU

221 (1) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Người đó sát- sinh, (3) gian-cắp, (3) tà-dâm tà dục, (4) nói-dối nói láo, (5) nói lời gây chia-rẽ, (6) nói lời gắt-gỏng nạt nộ, (7) nói lời tầm-phào tán dóc; (8) người đó có đầy tham-dục [sự thèm muốn], (9) có một cái tâm ác-ý, và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Có được mười phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) sự kiêng cữ sát-sinh, (2) kiêng cữ sự gian-cắp, (3) sự kiêng cữ tà-dâm tà dục, (4) sự kiêng cữ nói dối-nói láo, (5) sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, (6) sự kiêng cữ nói lời gắt- gỏng nạt nộ, (7) sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc, (8) sự vô-tham [không sự thèm-muốn], (9) sự thiện-ý hiền từ, (10) cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

222 (2) “Này các Tỳ kheo, có hai mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, và (2) xúi giục người khác sát-sinh … … (19) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và (20) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Có hai mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được hai mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, và (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh … … (19) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và (20) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Có được hai mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

223 (3) “Này các Tỳ kheo, có ba mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, và (3) đồng tình với sự sát-sinh … … (28) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (29) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, và (30) đồng tình với cách- nhìn sai lạc. Có ba mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được ba mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, và (3) đồng tình với sự kiêng cữ sát-sinh … … (28) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (29) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và (30) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn. Có được ba mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

224 (4) “Này các Tỳ kheo, có bốn mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, (3) đồng tình

với sự sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự sát-sinh … … (37) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (38) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, (39) đồng tình với cách-nhìn sai lạc, và (40) nói lời khen ngợi cách-nhìn sai lạc. Có bốn mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được bốn mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, (3) đồng tình với sự kiêng cữ sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự kiêng cữ sát-sinh … … (37) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (38) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, (39) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn, và (40) nói lời khen ngợi cách- nhìn đúng đắn. Có được bốn mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

225 (5) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người luôn làm bản thân (chính mình, tâm mình) trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại. Mười đó là gì? … “Có được mười phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại …”

226 (6) 228 (8) 2194 “Này các Tỳ kheo, có hai mươi … ba mươi … bốn mươi phẩm chất, một người luôn làm bản thân trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại. Bốn mươi đó là

gì? … “Có được hai mươi … ba mươi … bốn mươi phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại. Bốn mươi đó là gì? …”

260 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

229 (9) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục … “Có được mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Mười đó là gì? …”

230 (10) 232 (12) “Này các Tỳ kheo, có hai mươi … ba mươi … bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bốn mười đó là gì? … “Có được hai mươi … ba mươi … bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời …”

233 (13) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người được hiểu là người ngu … “Có được mười phẩm chất, một người được hiểu là người trí …”

234 (14) 236 (16) “Này các Tỳ kheo, có hai mươi … ba mươi … bốn mươi phẩm chất, một người được hiểu là người ngu … “Có được hai mươi … ba mươi … bốn mươi, một người được hiểu là

• 261

người trí …”

NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 2195

237 (1) 2196 “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự không hấp-dẫn (không sạch; của thân), (2) nhận-thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự dẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và (10) nhận-thức về sự chấm-dứt. Để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều này nên được tu tập.”

238 (2) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về một bộ xương, (6) nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, (7) nhận-thức về thi thể đã tím xanh, (8) nhận-thức về một thi thể đang sình mủ, (9) nhận- thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương phình. Để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều này nên được tu tập.”

239 (3) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn,

262 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn; (chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh- nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định, chánh- trí, và chánh giải-thoát). Để có sự trực-tiếp biết về tham, mười điều này cần được tu tập."2197

240 (4) 266 (30) "Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ...2198 sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham, mười điều này này cần được tu tập ..."

267 (31) 746 (510) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự chê-bai ... sự hỗn-xược ... sự ganh-tỵ ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự say-sưa ... sự lơ-tâm phóng dật, mười điều này cần được tu tập ..." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 9

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)

Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN

NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavitarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders’ Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders’ Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman) Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

1964 [Nguyên văn câu cuối là: Iti kho, Ānanda, kusalāni sīlāni anupubbena

aggāya parenti. Mp giải nghĩa chữ aggāya là = arahattatthāya (nghĩa là: chỗ cao nhất hay tối thượng là thánh quả A-la-hán). (Kinh 11:01 là giống kinh này, chỉ tách điều (10) thành 02 điều thành (10) và (11).] (1964)

1965 ['Đó là tự nhiên' là tạm dịch câu 'Dhammatā esā'. Mp giải thích: "Đây

là bản chất tự nhiên của mọi thứ, là trật tự nhân duyên" (dhammasabhāvo eso kāraṇaniyamo ayaṃ) (ý là: nhân đã thiện thì quả không gì phải hối- tiếc)...] (1965)

1966 [Nguyên vân đoạn cuối là: Iti kho, bhikkhave, dhammā dhamme abhi-

sandenti, dhammā dhamme paripūrenti apārā pāraṃ gamanāyā. Mp giải nghĩa: "Để đi từ bờ bên này tới bờ bên kia: 'bờ bên này' là chỉ vòng luân-hồi hiện-hữu trong 03 cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới), tới 'bờ bên kia' là tới 'Niết-bàn' (orimatīrabhūtā tebhūmakavaṭṭā nibbānapāraṃ gamanat- thāya). Ở đây có chữ gốc là dhammā (pháp, các pháp) mà tôi dịch là các "giai-đoạn" có lẽ diễn tả rằng tiến trình tu tập sẽ cho thấy những nguyên lý tự nhiên là 'một giai đoạn tu này làm điều-kiện (duyên) để khởi sinh giai đoạn tu kế tiếp suốt từ đầu của con-đường cho đến chung-cuộc của nó. Một dãy các giai-đoạn này tạo thành một chuỗi sự kiện khởi-sinh tùy-thuộc. Chúng ta sẽ gặp lại chuỗi nhân-duyên 'tích cực' này trong kinh "Những Nguyên-Nhân Kế Trước" (Upanisā Sutta, tức SN 12:23 (Quyển 2)). Mời quý vị coi bài tham luận của tôi về bài kinh này,

trong tập Bodhi 1980.] (1966)

1967 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của các kinh 5:24, 6:50, 7:65,

và 8:81.] (1967)

1968 [Mp giải nghĩa câu này là: "Người đó sẽ không lấy đất là đối-tượng và

không nhận thức thông qua nhận-thức đã khởi sinh là 'đất'." Dường như câu này phủ định có một tầng thiền định sắc-giới (jhāna) dựa trên đối-tượng thiền (kasiṇa) là đất. Sự giải thích cũng tương tự đối với những kasina là nước, lửa, và khí. Ý này đã được xác nhận bởi 04 bước tiếp theo, cũng phủ định luôn 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Nói cách khác, sự định-tâm này không phải là

một tầng thiền định sắc-giới dựa trên những kasiṇa (đất, nước, lửa, khí) cũng không phải là những tầng chứng đắc vô-sắc.] (1968)

1969 [Mp nhận dạng đây là sự (trạng thái) định-tâm của sự chứng thánh quả

(phalasamāpattisamādhi). Sự chứng đắc này không phải là thánh quả xảy ra lập tức trong vài khoảng-khắc (sát-na) sau thánh đạo, mà là một trạng thái thiền định đặc biệt chỉ có thể tiếp cận được bởi những người đã chứng đắc một trong 04 thánh đạo và thánh quả theo nó. Sự chứng đắc này, như được thấy trong bài kinh này, không lấy bất kỳ đối-tượng thiền thế tục có điều-kiện (hữu vi) nào làm sự trợ giúp cho nó; sự trợ giúp của nó chính là Niết-bàn không còn điều-kiện (vô vi Niết-bàn), được trải nghiệm trực tiếp và tức thì. Các luận giảng thì cho rằng sự chứng đắc này được xếp loại là 04-tầng theo 04-giai đoạn chứng đắc [từ Nhập-lưu đến A-la-hán].] (1969)

1970 [Nguyên văn câu kép này là: Bhavanirodho nibbānaṃ bhavanirodhaṃ

nibbānaṃ. Mp diễn dịch câu này nghĩa là: "'Này đạo hữu, trong thời lúc đó tôi đã có nhận thức bằng nhận-thức của sự chứng quả.' Chỗ này đang nói về loại trí-biết hồi nhớ (paccavekkhaṇā) để chỉ ra rằng sự chứng đắc này đã có đi kèm bởi tâm." Nói cách khác, do nhận-thức (tưởng) vẫn có mặt, nên trạng thái này chưa phải là "sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác" (diệt thọ tưởng) (saññāvedayitanirodha).] (1970)

1971 [Đây là một kinh song hành dựa trên kinh 8:71. Coi thêm kinh 9:04 cũng

có một phần song hành tương đương.] (1971)

1972 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh 8:72.] (1972)

1973 [Đây là một kinh do kết-hợp thành kinh "10-điều". 05 điều đầu tiên là 05

điều trong kinh 5:53.] (1973)

1974 [Đây cũng là một kinh kết-hợp để thành kinh "10-điều".] (1974)

1975 [Đây là một kinh kết-hợp, gồm các phần "05-điều" song hành trong các

kinh 5:205–206 và 9:71–72.] (1975)

1976 [Lẽ ra nên làm theo Be ở đây ghi là susamucchinnā, nhưng tôi làm theo

Ce và Ee, ở đây chỉ ghi đơn giản là samucchinnā, mặc dù bên dưới thì vẫn

Chú Thích • 269

ghi chữ susamucchinnā.] (1976)

1977 [Lời (1) này giống như lời đoạn (1) của kinh 4:34. Còn loạt 09 ví dụ kế

tiếp dưới cũng lần lượt có trong các kinh từ SN 45:139–147 (Quyển 5); còn ví dụ thứ (10) trong kinh SN 45:148 là ví dụ về vải, trong kinh này điều (10) là ví dụ về đại dương.] (1977)

1978 [Đây là một kinh song hành với kinh 9:10. Về "người họ tộc" mời coi lại

chú thích 1850 trong kinh đó.] (1978)

1979 [Nāthakaraṇā dhammā. Mp giải thích: "Chúng như những người bảo hộ

(bảo vệ, phò hộ, hộ trì) cho một người, có nghĩa chúng là những sự hộ giúp (hộ trợ, trợ giúp,)" (attano sanāthabhāvakarā patiṭṭhākarā ti attho).] (1979)

1980 [Mp giải thích chữ piyasamudāhāro có nghĩa nói là: "Người đó lắng

nghe cẩn thận khi người khác đang chỉ dạy, và bản thân mình cũng muốn chỉ dạy cho những người khác." Ở đây có hai chữ là abhidhamme và abhivinaye: tôi hiểu 02 chữ này chỉ đơn giản là nói về Giáo Pháp (chứ không phải về phần Vi Diệu Pháp hay phần Vi Diệu Luật nào cả) như tôi cũng đã giải thích trong chú thích ở kinh 5:79, đoạn (3). Tuy nhiên, Mp thì phân biệt cứng nhắc rằng chữ dhamma (giáo pháp) là thuộc Kinh Tạng (Sutta Piṭaka) và chữ ab- hidhamma (giáo pháp bậc cao, vi diệu pháp) là thuộc bảy phần của Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka); và chữ vinaya (luật) là thuộc hai phần Phân Tích Giới Bổn (Suttavibhaṅga) và chữ abhivinaya (luật bậc cao, vi diệu luật) là thuộc những phần Hợp Phần (Khandhaka) và Tập Yếu (Parivāra) của Luật Tạng (Vinaya Piṭaka). Kiểu chú giải như vầy của Mp coi như đã giả định sự có-trước của (những Tạng và phần đó của) kinh điển, nhưng thực tế thì chúng chỉ được phân xếp và kết tập sau trong 07 thế hệ sau khi Phật mất; (nhưng những chữ trong lời kinh này thì đã được Đức Phật nói ra đầu tiên, từ khi Phật còn sống, tức trước xa những phần phân xếp sau đó mà Mp đã nói tới).] (1980)

1981 [Nguyên văn kinh gốc dùng ba thể quá khứ, hiện tại, và ương lai của

động từ āvasati (trú, ở). Vì nếu dịch nguyên văn vậy thì sẽ hơi lượm thượm, nên tôi đã diễn dịch cụm chữ ra theo từng nghĩa riêng như vậy.] (1981)

1982 [Lời đoạn (2) này giống trong kinh 6:01.] (1982)

270 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

1983 [Từ chỗ này trở đi là lặp lại 06 điều trong kinh song hành 6:64. Điều (1)-

(6) trong kinh 6:64 là điều (1), (2) và (7), (8), (9), (10) trong kinh này, và kinh này được mở rộng thêm 04 điều là điều (3), (4), (5), và (6). Mời quý vị coi lại các chú thích 1423, 1424, 1525 ở điều (1), (2), (3) trong kinh 6:64 đó, tương ứng với điều (1), (2), (7) trong kinh này.

- 10 năng-lực của Như Lai cũng được nói trong kinh MN 12, mục 9–20, và cũng được phân tích chi tiết trong Vibh 336–344 [của Be §809–831].] (1983)

1984 [Nguyên văn mệnh đề này: sabbatthagāminiṃ paṭipadaṃ yathābhūtaṃ

ñāṇaṃ. Vibh 339 (Be §811) đã nhận dạng đây là trí-biết (minh) của Phật về những con đường dẫn tới địa-ngục, cõi súc-sinh, cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, cảnh giới con người, cảnh giới thiên thần, và Niết-bàn. Coi thêm kinh MN 12, mục 37–43.] (1984)

1985 [Nguyên văn mệnh đề này là: 'anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ

ñāṇaṃ'. Vibh 339 (Be §812) định nghĩa đây là trí-biết (minh) của Phật về sự đa-dạng của những uẩn, những cơ-sở cảm-nhận (căn xứ, giác quan), và những yếu-tố (giới).] (1985)

1986 [Nguyên văn mệnh đề này: 'Sattānaṃ nānādhimuttikataṃ yathābhūtaṃ

ñāṇaṃ'. Vibh 339 (§813) giải thích đây là trí-biết (minh) của Phật về những chúng sinh có những khuynh hướng căn cơ cao thấp ưu nhược khác nhau, và Phật hiểu cách mà những người có những khuynh hướng căn cơ giống nhau thường (tốt) giao lưu, giao kết, học hỏi nhau, hay (xấu) kết hội, kết bè phái, xúi giục nhau.] (1986)

1987 [Nguyên văn mệnh đề này là: 'Parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyap-

aropariyattaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ'. Vibh 340–42 (§814–27) giải thích đây là trí-biết của Phật về tình-trạng của những chúng sinh hữu tình: từ (tạm dịch Việt) những xu-hướng khác nhau, những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), những tính khí, những căn cơ, các căn, những tính cách, khả năng tiếp thu, và tiềm năng. Những thuật ngữ này đều được Vibh giảng giải một cách chi tiết. Mp thì giải thích ngắn gọn hơn, chỉ định nghĩa đơn giản đây là trí-biết của Phật về năm-căn của chúng sinh (căn niềm-tin … căn chánh-niệm) của họ là đang tăng hay giảm.] (1987)

Chú Thích • 271

1988 ["Những điều hay những pháp (ye te dhammā) ở đây chính là: 10 năng-

lực, hoặc chính là: những điều thuộc sự hiểu-biết tất cả khoa-học (thuộc sự toàn-tri). Những nguyên lý học thuyết (adhivuttipadānaṃ): là những nguyên lý được quy ước (là những nguyên lý được chế định, tức là những học lý, nguyên lý học thuyết (đã được Phật đặt tên hay quy ước) để trình bày, để giảng dạy, phát triển một học thuyết khoa học (ở đây là Phật giáo); nói cụ thể luôn, các nguyên lý học thuyết đó là gồm: năm-uẩn (thân và tâm), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ), và những yếu-tố (giới), chúng là những nền tảng cho những nguyên lý của Giáo Pháp."] (1988)

1989 [Nguyên văn cả câu này là: Etadānuttariyaṃ, Ānanda, ñāṇānaṃ yadidaṃ

tattha tattha yathābhūtañāṇaṃ. Mp giải thích câu này nghĩa là: "Sự-biết về những hiện-tượng khác nhau đúng theo bản-chất bản thể của nó; nhờ có sự- biết này, Phật cho thấy 'trí-biết về tất cả khoa-học' (trí toàn-tri của Phật)" (tesu tesu dhammesu yathāsabhāvañāṇaṃ; iminā sabbaññutaññāṇaṃ das- seti).] (1989)

1990 [Cụm chữ này Ce và Ee ghi là paññāya disvā disvā. Be không lặp lại chữ

disvā, nhưng Mp (của Be) hình như ủng hộ cách ghi của Ce và Ee với lời giải nghĩa của nó là: sahavipassanāya maggapaññāya passitvā passitvā pahātabbā (nên được dẹp bỏ sau khi đã nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí- tuệ của đạo cùng với trí-tuệ của minh-sát (thiền quán)").] (1990)

1991 [Ác-ghen: pāpikā issā. Khó mà tính vai trò của tính từ pāpikā, vì trong

toàn kinh điển đâu có chỗ nào nói tới loại thiện-ghen hay ghen-lành nào (vì tính ghen tỵ là thuộc xấu ác rồi).] (1991)

1992 [Nguyên văn cụm chữ này là: abhibhuyya iriyati (chi phối và cứ tiếp

diễn), Mp giải nghĩa là vattati.] (1992)

1993 [Mp diễn dịch đây là những lời tuyên bố về 'trí-biết', về 'sự tu-tập', và

về 'trí-biết và sự tu-tập', về 03 phần riêng biệt như vậy, và cả 03 đều là những tuyên bố về thánh quả A-la-hán.] (1993)

1994 ['Chi phối và duy trì tiếp diễn' là dịch mức độ cụm chữ gốc 'abhibhuyya

tiṭṭhati. Cụm chữ này dường như không khác với cụm chữ abhibhuyya iriyati (chi phối và cứ tiếp diễn) trong kinh kế trước.] (1994)

1995 ["Cơ-sở (xứ) kasiṇā" (kasiṇāyatanāni). Những kasiṇa (kasiṇa tạm dịch là

một vật thể làm đối-tượng thiền định; thầy Thích Minh Châu dịch là 'thiền án xứ') là những cái dĩa thể hiện những thành-tố hay màu-sắc được dùng làm những đối-tượng để thiền định-tâm (samādhi). Ví dụ, kasiṇa đất là một cái dĩa được đựng đầy đất sét màu nâu đỏ; kasiṇa nước là một bát nước; những kasiṇa màu là những dĩa được sơn màu riêng. Mặc dù những người thiền định thường bắt đầu với một dĩa vật chất, khi người đó có thể nhìn thấy kasiṇa đó một cách rõ ràng bằng con mắt của tâm, người đó sẽ loại bỏ cái dĩa vật chất và chỉ chú tụ duy nhất vào hình ảnh trong tâm (tâm ảnh) của nó mà thôi. Khi sự định-tâm được thâm sâu, một hình ảnh khác được gọi là một hình-ảnh đối ứng hay một đối-tướng (paṭibhāganimitta) nổi lên như một cái neo của sự chú-tâm (tác ý). Trong Thanh Định Đạo [Vism, Chương 4 và 5 có đưa ra sự giảng giải chi tiết về những kasiṇa. Theo hệ thống Thanh Tịnh Đạo, kasiṇa không gian [vốn khởi đầu là 'không vô biên xứ' (cảnh xứ của không gian vô biên)] được thay thế bằng kasiṇa không gian hữu hạn, và kasiṇa thức thì được thay bằng kasiṇa ánh sáng.] (1995)

1996 [Chữ "vô nhị" (advaya) ở đây đơn giản nói về sự thể-hiện của đối-tượng

chứ không nói về nghĩa bất nhị hay nhất thể theo nghĩa bản thể học của nó. Mp giải thích: "Nói như vậy là bởi vì một kasiṇa không tích thêm bản chất của một đối-tượng khác. Giống như, khi một người lội xuống (trong) nước, thì lúc đó chỉ toàn nước và bốn phía không có gì ngoài nước; cũng giống như vậy, kasiṇa đất chỉ là kasiṇa đất. Nó không lẫn trộn với những kasiṇa khác. Cách giải thích tương tự đối với những kasiṇa khác." Về chữ appamāṇa (vô lượng), Mp nói rằng: "Đó là nói theo cách của sự bao trùm vô lượng của [đối-tượng] này hay [đối-tượng] kia. Do bao trùm nó bằng cái tâm, người tu bao trùm toàn thể nó; người đó không nắm chấp những biên giới, không nghĩ 'Đây là đầu của nó; đây là giữa của nó' gì cả.] (1996)

1997 [Trong kinh 1:267 cô Kāḷī được Phật tuyên bố là "đệ nhất trong những

nữ đệ tử tại gia có niềm-tin dựa vào những tin tức bên ngoài" (tức chỉ cần nghe nói về Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng Đoàn là đã đạt được niềm-tin). Rõ ràng cô chưa bao giờ gặp Đức Phật nhưng dựa trên sự tin-tưởng vào Phật do suy xét từ những thông tin mà cô đã nghe được từ những người khác nói lại.] (1997)

1998 [Chỗ này muốn chỉ kinh SN 4:25 (Quyển 1). Chữ "những thiếu nữ" là chỉ

những con gái của Ma-vương (Māra), là những ma nữ đã cố dụ dỗ quyến rũ Phật ngay sau khi Phật đã giác-ngộ. Câu hỏi ở đây đặc biệt được hỏi bởi ma nữ nhi có tên là Dục-Vọng (Taṇhā, Ái).] (1998)

1999 [Ce và Ee ghi là: atthābhinibbattesuṃ. Be ghi là: attho ti ab- hinibbattesuṃ. Mp giải nghĩa là: "Họ tạo ra nó, nghĩ rằng sự chứng đắc về kasiṇa là tối thượng, coi đó là mục tiêu tột cùng."] (1999)

2000 [Chỗ này Ce và Ee ghi là: ādimaddasa; Be ghi là: assādamaddasa. Cách

ghi của Ce và Ee chỗ này là bất bình thường. Thuật ngữ '03-sự' theo công thức tiêu chuẩn chúng ta quen thấy là "sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi" (assāda, ādīnava, nissaraṇa), như đã được ghi trong Be. Bản kinh tương đương trong Hán tạng [SĀ 549 (T II 143a2–b17)] là chỗ chúng ta có thể đối chiếu về 02 cách ghi khác nhau này. Mặc dù kinh SĀ 549 khác đi về một số mặt, nhưng danh sách những sự minh-sát đối với những kasiṇa đã được ghi như vầy: "[Bậc ấy] đã nhìn thấy nguồn-gốc, đã nhìn thấy sự nguy- hại, đã nhìn thấy sự chấm-dứt, đã nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt" ( ). Chữ của tiếng Hán là tương ứng với chữ ādi [không phải chữ
assāda] trong tiếng Pāli, do vậy nó ủng hộ cách ghi của Ce và Ee hơn là Be; Be có thể đã 'thông thường hóa' cách ghi của mình (bằng thuật ngữ '03-sự' đó). Những cách ghi của luận giảng Mp phiên bản Ce và Be là khác nhau đối với cùng một chữ này.] (2000)

- (Người dịch Việt chưa hiểu vì sao câu hỏi này của cô Kāḷī lại được thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời bằng cách nói về những sự chứng đắc kasiṇa như vậy.)

2001 [Tất cả mọi hiện-tượng' hay 'mọi pháp' (sabbaṃ dhammaṃ); tôi hiểu thể

số ít này có vai trò diễn đạt cho thể số nhiều là sabbe dhamme.] (2001)

2002 [Ce và Ee ghi câu này là sabbaṃ dhammaṃ abhiññāya abhiññāya. Be thì

không lặp lại chữ cuối hai lần.] (2002)

2003 [Chỗ này, cho dù về văn phạm các câu kinh gốc đã ghi rõ rệt, nhưng tôi

đã diễn dịch chỗ này như vầy và hy vọng đã diễn tả đúng hơn với ý lời kinh. Tức là, câu "một" đầu tiên thì đúng nghĩa đen, nhưng từ câu "hai" … câu "mười" không phải nghĩa là 'hai câu hỏi' … 'mười câu hỏi' mà có nghĩa là

"một câu hỏi về hai điều" … "một câu hỏi về mười điều".] (2003)

2004 [Về bài kinh này, khi tra cứu với phiên bản Hán tạng tương đương ở [EĀ

46.8 (T II 778b17] thì rất thú vị khi nhận thấy những điểm tương phản. Phiên bản Pāli thì rất rõ rệt đối với những điều mục, đặc biệt ở mục 'bốn điều', 'năm điều', 'sáu điều', và 'mười điều'; còn ở đây EĀ 46.8 lại ghi là bốn diệu đế, năm căn tâm linh, sáu nguyên-tắc để hòa hợp cộng đồng, và mười loại sự chánh-niệm (gồm 10 chi mục là: sáu sự tưởng-niệm, sự chánh-niệm về thân, về cái chết, về hơi-thở, và về sự bình-an). EĀ 46.8 có giảng giải thêm về các chi mục này trong mỗi điều mục đó, điều này làm chúng ta chú ý tới khả năng những chi mục này đã bị bỏ mất trong phiên bản Pāli. Phiên bản Pāli tuyên thuyết 03 nội dung trong mỗi điều mục là—câu hỏi (pañha), tuyên bố rõ gọn (uddesa), và sự giảng giải (veyyākaraṇa)—nhưng trong phiên bản Hán tạng bài kinh chỉ ghi 02 nội dung là câu hỏi và tuyên bố rõ gọn, chứ không có sự giảng giải. Trong chương Kumārapañha (chương thứ tư) của tập Khuddakapāṭha (Kinh Tiểu Tụng), phần (4), có phần trùng lặp với danh sách này nhưng nó không ghi những phẩm chất như "sự tỉnh-ngộ", "sự chán-bỏ", và nó lại ghi những đề mục khác là (4) bốn diệu đế, (7) bảy chi giác-ngộ, (8) tám thánh đạo, và (10) mười yếu-tố của một A-la-hán.] (2004)

2005 [Nguyên văn câu này: Sabbe sattā āhāraṭṭhitikā. (Về '04 dưỡng-chất'

giúp duy trì sự liên tục sự hiện-hữu, coi thêm chú thích ở điều (4) bên dưới).] (2005)

2006 [Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính.] (2006)

2007 [Gồm có: Thức-ăn, sự tiếp-xúc, sự cố-ý của tâm (tâm tư, ý hành), và thức.

Đây được gọi là những dưỡng-chất (āhāra) theo cái nghĩa chúng (góp phần) duy trì sự liên tục sự hiện-hữu (hay duy trì và liên tục sự sống của một 'cá thể' chúng sinh).] (2007)

2008 [Về 'bảy trạm-trú của thức', coi lại kinh 7:44.] (2008)

2009 [Về 'tám tình trạng thế tục', coi lại kinh 8:6.] (2009)

2010 [Về 'chín cõi chúng sinh', coi lại kinh 9:24.] (2010)

2011 [Chỗ này tôi làm theo Be và Ee ghi điều (10) là: dasasu akusalesu kammapathesu (mười đường nghiệp bất thiện), khác với Ce ghi là: dasasu akusalesu dhammesu. Phiên bản Ce, trong kinh 10:28 kế dưới thì ghi điều (10) là: dasasu kusalesu kammapathesu (mười đường nghiệp thiện).] (2011)

2012 [Kajaṅgalikā bhikkhunī: Tỳ kheo ni (từ xứ) Kajaṅgalā. Rất khó xác định

định đây là tên riêng của ni này, hay nghĩa kinh là ni này là người từ vùng Kajaṅgalikā. Tuy nhiên, nếu đây là một tên riêng thì lời kinh có lẽ đã ghi thêm chữ nāma (tên là) thành Kajaṅgalikā nāma bhikkhunī.] (2012)

2013 [Để ý: trong các đoạn (1), (2), (3) thì lời kinh có ghi đoạn [hoàn toàn

tỉnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải- thoát khỏi nó,] (sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno), nhưng tới điều (4) thì khúc này lại được đổi thành {có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,} (sammā subhāvitacitto) và tiếp tục điều (5), (6), (8), và (10) cũng đổi theo như vậy như vậy. Nhưng tới điều (9) thì lời kinh quay lại khúc [...] giống như điều (1), (2), (3).] (2013)

2014 [Kinh này bản gốc Pāli cũng ghi giản lược các điều (5)-(8) y như vầy,

(khác với kinh kế trên thì ghi lần lượt đầy đủ các điều, nhưng người dịch Việt ghi giản lược).] (2014)

2015 [Coi lại '06 yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi' trong kinh 6:13 (và 05

yếu tố đó trong kinh 5:200 và chú thích 1402).] (2015)

2016 [Về các hệ vũ trụ, coi thêm kinh 3:80.] (2016)

2017 [Nguyên văn câu cuối này: Yebhuyyena sattā ābhassarasaṃvattanikā bhavanti. Câu này dường như có nghĩa là họ được tái sinh trong số những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (ābhassara deva), là hạng cảnh giới cao nhất tương ứng với tầng thiền định thứ hai. Ở cõi này thì vẫn còn, trong khi những cảnh giới hiện hữu thấp hơn đều bị sự tan hoại.] (2017)

2018 [Cả đoạn này giống kinh 10:25, mời coi lại kinh và các chú-thích trong

đó.] (2018)

2019 [Toàn bộ đoạn (5) này có lời giống cả bài kinh 8:65 (chỉ khác một chút là

trong các đoạn từ (v)-(viii) ở đây có thêm ví dụ).

- Mời quý vị coi lại chú thích 1771 ở đầu kinh 8:65 để hiểu thêm nghĩa của cụm từ "tám 'cơ-sở để vượt trên'" (tám thắng xứ) này, và lần lượt các chú thích 1772, 1773, 1774 và 1775 cho các điều (1), (2), (3) và (5) tương ứng với các điều (i), (ii), (iii) và (v) kế dưới trong kinh này.] (2019)

2020 [Giống tương tự các điều (1)-(4) trong kinh 4:161 và 4:162.] (2020)

2021 [Mp không chú giải về chỗ này, nhưng tôi giả định 04 nhận-thức này lần

lượt là: nhận-thức trong (cõi) dục-giới, nhận-thức trong (cảnh) bốn tầng thiền định sắc-giới, nhận-thức trong 02 tầng chứng đắc vô-sắc đầu tiên, và nhận- thức trong tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba là vô sở hữu xứ.] (2021)

2022 [Về ý nghĩa câu mật ngữ này: mời quý vị coi lại kinh 7:55, đoạn (1) và

chú thích số 1532 ở đó để ôn lại.] (2022)

2023 (Nghĩa nôm na của câu là: Người mà có được cách-nhìn (quan điểm) như

vậy thì (i) sẽ không ưa thích [chán-ngán, nản-chí] (không ưa thích) với sự tiếp tục hiện-hữu (tái sinh, sinh tử), và (ii) sẽ ưa thích [không nản-chí, không chán-ngán] với sự chấm-dứt sự hiện-hữu (hết tái sinh, hết sinh tử).

- [Nguyên văn cả câu này là: Yā cāyaṃ bhave appaṭikulyatā, sā c'assa na bhavissati, yā cāyaṃ bhavanirodhe pāṭikulyatā, sā c'assa na bhavissati. Dường như luận điểm của lời kinh này muốn nói là: bởi vì 'tư tưởng diệt- vong' đã khởi sinh từ sự ác-cảm đối với 'sự tiếp-tục sự hiện-hữu cá thể', cho nên người có tư tưởng diệt-vong này chào đón 'sự chấm-dứt hiện-hữu', mặc dù theo cách-nhìn của Phật giáo thì tư tưởng diệt-vong này đã đi quá xa vì nó đã diễn dịch sự chấm-dứt đó là = sự hủy diệt cái bản thân 'bằng xương bằng thịt', tức hủy diệt cái 'sự hiện-hữu cá thể' (thân) này. Coi thêm It §49, 43–44.] (2023)

2024 [Nguyên văn cụm chữ này: paramatthavisuddhim paññāpenti. Mp diễn

dịch: "Đây là một cách để chỉ 'phi tưởng phi phi tưởng xứ' [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Bởi vì 'vô sở hữu xứ' [cảnh xứ trống-không] là cao nhất trong những "nền-tảng để minh-sát" (thiền quán); còn 'phi tưởng phi phi tưởng xứ' cao nhất về "tuổi thọ" (trong số

những cõi vô-sắc).] (2024)

2025 [Nguyên văn cụm chữ này: paramadiṭṭhadhammaṃ nibbānaṃ paññāpen-

ti. Coi kinh dài DN 1, mục 3.19–25, trong đó có xem xét 05 quan-điểm về "niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này". Những người này nắm giữ quan điểm rằng 'Niết-bàn là sự thụ-hưởng hết mức (thỏa thích, không bị hạn chế) năm loại dục-lạc, hoặc đó chính là mỗi tầng thiền định sắc giới (jhāna). Đức Phật đã phản đối những quan-điểm này bằng cách khẳng định rằng: 'Niết-bàn tối thượng' được chứng ngộ bằng sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sáu cơ-sở cảm-nhận để tiếp-xúc (sáu xứ, sáu giác quan). Điều này cũng được nói ở DN 1, mục 3.71.] (2025)

2026 [Mp giải thích chữ "hoàn-toàn hiểu" (pariññā, liễu ngộ) ở đây là = vượt-

qua (samatikkama). Sự hoàn-toàn hiểu [hay sự vượt-qua] những khoái-lạc giác quan (dục lạc) xảy ra ở tầng thiền định thứ nhất (tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan …) ; sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc (sắc giới) có được bằng những tầng chứng đắc vô-sắc (= đã vượt trên sắc giới); sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác có được bằng sự chứng ngộ Niết-bàn, ở đó tất cả mọi cảm-giác đều đã được làm tịch lặng.] (2026)

2027 [Mp giải thích về bối cảnh lịch sử lúc này là: khi Vua Kosala Đại Đế [là

cha của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) này] gả con gái Kosala Devi của mình cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) [là vua của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)], ông đã ban tặng cho công chúa đó ngôi làng Kāsi [nằm giữa 02 vương quốc đó] làm món quà cưới. Những năm sau đó, sau khi vua con Ajātasattu (A-xà-thế) giết cha mình là Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), thì mẫu hậu của ông (tức công chúa Kosala Devi) cũng chết do sầu não (vì sự bất hiếu khủng khiếp đó của ông vua con). (i) Lúc đó Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) mới quyết định: “Do Ajātasat- tu đã bất hiếu giết chết vua cha rồi mẹ của mình như vậy, cho nên ngôi làng Kāsi phải thuộc về lại vua cha Kosala Đại Đế của ta.” (ii) Còn Ajātasattu thì nghĩ: “Nó đã thuộc về mẹ của ta” (tức nó đã được cho công chúa Kosala De- vi, là con gái của Vua Kosala Đại Đế và là em gái của vua Pasenadi; tức vua Pasenadi là cậu ruột của vua con Ajātasattu mới giết vua cha Bimbisāra để lên ngôi). Do vậy là 02 bên, cậu ruột và cháu ruột đánh nhau để giành lấy ngôi làng Kāsi. Vua Pasenadi đã 02 lần chiến bại bởi Ajātasattu và phải bỏ trận trốn chạy, nhưng lần thứ ba thì ông thắng trận và bắt được cả vua con

278 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

Ajātasattu. Cho nên lời kinh đã nói lúc này “mục-đích của ông đã đạt được” (laddhādhippāyo).] (2027)

2028 [Tình huống giống như MN 89, mục 6-9. Rồi tiếp tục giống như mục 10-

19, chúng ta thấy Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cũng thể hiện sự lễ-lạy giống như vậy đối với Đức Phật và ông nói ra 10 lý-do mà minh kính lễ Phật với sự tôn- vinh và sự mến-mộ tối thượng như vậy. Tuy nhiên, những chi tiết nhỏ của sự lễ-lạy thì trong kinh MN 89 ghi có khác ít nhiều so với các câu ở đây.] (2028)

2029 [Nguyên văn câu này: Bahuno janassa ariye ñāye patiṭṭhāpitā yadidaṃ

kalyāṇadhammatāya kusaladhammatāya. Mp giải nghĩa chữ “trong phương pháp thánh thiện” là “trong đạo cùng với minh-sát” (sahavipassanake magge). Chỗ này tôi làm theo PED coi chữ patiṭṭhāpitā là một danh từ tác nhân trong thể số ít.] (2029)

2030 [Mặc dù ở đây ghi chữ sikkhāpadaṃ (điều giới-luật) là số ít, nhưng tôi

vẫn hiểu câu này muốn chỉ toàn-bộ (tạng) những giới-luật tu hành và do vậy tôi đã dịch theo nghĩa số nhiều. Trong Luật Tạng (Vinaya Piṭaka), câu này có xảy ra liên quan tới việc đưa ra điều luật pārājika (ba-la-di) đầu tiên, và do vậy dùng số ít ở đó là đúng; coi thêm Luật Tạng Vin III 21,15–23.] (2030)

2031 [Phiên bản Ee đã sai lầm khi nhập kinh này vào kinh kế trước, do vậy số

kinh của nó cũng giảm đi 1. Trong Luật Tạng, Vin II 240–47, sự đình chỉ Pātimokkha (pātimokkhaṭṭhapana) chỉ nói về sự hủy bỏ quyền của một cá nhân tham dự vào buổi tụng giảng hay tụng đọc Pātimokkha vào ngày bố-tát (uposatha). Tôi thấy hình như kinh này chỉ nói về sự đình chỉ Pātimokkha vì một Tỳ kheo nào đó và hoãn dời sự tụng giảng Pātimokkha đến khi đã loại bỏ điều-kiện cản trở đó (ví dụ như có một Tỳ kheo đó phạm luật đang có mặt ở đó …). Mời đọc thêm chỗ nhà sư Ṭhānissaro 2007b: 270–71, để coi nói về loạt những điều-kiện mà do đó sự tụng giảng hay tụng đọc Pātimokkha bị hoãn hay hủy bỏ.] (2031)

2032 [Nguyên văn mệnh đề này là: Pārājikakathā vippakatā hoti. Mp giải

thích là: “Sự nói chuyện (thảo luận, đàm đạo) về sự việc ‘một người nào đó có phạm một tội pārājika hay không?’ đã được bắt đầu nói và chưa kết thúc (chưa kết luận, còn đang dang dở) (asukapuggalo pārājikaṃ āpanno nu kho no’ ti evaṃ kathā ārabhitvā aniṭṭhāpitā hoti).”

- Lưu ý rằng đoạn kinh này đã ủng hộ cách dịch của câu hỏi “mẫu” mà Phật hay dùng để hỏi các Tỳ kheo khi Phật đến chỗ họ đang ngồi đàm đạo với nhau, là câu—kā ca pana vo antarākathā vippakatā?—nghĩa là: “Cuộc đàm đạo của các thầy đang diễn ra là gì vậy?” Còn những câu hỏi khác Phật cũng hay dùng để hỏi lúc này là câu—“Cuộc đàm đạo của các thầy đã bị làm gián đoạn là gì vậy?” và câu—“Cuộc đàm đạo của các thầy đã bị kết thúc là gì vậy?”— là không hợp nghĩa trong ngữ cảnh này, và trong mọi trường hợp chúng đều bị làm mâu thuẫn bởi các luận giảng, những luận giảng cứ khăng khăng giải nghĩa chữ vippakatā là “không được đưa đến kết thúc, không được hoàn thành” (apariniṭṭhitā sikhaṃ appattā ở Sv I 49,27–28, Ps II 169,15–16; pariyantaṃ na gatā ở Ps III 226,1–4; apariyositā ở Ud-a 104,26–30).] (2032)

2033 [Chữ paṇḍaka (hoạn nhân) có nghĩa rộng hơn là ‘người bị thiến’; như

thường được hiểu. Sp V 1016,1–9 đã mô tả 05 loại paṇḍaka. Trong số đó, có 02 dạng chính là (i) người đã cắt thiến (opakkamikapaṇḍaka) và (ii) người không xác định được giới tính từ bẩm sinh (napuṃsakapaṇḍaka). Sự phân biệt tương tự có thể tìm thấy trong quyển Matthew 19:12 (Phiên bản tiếng Anh): “Bởi vì (a) có những người là hoạn nhân từ bẩm sinh, và (b) có những hoạn nhân là do bị cắt thiến bởi người khác, và (c) có những hoạn nhân do tự mình cắt thiến vì (muốn được sinh lên) cõi trời gì đó.” Dạng thứ nhất (a) tương ứng với những napuṃsaka (ii), dạng thứ hai (b) tương ứng với những opakkamika (i), và dạng thứ ba (c) có lẽ tương ứng với những người chọn cuộc sống độc-thân [hoặc tự thiến mình] vì những lý do đạo giáo nào đó.] (2033)

2034 [Những nghĩa cụ thể của chữ bhikkhunidūsaka (tạm dịch chung là: người

tán tỉnh một Tỳ kheo ni) thì đã không được nói rõ ra trong Kinh Tạng. Tuy nhiên, trong bộ Phụ Chú Giải về Luật Tạng (Vinayavinicchaya-ṭīkā I 121 [ấn bản VRI; Be §322]) có định nghĩa chữ này theo một cách áp dụng cho một Tỳ kheo đã có quan hệ tính dục với một Tỳ kheo ni, như vầy: “Người được cho là một bhikkhunidūsaka sau khi người đó

đã làm ô uế một Tỳ kheo ni có tư cách tốt bằng cách quan hệ tính dục với ni đó" (dūsako ti pakatattāya bhikkhuniyā methunaṃ paṭisevitvā tassā dūsitattā bhikkhuniṃ dūsetīti 'bhik- khunidūsako'ti vutto ca). Như vậy chữ này không nhất thiết chỉ hàm nghĩa 'hãm hiếp', và do vậy 'người tán tỉnh một Tỳ kheo ni' có lẽ là cách diễn dịch

'nghĩa chung' là phù hợp cho chữ này.] (2034)

2035 [Chữ gốc là: ubbāhikā. DOP định nghĩa là "sự tham vấn [về một tranh

cãi, vụ xử] cho một ủy ban các Tỳ kheo được bầu ra." Mp giải thích: "Sự phán quyết có nghĩa là chọn ra, chọn lấy (ý kiến?) từ Tăng Đoàn để giải quyết một vấn đề (tranh chấp, vụ xử) thuộc giới-luật đá khởi sinh" (sampatta- adhikaraṇaṃ vūpasametuṃ saṅghato ubbāhitvā uddharitvā gahaṇatthāya). Các thủ tục được mô tả chi tiết trong Luật Tạng Vin II 95,25–97,16.] (2035)

2036 [Mp nói đó là: 04 loại vấn đề thuộc về giới luật. 04 đó là: một sự tranh-

chấp, một sự buộc-tội, một tội-phạm, và những thủ-tục (vivādādhikaraṇa, anuvādādhikaraṇa, āpattādhikaraṇa, kiccādhikaraṇa). (Như vậy câu kinh này có nghĩa là người đó phải biết rõ vấn đề ở đây thuộc loại vấn đề nào trong 04 loại trên). Mời coi thêm lời kinh và chú thích ở kinh MN 104, mục 12–20.] (2036)

2037 [Mp định nghĩa "cách" ở đây chính là 07 cách phân xử những vấn đề

thuộc về giới luật (satta adhikaraṇasamathā).] (2037)

2038 [Ee nhập kinh này vào kinh kế trước, do vậy từ chỗ này sự đánh số kinh

của tôi sẽ vượt quá Ee là 2 số.] (2038)

2039 [Phiên bản Ee kết thúc bài kinh này ngay chấm này. Phần còn lại bên

dưới Ee tách ra thành một kinh riêng kế tiếp, và đánh số là kinh 38. Như vậy sự đánh số kinh của Ee đã tăng thêm được 1 số, do vậy giờ nó chỉ còn chênh lệch ít hơn số kinh của các phiên bản khác 1 số.] (2039)

2040 [Nguyên văn cả câu này là: Kappaṭṭhiyaṃ kibbisaṃ pasavati. Mp giải

nghĩa chữ kibbisaṃ là pāpaṃ và nói rằng câu hỏi này liên quan tới nguyên nhân bị đày trong địa ngục suốt một āyukappa (một kiếp sống). Cách giải thích về chữ kappa như vậy là không thấy có trong Kinh Tạng các Nikaya, và dường như đây chỉ là một sự sáng tạo của luận giảng mà thôi. Về chữ kappa (đại kiếp): mời quý vị coi lại chú thích chi tiết số 1786 trong kinh 8:70.] (2040)

2041 [Tương tự như ở kinh 40:39 kế trên: phiên bản Ee kết thúc bài kinh này

ngay chấm này. Phần còn lại bên dưới Ee tách ra thành một kinh riêng kế

tiếp, và đánh số là kinh 40. Như vậy từ lúc này cách số kinh của Ee bắt đầu trùng lại với cách đánh số kinh của những phiên bản khác.] (2041)

2042[Tôi đã thêm chữ "lẫn nhau" dựa trên sự giải nghĩa của Mp là: aññamaññassa saṅgahānuggaho.] (2042)

2043 [Trong dãy kinh 1:151-159 có chú thích số 66 về những tội này.] (Sẵn

đây người dịch dẫn ra để khỏi mất thời gian tra cứu trong Quyển "Một", như vầy:

[Mp chú giải: "Có 05 cấp tội được gọi là nhẹ (lahuka) và 02 cấp tội được gọi là nặng (gāruka). 02 cấp tội là thô (phạm tội với tâm ý suy đồi) và 05 cấp tội là không thô. 06 cấp tội là có thể tu sửa được (sám hối được) và 01 cấp tội là không thể tu sửa được (không phải chỉ cần sám hối là có thể bỏ qua). Những tội có sự khôi phục thì cũng giống những tội có thể tu sửa được; còn những tội không có sự khôi phục thì giống những tội không thể tu sửa được."

- 02 cấp tội nặng (trọng tội, tội 'chết chóc' (nghĩa đen)) là: (1) những tội pārājika (tội ba-la-di, ba-la-thị-ca; tội bất cộng trụ, triệt khai) là những tội bị trục xuất vĩnh viễn (triệt khai) khỏi Tăng Đoàn, và (2) những tội saṅghādisesa (tội tăng-tàn, tăng-tàng, tăng-già-bà-thi-sa) là những tội cần phải có những cuộc họp hay hội nghị Tăng Đoàn (địa phương) để giải quyết và có một lộ-trình để khôi phục.

- 05 cấp tội nhẹ là gồm (i) những tội thullaccaya (tội thô tục, thô suất), (ii) những tội pācittiya (tội chuộc lỗi được bằng cách nào đó, tội ưng đối trị), (iii) những tội pātidesanīya (cần được công nhận; tội ưng phát lộ), (iv) những tội dukkaṭa (hành vi xấu; tội ác tác), và (v) những tội dubbhāsita (lời nói xấu; tội ác ngữ). Những (05) cấp tội này có thể được bỏ qua sau khi người phạm tội đã thú nhận với một Tỳ kheo khác. Những tội nặng cũng được gọi là thuộc những tội thô (duṭṭhulla); những tội nhẹ là không thô (aduṭṭhulla). Những tội pārājika (ba-la-di) là thuộc những tội "không thể tu sửa (khắc phục) được" (anavasesa) và "không có sự khôi phục (phục hồi)" (appaṭikamma) bởi vì chúng không cho cơ hội để người phạm chuộc lỗi hay bù đắp. Còn 06 cấp tội "có thể tu sửa (khắc phục) được" (sāvasesa) và "có sự khôi phục (phục hồi)" (sappaṭikamma) là bởi vì chúng có thể được xóa bỏ bằng cách chuộc lỗi hay bù đắp hay sửa chữa theo cách nào đó.] (66).) (2043)

2044 [Kinh này kết hợp 02 đoạn '05-điều' để thành kinh '10-điều'.] (2044)

2045 [Chữ guyhavantā ghi trong Ce nên được sửa lại là guyhamantā, giống

như trong Be và Ee. Ở đây chữ guyhamantā hầu như chắc chắn có nghĩa là những mưu tính bí mật hay những điều cơ mật chứ không có nghĩa là những 'mật chú, bùa chú'.] (2045)

2046 [Trong đoạn này Mp giải nghĩa chữ pattheti là māretuṃ icchati (sự muốn

giết). Tôi không hiểu tại sao từ tiếng Pāli chữ này lại có thể có nghĩa là 'muốn giết', do vậy tôi nghĩ nên lấy nghĩa thông thường của chữ pattheti là "muốn, ước, cầu". Tôi nghĩ

ý của lời kinh ở đây là 'có người là cha của con trai của một cung phi muốn gặp mặt con trai mình' hoặc 'một hoàng tử là con của một cung phi biết cha mình không phải là nhà vua nên muốn gặp cha ruột của mình', và nhà vua nghi ngờ Tỳ kheo đó chính 'cha' đó, là 'người mong gặp' hay 'người được mong gặp' đó.] (2046)

2047 [Ce và Be ghi là hatthisammaddaṃ; Ee ghi là hatthisammadaṃ trong lời

kinh, nhưng đuôi chữ –sammaddaṃ và đuôi chữ –sambādhaṃ là những cách ghi thay thế tương đương nhau. Mp [của Be] đọc là hatthisambādhaṃ, và gút lại nghĩa là hatthīhi sambādhaṃ (có voi đông đúc). Mp [của Ce] cũng cho rằng cách đọc này là đúng, mặc dù lời kinh của nó có vẻ bị hư (không nguyên vẹn). Cả 02 phiên bản đó của Mp đều nhận chữ thay thế tương đương là hat- thisammaddaṃ.] (2047)

2048 [Tám chi phần hay tám chi giới là = tám giới-hạnh (bát quan trai giới)

trong dịp bố-tát mà những đệ tử tại gia tuân giữ; về chi tiết tám giới này, mời coi lại kinh 8:41.] (2048)

2049 [Ce và Ee chỉ ghi tới năm mươi kahāpaṇa, nhưng trong Be thì ghi thêm

tới một trăm kahāpaṇa. Đồng kahāpaṇa là đơn vị tiền tệ của thời Phật đang sống.] (2049)

2050 [Nghĩa chữ gốc là: một trăm lần một trăm năm (satampi vassasatāni).]

(2050)

2051 [Nghĩa chữ gốc là: một trăm lần một trăm ngàn năm (satampi vassasa-

tasahassāni).] (2051)

2052 [Bởi do sự 'đa nghĩa' của chữ kamma [vừa có nghĩa là "một việc làm, một

hành động, một nghiệp" vừa có nghĩa là "những hậu quả tiềm năng của hành động hay việc làm đó", cho nên câu hỏi và trả lời ở đây đang hàm nghĩa nói về những "nghiệp xấu, nghiệp ác". Tương tự như vậy, đoạn bên dưới là hàm nghĩa nói về những "nghiệp tốt, nghiệp thiện".] (2052)

2053 [Nguyên văn câu này: Vevaṇṇiy'amhi ajjhupagato. Có 04 giai cấp chính

ở Ấn Độ thời Phật được gọi là 04 vaṇṇa nghĩa gốc là "màu sắc", và vivaṇṇa có nghĩa là "không có giai cấp" (vô giai cấp, phi giai cấp). Chữ vevaṇṇiya là danh từ trừu tượng, nghĩa là "sự không có giai cấp", nghĩa ở đây chỉ những người xuất gia là đã từ bỏ những giai cấp trước đó của mình như bà-la-môn, chiến-sĩ, nông thương, bần lao/hạ tiện, và trở thành chỉ là những tu sĩ (sa- môn) đi tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật) [coi thêm kinh 8:19, đoạn (4)]. Vào thời sau đó các luận giảng dường như đã bỏ quên cái nghĩa gốc của chữ này, do vậy luận giảng Mp đã giải nghĩa chữ này là "đơn sơ" hay "không trang hoàng", và diễn giải rằng: "Vevaṇṇiya có 02 nghĩa: nghĩa về thân và nghĩa về những vật dụng thường dùng. Vevaṇṇiya về thân có nghĩa là cạo bỏ râu

tóc. Vevaṇṇiya về những vật dụng là mặc áo cà-sa màu vàng úa được may từ những mảnh vải hay giẻ rách (nhặt được); ăn thức-ăn trộn với nước trong bình bát bằng sắt hay đất nung; ngủ dưới gốc cây … và nằm trên thảm lót bằng rơm, rạ, hay cỏ … ; ngồi trên miếng da lót hay giẻ lót …; và dùng nước tiểu bò lên men … để làm thuốc thang. Khi một người quán chiếu như vậy thì sự sân hay sự tự-đại sẽ được dẹp bỏ.”] (2053)

2054 [Nguyên văn câu này: Parapaṭibaddhā me jīvikā. Những tu sĩ thì không

đi làm việc để có tiền có lương để có thể mua những thứ nhu yếu cần thiết cho mình mà họ phải nhận mọi thứ trợ giúp vật chất—y-phục, thức-ăn, chỗ- ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh—từ cộng đồng người tại gia. Người tu không sử dụng 04 loại đồ cúng dường này mà không biết suy xét về những chúng như vậy (tức khi người tu hưởng dụng những thứ được cúng dường thì phải biết suy xét quán chiếu về chúng như vậy).] (2054)

2055 [Nguyên văn câu này: Añño me ākappo karaṇīyo. (Nghĩa là, người xuất

gia thì những hành vi, phong cách, biểu hiện, đi đứng, bộ dạng, thái độ, tư cách … phải khác với những người tại gia). Mp diễn tả luôn là: “Những người tại gia đi ưỡn ngực, ngẩng đầu, tung tăng vui vẻ, bước nhanh bước

chậm, bước cao bước thấp. Nhưng tư cách của người tu thì phải khác. Người tu phải bước đi với các giác-quan bình lặng, với một cái tâm bình lặng, từng bước chậm và đều, giống như chiếc xe bò đi chậm rãi từng bước qua vũng nước hay nơi gồ ghề vậy.] (2055)

2056 [Ở đây và trong điều (5) kế tiếp thì ý của lời kinh sẽ được chuyển dịch rõ

ràng hơn nếu bỏ qua không cần dịch chữ na.] (2056)

2057 [Về những sự quán chiếu về những lẽ-thực như vầy, có thể coi thêm lại

kinh 5:57.] (2057)

2058 [Nguyên văn câu cuối này: Ponobhaviko bhavasaṅkhāro. Mp chú giải

nghĩa là: “Nghiệp tạo ra sự hiện-hữu, sự chủ động sản sinh sự tái hiện-hữu” (ponobbhaviko ti punabbhavanibbattako, bhavasaṅkhāro ti bhavasaṅkharaṇ-akammaṃ). Ở đây có thể hiểu, “tồn tại qua/nhờ thân” bởi vì thân là công cụ để lập thành và thể hiện sự cố-ý (tư, hữu hành).] (2058)

2059 [Thể thức bài kinh này giống như kinh 6:12, mặc dù phần nội dung có

khác nhau. 10 nguyên-tắc này là cũng giống với 10 phẩm-chất “như một người bảo hộ” được nói trong kinh 10:18.] (2059)

2060 [Chữ paripuṇṇaṃ trong Ce nên được sửa lại là parisuddhaṃ như trong

Be và Ee. Ce ghi đúng chữ parisuddhaṃ trong các đoạn song hành trong các bài kinh sau của NHÓM kinh này, như vậy rõ ràng chữ paripuṇṇaṃ trong kinh này chỉ là lỗi do

ghi chép mà thôi.] (2060)

2061 [Bản kinh tương đương trong Hán Tạng [MĀ 110 (T I 598c21–599b7)]

hơi khác với bản Pāli về danh sách những ô-nhiễm, và ngược lại với chúng, là những phẩm-chất thiện lành. Trong đó gồm có sự thiếu niềm-tin và niềm- tin, sự mờ-rối của tâm và sự chánh-niệm, và sự ngu-đần và trí-tuệ. Có (i) niềm-tin, (ii) sự chánh-niệm, và (iii) trí-tuệ—cùng với (iv) sự nỗ-lực và (v) sự định-tâm [trùng với danh sách trong bản Pāli]—tạo thành 05 căn tâm linh, được tính là 'không có mặt' hay 'có mặt'.] (2061)

2062 [Tôi dùng chữ "sa-sút" để dịch chữ parihāni và chữ "suy-đồi" để dịch

chữ hāni. Ở đây 02 chữ này hầu như là đồng nghĩa.] (2062)

Chú Thích • 285

2063 [Kế tiếp là những điều tự xem-xét lại chính mình, được dựa theo 'khuôn-

mẫu' của kinh 4:93.] (2063)

2064 [Tiếp tục bên dưới cho đến hết kinh là nội dung và lời kinh giống hệt nội

dung và khuôn mẫu của kinh 9:06, chỉ khác trong kinh này thì điều 'giao lưu với người' được đặt sau cùng và chỉ nói tóm gọn ý chính chứ không phân tích chi tiết như trong kinh 9:06.] (2064)

2065 [Đầu kinh 6:51 có một đoạn giống với đoạn này ở thể 'khẳng định'.

Trong kinh này, Be và Ee điều thứ hai (b) ghi là sammosaṃ gacchanti, nghĩa gốc là "đi đến sự quên", có vẻ đúng hơn so với chữ ghi trong Ce là sammo- haṃ gacchanti nghĩa là "đi đến sự ngu mờ". Trong kinh 6:51 thì tất cả 03 phiên bản đều ghi là na sammosaṃ gacchanti, cách ghi này cũng được ủng hộ bởi Mp vì Mp đã giải nghĩa là = vināsaṃ na gacchanti (chúng đã bị mất). Ở đây và bên dưới, Ce và Ee ghi là pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā, Be thì ghi ở thể "phủ định" là pubbe cetaso asamphuṭṭhapubbā (với (những giáo lý) người đó đã quen thuộc trước đó). Chỗ này có lẽ sai do lỗi ghi chép; trong kinh 6:51 thì Be ghi đúng với Ce và Ee là pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā.] (2065)

2066 [Đây là một kinh được mở rộng từ các kinh song hành là 5:61, 7:48, và

9:16.] (2066)

2067 [Đây là 05 đề-mục cuối trong số 10 đề-mục thiền quán về sự ô-uế (của

thân) được nói chi tiết trong Vism, chương 6.] (2067)

2068 [Đây là một kinh song hành, dựa theo kinh 8:83 (và thêm điều 9 và10).

Nó cũng có sự tương ứng nhiều với kinh 9:14, trong đó đưa ra 09 trong số những câu hỏi, nhưng chủ đề khởi sự là "những ý-định và ý-nghĩ" (saṅkap- pavitakkā) thay vì "tất cả mọi thứ" (sabbe dhammā, mọi pháp)".] (2068)

2069 [Nguyên văn 02 điều cuối là: amatogadhā sabbe dhammā và nibbāna-

pariyosānā sabbe dhammā, chúng dường như là đồng nghĩa. Nhân tiện, bản kinh tương đương trong Hán Tạng, MĀ 113 (ở T I 602c1–16) thì đưa ra những điều sau: "Mọi thứ đều bắt rễ từ tham-muốn; tất cả đến với nhau trong tiếp-xúc; tất cả hội tụ vào cảm-giác; tất cả phát rinh từ sự chú-tâm (tác ý); tất cả bị dừng lại bởi sự chánh-niệm [coi Sn 1035]; tất cả được dẫn đầu bởi sự

định-tâm; trí-tuệ là trên tất cả; sự giải-thoát là sự thật [hay cốt lõi] của tất cả; tất cả đều có Niết-bàn là chung-cuộc của nó." Thật thú vị là, kinh MĀ 113 còn tiếp tục (ở T I 602c17–28) bằng một đoạn mà trong AN tương ứng với bài kinh kế tiếp là 10:59, mặc dù (ý kinh đó) thay vì bảo đảm người tu thực hành theo cách như vậy sẽ đạt được một trong 02 thánh quả, thì nó lại ghi là người tu nhất định sẽ chứng quả A-la-hán.] (2069)

- (Nhân tiện, ở cuối điều (8) trong kinh song hành 8:83 có ghi một chú thích dài của nhà sư Brahmāli. Mời coi lại chú thích số 1801 ở đó.)

2070 [Nguyên văn cả câu này: Na c'uppannā pāpakā akusalā dhammā cittaṃ

pariyādāya ṭhassanti. Như cách diễn đạt, lời kinh dường như muốn nói những phẩm chất bất thiện đó có khởi sinh nhưng không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của các Tỳ kheo đó. Tuy nhiên, cũng có thể ý lời kinh là những phẩm chất bất thiện đó không khởi sinh và không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của những người đó.] (2070)

2071 [Nguyên văn cụm chữ này: lokassa samañca visamañca. Mp giải nghĩa

02 nghĩa đó chính là: "hành vi tốt (thiện hạnh) và hành vi xấu (ác hạnh) trong thế giới chúng sinh" (sattalokassa sucaritaduccaritāni).] (2071)

2072 [Nguyên văn cụm chữ này: lokassa bhavañca vibhavañca. Mp giải nghĩa

đó là "sự tăng trưởng và sự hoại diệt của nó, cũng có nghĩa là sự thành công và sự thất bại."] (2072)

2073 [Những nhận-thức (8), (9), (10) sẽ được giảng giải trong kinh 10:60 kế

dưới.] (2073)

2074 [Ngoài một bài kinh này ra, trong các kinh bộ Nikāya không thấy có kinh

nào khác hay thông tin khác về Tỳ kheo Girimānanda này. Những nước theo Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) coi kinh này là một kinh phòng-hộ hay hộ-niệm (paritta), các Tỳ kheo thường tụng đọc cho những người đang bị đau đớn vì bệnh. – (Nhân tiện, có một bài giảng về kinh này bởi nhà sư Bhante Gunarantana tên là "Thiền Về Sự Nhận-Thức" đã được dịch bởi cùng người dịch Việt).] (2074)

2075 [Riêng trong phiên bản Be ghi chỗ này là bệnh môi (oṭṭharogo), nằm giữa

bệnh miệng (dantarogo) và bệnh ho (kāso).] (2076)

2076 [Sự nhận-thức này [và sự nhận-thức kế dưới] đều là những sự quán chiếu

về Niết-bàn. Trong khuôn-mẫu kinh điển của 40 chủ-đề thiền, thì 02 nhận- thức này có thể nằm thuộc phần "quán tưởng về sự bình-an" (upasamānus- sati), như đã được giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, Vism 293–294, Ppn 8:245–251.] (2076)

2077 [Chỗ này Ce và Ee ghi là: pajahanto viramati anupādiyanto, Be ghi: pa-

jahanto viharati anupādiyanto. Mp không làm rõ hay chú giải gì chỗ này.] (2077)

2078 [Đoạn kinh (9) lời kinh diễn tả như vậy thì thật khó nhìn ra được lý do gì

nó liên quan tới tính vô-thường. Một số bản gốc chép ghi sự nhận-thức này là sabbasaṅkhāresu anicchāsaññā: nhận-thức về sự không ước-muốn (vô nguyện) [hay sự không tham-muốn)] đối với tất cả mọi hiện-tượng có điều- kiện. Chủ đề "về sự không ước-muốn … " này thì có vẻ phù hợp hơn với định nghĩa của lời kinh đang diễn tả (chứ không phải là về tính vô-thường trong …).] (2078)

2079 [Sự tạo-tác của tâm (citta-saṅkhāra) ở đây chính là nhận-thức và cảm-

giác, bởi nhận-thức và cảm-giác được cho là dính kết với tâm và xảy ra tùy thuộc theo tâm [coi thêm kinh MN 44, mục 15].] (2079)

2080 [Đó là, sự giải thoát tâm khỏi những chướng-ngại để đạt tới sự thanh lọc

của sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).] (2080)

2081 [Tôi đọc cả câu này như vầy: "Purimā bhikkhave koṭi na paññāyati avijjāya, ito pubbe avijjā nāhosi atha pacchā samabhavī" ti: evametaṃ bhik- khave vuccati. Sự đánh dấu câu trong cả 03 phiên bản tạo ấn tượng cho chúng ta rằng chỉ có phần trong câu tiếng Pāli tạo nên câu trích dẫn trực tiếp là từ chữ ito pubbe tới chữ sambhavi. Tôi nghĩ đúng hơn là cụm chữ evametaṃ bhikkhave vuccati cũng được tính vào cả câu cho tròn vẹn một câu tuyên bố, tức từ chữ purimā tới chữ sambhavi luôn chứ không chỉ một phần của nó, và do vậy tôi đã dịch như vầy.] (2081)

2082 [Mp giải nghĩa "có một dưỡng-chất" (sāhāraṃ) nghĩa là "có một điều-

kiện (duyên)" (sapaccayaṃ)] (2082)

2083 [Mặc dù phần đầu (phần tiêu cực) của kinh chỉ có 09 thứ được nói ra,

nhưng nó vẫn được kết tập như kinh '10-điều' bởi trong phần thứ hai (phần tích cực) thì có 10 thứ. Kinh 10:62 tiếp theo dùng y hệt 'khuôn-mẫu' này nhưng phần đầu của nó đã được thêm vào 'dục-vọng muốn hiện-hữu' (hữu ái) cho đủ '10-điều'.] (2083)

2084 [Ở đây có một sự chơi chữ. "Sau khi đã đạt tới sự chắc-chắn về ta" (mayi

niṭṭhaṃ gatā) là một thành ngữ có nghĩa một người đã thành tựu niềm-tin chắc chắn (chánh tín bất lay chuyển) về Phật, đây là dấu-hiệu của một bậc Nhập-lưu. Nhưng chữ niṭṭhā cũng có nghĩa là 'mục-tiêu', đó là, thánh quả A- la-hán. Như vậy sự 'đạt tới sự

chắc-chắn về Phật' là đánh dấu sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu [hoặc cao hơn], trong khi sự 'đạt được mục-tiêu' là đánh dấu sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Dưới ánh sáng của sự phân biệt này, Mp đã giải nghĩa câu 'đạt được mục-tiêu trong thế gian này' (idha niṭṭhā) là "đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này" (imasmiṃyeva loke parinibbānaṃ). 'Thế gian này' (idha, nghĩa gốc là "ở đây, tại đây") rõ ràng có nghĩa chỉ chung cõi dục-giới, vì bậc Nhập-lưu và Nhất-lai có thể 'đạt được mục-tiêu' trong một cõi trời (thuộc dục giới), không nhất thiết phải từ cõi người. Mp nói 'sau khi rời bỏ thế gian này' (idha vihāya) có nghĩa là "khi đang ở trong những cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) thuộc cảnh trời brahmā (phạm thiên giới) (suddhāvāsabrahmalokaṃ).] (2084)

2085 [Nguyên văn 03 dạng người này là: ekabījī, kolaṃkola, và sattakkhat-

tuparama [như cũng được nói trong kinh 3:88, đoạn 3-]. Đây là 03 hạng của những bậc thánh Nhập-lưu được xếp theo nghĩa kỹ thuật. Họ được phân biệt tùy theo sự sắc-bén của những căn tâm linh của họ. Sự phân biệt giữa họ cũng được nói tới trong kinh 3:89.] (2085)

2086 [(05 hạng này cũng được nói trong kinh 3:88, đoạn 2-). Để coi sự phân

biệt giữ 05 hạng của những bậc Bất-lai, mời coi lại kinh 7:55. Và 05 hạng này cũng được đề cập dựa trên mức độ của 03 phần tu tập (giới, định, tuệ) trong kinh 3:87 và kinh 3:88.] (2086)

2087 [Ở đây lời kinh dùng chữ sotāpanna (Nhập-lưu, Tu-đà-hoàn) theo một

nghĩa lỏng lẻo, không nghiệm ngặt lắm. Mp nói chữ đó có nghĩa chỉ chung

những người đã nhập vào "dòng" thánh đạo (ariyamaggasotaṃ āpannā). Như vậy chữ đó cũng áp dụng cho những đệ tử ở tất cả 04 bậc giác-ngộ (vì 03 bậc trên là Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán cũng từ bậc Nhập-lưu đi lên, và dĩ nhiên họ cũng đã có niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật. Người dịch thêm vào chữ (đã) để bao gồm cả 02 nghĩa: bậc thánh Nhập-lưu và bậc đã nhập-lưu vào dòng thánh đạo).] (2087)

2088 [Ee đã bỏ đoạn dẫn nhập này, mặc dù nó thừa biết nó có ghi trong những

bản chép tay mà từ đó Ee đã đọc ra. Cả Ce và Be đều có ghi đoạn này.

- Kế tiếp chỗ này: tự dưng cụm chữ tên kinh "mười chủ-đề để thảo-luận" đột ngột chuyển thành "mười cơ-sở để khen-ngợi", lý do của sự 'chuyển đề tài' này thật sự không rõ ràng; trừ khi chúng ta giả định rằng, như trong kinh kế trên, Phật đã đến chỗ các Tỳ kheo đó và đã 'quở trách' họ vì đã tham gia nói những chuyện vô bổ vô ích, và do vậy giờ Phật mới Phật mới ra những chủ- đề đối ngược mà Phật gọi là "mười cơ-sở đề khen-ngợi", như dưới đây.] (2088)

2089 [Kinh này như một phiên bản nén gọn của kinh MN 6. Kinh MN 6 thì

gồm có những phần nói về 03 bậc giác-ngộ đầu và 05 trí-biết trực tiếp thuộc thế tục (tục trí) nhưng không có những điều (5) và (6) trong kinh này.] (2089)

2090[Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh 5:63 và 5:64.] (2090)

2091 [Đây là một kinh song-hành một phần (không hoàn toàn) đối với kinh

6:44, khuôn mẫu bố cục của kinh là giống hệt, chỉ khác phần nội dung ở sau về 10 loại người trong kinh này và 06 loại người trong kinh 6:44. (Những chỗ đánh dấu [a], [b], [c], [d], [e], [f], [g] có các chú thích tương ứng số 1329, 1330, 2331, 1332, 1335, 1336, 1340 trong kinh 6:44.).] (2091)

2092 [Ở đây Ce ghi là pettā pi yo; Be ghi pitāmaho, Ee ghi pettā piyo. PED

giải thích chữ pitāmahā (dưới pitar) là "ông nội" dường như là không đúng ở đây. PED, dưới chữ pettāpiya (tiếng Phạn pitṛvya) thì cho nghĩa là "em của cha, là chú", nghĩa này ủng hộ Ce và Ee nếu những khoảng cách được bỏ đi. Coi thêm chú thích ở kinh 6:44 như kế trên.] (2092)

2093 [Tôi nghĩ Ce đã ghi nhầm tiếp vĩ ngữ –ñāṇo ở đây thay vì đúng là –ñāṇe,

chữ này cũng được ghi trong chỗ lặp lại lời tuyên thuyết cho đến cuối kinh. Trong kinh 6:44 thì Ce đã ghi đúng là –ñāṇe ở cả hai chỗ.] (2093)

2094 [Nguyên văn câu này: Dussīlyaṃ aparisesaṃ nirujjhati. Mp chú giải

nghĩa là: "Ở đây, 05 loại sự thất-đức được trừ bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu; 10 [đường nghiệp bất thiện] được trừ bỏ bởi thánh đạo A-la-hán. Chúng được nói là đã được trừ bỏ ngay khoảng-khắc (sát-na) của thánh quả. Với chữ niru- jjhati lời kinh đề cập đến khoảng-khắc của thánh quả. Một phàm nhân (phàm tăng) phá vỡ giới-hạnh theo 05 cách: (i) bằng cách phạm tội nặng nhất (pārājika, ba-la-di), (ii) bằng cách bỏ tu, (iii) bằng cách chuyển qua đạo giáo khác, (iv) bằng cách chứng A-la-hán, và (v) bằng cách chết. 03 cách đầu là sự sa-sút trong sự tu tập, cách thứ 4 là sự tu tiến của nó, và cách thứ 5 thì không sa sút hay tu tiến gì cả. Nhưng theo cách nào là giới-hạnh bị phá bỏ bởi sự đạt tới thánh quả A-la-hán? Bởi vì một phàm nhân có thể có giới-hạnh 'cực kỳ thiện lành', nhưng thánh đạo A-la-hán là dẫn tới sự tiêu diệt mọi nghiệp thiện và nghiệp ác, cho nên nó bị phá bỏ theo cách như vậy." Nên chỉ ra rằng, cách chú giải như vầy là theo quan-điểm của Vi Diệu Pháp (Abhi- dhamma), theo đó những hành-động của một A-la-hán, vốn chỉ là những sinh hoạt (kiriya) không mang nghiệp quả, thì không được xếp là thiện hay bất thiện. Tuy nhiên, theo ngôn ngữ của các kinh thì chúng được mô tả là 'cực kỳ thiện lành' hay 'cực thiện'.] (2094)

2095 [Tôi dịch dựa theo Ce và Be chỗ này ghi là tayo me. Ee thì nhất quyết chỉ

ghi tayo, không có me.] (2095)

2096 [Tôi đọc theo Ce và Ee là micchādiṭṭhikā, khác với Be là pāpamittā (có

bạn tốt).] (2096)

2097[Đây là kinh song hành của kinh 9:29.] (2097)

2098 [Nguyên văn câu cuối: Aṭṭhāne ca kuppati. Mp giải thích: “Những sự tức

giận kia đều có lý do, ví dụ như khi người ta làm hại mình … Nhưng đây cũng không phải trường hợp do mình tự làm hại mình, ví dụ như do tự đi mình vấp phải gốc cây bị té hay do chuyện gì khác … Vì vậy trong trường hợp này mới nói là tức giận không vì lý do gì (aṭṭhāne āghāto).] (2089)

2099[Đây là kinh song hành được mở rộng từ kinh 9:30, chỉ thêm điều thứ

mười. (Mời coi lại chú thích 1899 trong kinh 9:30).] (2099)

2100 [Ví dụ hoa sen giống trong kinh 4:36.] (2100)

2101[Đây là một kinh song hành của kinh 8:82. (Mời coi các chú thích 1798

và 1799 trong kinh đó).] (2101)

2102 [Tôi đọc chỗ này theo cách ghi của Be là: Sati kho pana ayamāyasmā ut-

tari karaṇīye, khác với Ce và Ee ghi là: Muṭṭhassati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye (Vị này, là người có tâm mờ-rối, khi còn có điều gì cần phải làm thêm nữa …) Trong Be chữ sati là một hiện tại phân từ được dùng trong một cấu trúc sở cách tuyệt đối; nó hoàn toàn không liên quan gì với danh từ sati có nghĩa là sự chánh-niệm. Có khả năng là cách ghi chữ muṭṭhassati đã khởi sinh thông qua sự ảnh hưởng bởi cách ghi ở điều (7) của kinh 10:85 kế dưới (Vị này có tâm mờ-rối).] (2102)

2103 [Ce còn ghi thêm một lần nói gạt nữa. Nhưng tôi làm theo Be và Ee, bỏ

bớt lần lặp lại nữa. (A và B là do người dịch đặt để dễ thấy người gạt và người bị gạt).] (2103)

2104 [Điều (10) này cũng như điều (10) của kinh 10:84, tôi chọn cách ghi của

Be, như đã nói trong chú thích 2102 ở đó).] (2104)

2105 [Đây là tên được ghi trong Ce. Ee ghi là kālakaṃ, nó cũng được coi là

một danh từ riêng. Nhưng Be thì ghi là kālakataṃ, có nghĩa là “người đã chết”.] (2105)

2106 [Nguyên văn cả câu là: Ayampi dhammo na piyatāya na garutāya na

bhāvanāya na sāmaññāya na ekībhāvāya saṃvattati. Mp giải nghĩa chữ na sāmaññāya là = na samaṇadhammabhāvāya (cũng không tới trạng thái [hay bổn phận] của một sa-môn). Như vậy rõ ràng Mp đã coi chữ sāmañña là xuất thân từ chữ samaṇa. Tuy nhiên, chữ sāmaññā cũng là một danh từ trừu tượng từ chữ samāna (có nghĩa là: thứ giống hệt, giống nhau) và tôi tin đây là nghĩa lời kinh ở đây! Tôi dịch nó là sự “đồng thuận” cũng rất phù hợp với chữ kế sau nó là ekībhāvāya (đoàn kết). Mời quý vị coi thêm lại chú thích 1623 ở cuối đoạn (1), phần (II), kinh 8:02. Trong đó Mp không giải nghĩa chữ bhāvanāya, mà khi luận giải về kinh 8:02 nó đưa ra 02 nghĩa thay thế nhau là

"sự tu tập (thiền tập)" và "sự kính trọng đối với những đức-hạnh". Trong kinh này lấy nghĩa sau thì có vẻ phù hợp hơn. Bản kinh tương đương trong Hán tạng, MĀ 94 [ở T I 576a23–25], có giải nghĩa chữ bhāvanāya là (cũng không dẫn tới sự thiền tập); và giải nghĩa chữ sāmaññā là (cũng không dẫn tới đạt được trạng thái sa-môn). Cho dù có sự tương đồng giữa luận giảng Mp và bản Hán tạng MĀ 94, tôi vẫn nghĩ rằng có thể những chữ đó đã bị hiểu sai ngay từ thời Phật giáo tiền thân, và tôi vẫn ưu tiên cách diễn dịch của mình.] (2106)

2107 [Kinh này có một phần lặp lại kinh 5:211, nhưng vì câu cú hành văn có

sự khác nhau quá rõ nên khó có thể gọi là một kinh song hành được mở rộng từ kinh 5:211. - (Đúng hơn kinh này là kinh song hành của kinh 11:06).] (2107)

2108 [Theo Ce, Be, và Mp [của Ce và Be] tôi đọc chỗ này là saddhammassa

na vodāyanti. Ee ghi động từ số ít là vodāyati, nhưng những chú thích trong Ee cũng đề cập trong bản viết tay là vodāyanti. Chữ saddhammassa nên được ghi đúng lại là saddhammā assa. Mp chú giải rằng: "Những phẩm chất tốt của giáo lý, gồm có trong ba phần tu tập (giới, định, tuệ), không được làm sáng bóng vì người đó" (sikkhāttayasaṅkhātā sāsanasaddhammā assa vodānaṃ na gacchanti). (Có lẽ theo nghĩa là: nếu người tu là thiện tu và tu tiến thì những phẩm chất của giáo lý càng được làm sáng ngời; còn những người tu là tà tu và sa sút thì những phẩm chất của giáo lý sẽ bị làm lu mờ).] (2108)

2109 [Có các phiên bản khác của kinh này cũng có ở các kinh SN 6:09–10

(Quyển 1) và Sn 3:10.] (2109)

2110 [Nguyên văn câu này là: Mā h'evaṃ Kokālika, mā h'evaṃ Kokālika.

Trong tập kinh Sn [trang 124] cũng ghi giống vầy, nhưng trong kinh SN 6:09 thì ghi là: mā h'evaṃ Kokālika avaca, mā h'evaṃ Kokālika avaca.] (2110)

2111 [Trái belli chưa chín thì khoảng bằng cỡ trái đào, trái chín rồi thì bằng cỡ

trái lựu.] (2111)

2112 [Bài kinh đã đề cập tới vị trời Tudu [độc lập] như một vị Phật Độc Giác

hay Duyên Giác (paccekabrahmā). Các luận giảng Mp và Mp-ṭ đều không

Chú Thích • 293

định nghĩa chữ này, nhưng luận giảng Spk-pṭ I 213 [ấn bản VRI] khi luận giải về câu chuyện trong kinh SN 6:09 đã giải thích đó là một vị trời đi lại một mình (độc hành), không phải thành viên của hội chúng nào (pacceka- brahmā ti ca ekacārī brahmā, na parisacārī brahmāti attho). Mp nói rằng trong kiếp trước vị trời này chính là thầy hướng dẫn (giáo thọ hay y chỉ sư) của Tỳ kheo Kokālika. Vị ấy qua đời là một bậc Bất-lai và được tái sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới). Khi vị trời nghe thầy

Kokālika đang nói xấu về thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vị ấy đã hiện xuống để yêu cầu thầy Kokālika hãy đặt niềm-tin vào 02 vị thánh tăng đó.] (2112)

2113 [Vì Phật đã tuyên bố vị trời Tudu là một bậc Bất-lai, nên thầy Kokālika

đã trách vị trời tại sao quay lại thế gian cõi người. Dĩ nhiên, khi đã là một bậc thánh Bất-lai thì không còn bị tái sinh trở lại thế gian này nữa, nhưng một vị thánh Bất-lai vẫn có thể hiện thị ở cõi người trước mặt con người (giống như những vị thiên thần ở cõi những thiên thần cũng xuất hiện ở cõi người và gặp người).] (2113)

2114 [03 đoạn thi kệ cuối giống hệt phần thi kệ cuối kinh 4:03.] (2114)

2115 (Chỗ [a] này kinh 4:03 có chú thích 625 như vầy: [Mp giải thích: những

sự xui rủi làm mất hết tiền của và cả bản thân … cũng chỉ là nhỏ nhặt nếu so với sự xui rủi và sự bất hạnh của người đi thù-ghét những bậc thánh. Mp giải nghĩa chữ sugatesu (bậc thánh hiền) bằng chữ = sammaggatesu puggalesu (người đã chứng ngộ một cách chân chính; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật.] (625).)

- [Chỗ [b] này kinh 4:03 có chú thích 626 như vầy: [Nguyên văn câu cuối này: Sataṃ sahassānaṃ nirabbudānaṃ/chattiṃsatī pañca ca abbudāni. Tôi dịch theo Mp, Mp nói về những con số đó là bằng: “100 ngàn nirabbuda, cộng thêm 36 ngàn nirabbud, cộng thêm 5 abbuda” (sataṃ sahassānan ti ni- rabbudagaṇanāya satasahassaṃ; chattiṃsatī ti aparāni ca chattiṃsati ni- rabbudāni; pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni). Tuy nhiên, nhà sư Vanarata thì chắc chắn chữ pañca không thể trực tiếp bổ nghĩa cho chữ abbudānaṃ, và do vậy đã nối tiếp chữ sahassānaṃ với chattiṃsatī và pañca luôn, làm nên nghĩa là: thêm 36 ngàn nirabbuda và 5 ngàn abbuda. Mp, khi chú giải về kinh AN 10:89, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 1

koṭi = 10 triệu; 1 koṭi lần koṭi = 1 pakoṭi; một koṭi lần pakoṭi = 1 koṭipakoṭi; 1 koṭi lần koṭipakoṭi = 1 nahuta; 1 koṭi lần nahuta = 1 ninnahuta; 1 koṭi lần ninnahuta = abbuda; 20 abbuda = 1 nirabbuda.] (626).

- (Chỉ để hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của nhà sư Sujato, 436.000 nirabbuda: khoảng = hơn 02 triệu năm, và năm abbuda = hơn 25.000 năm nữa).] (2115)

2116 [Mp nói rằng địa ngục sen-đỏ (paduma) không phải là một cõi ngục tách

riêng khỏi địa ngục mà là một nơi nằm trong đại địa ngục A-tỳ (avīci) trong đó thời-hạn bị đày đọa được tính theo những đơn vị là những (cánh?) sen-đỏ (paduma). Cách tương tự với những địa ngục abbuda … vân vân, được nói tới bên dưới.] (2116)

2117 [Ce nên sửa lại bằng cách mang chữ dīghaṃ xuống một dòng. Như vậy

đoạn kinh bắt đầu bằng chữ evaṃ vutte và câu hỏi bắt đầu bằng kīva dīghaṃ nu kho bhante. Lỗi chỗ này thấy có trong cả bản in và bản điện tử của Ce.] (2117)

2118 [Đây là một kinh song hành của kinh 8:28, (chỉ thêm 02 phần là tứ chánh

cần và ngũ lực).] (2118)

2119 [Phiên bản Ee đặt tên nhóm này là Upāsakavagga (Nhóm Những Đệ Tử

Tại Gia).] (2119)

2120 [Kinh này toàn bộ phần [I.] và phần [II.] là kinh song hành tương tự với

phần (II) và (III) của kinh SN 42:12 (Quyển 4), [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự 'căn cứ để khen' và 'căn cứ để chê', nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh AN này giống thứ tự trong kinh SN đó cho người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh).] (2120)

2121 [10 loại người dưới đây được tính theo dựa trên 03 trường hợp là: (i) (x)

tìm kiếm của cải theo cách bất chính, (y) theo cả cách bất chính và chân chính, hay (z) theo cách chân chính; và trên mỗi trường hợp đó sẽ kết hợp với: (ii) có làm cho mình hạnh phúc và vui lòng hay không, và (iii) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức hay không. Tích hợp tất cả sẽ có 09 loại người. Rồi loại người thứ 9 lại được suy xét thành 02 loại là loại (9): còn bị

trói buộc với của-cải và loại (10): không bị trói buộc bởi của-cải.] (2121)

(Nhân tiện: trong phần [II. Đánh Giá] đến cuối kinh: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi giãn lược để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần nguyên văn những 'căn cứ', nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

2122 [Kinh này chính là một kinh song hành được mở rộng của kinh 9:27, tức

gồm phần (I) và (II) giống hệt kinh 9:27, và cộng thêm phần (III) chính là phần (III) của kinh SN 12:41 (Quyển 2). Nghĩa là, kinh SN 12:41 là bản song hành đầy đủ của kinh này. (Chỗ [a] và [b] mời coi lại các chú thích 1897, 1898 trong kinh 9:29; [c] và [d] thì coi các chú thích 120 và 121 trong kinh SN 12:41] (2122)

2123 [Mp giải nghĩa: 'Phương pháp thánh thiện' (ariya ñāya) chính là (thánh)

đạo cùng với sự minh-sát (tuệ quán). (Chỗ [e] này mời coi thêm chú thích 122 trong kinh song hành SN 12:41).] (2123)

2124 [Kinh này được kết tập vào Quyển "Mười" này có lẽ là do 10 'sự-thấy

(quan điểm, cách nhìn) do suy đoán' này.] (2124)

2125 [Nguyên văn cả câu này: Evaṃ kho te, gahapati, moghapurisā kālena

kālaṃ sahadhammena suniggahitaṃ niggahetabbā. Mp giải nghĩa cụm chữ sahadhammena là "có một nguyên do, có một lý do, có một điều (khẳng định)" (sahetukena kāraṇena vacanena).] (2125)

2126 [Nguyên văn cả câu này: Vibhajjavādī bhagavā, na so bhagavā ettha

ekaṃsavādī. Cách diễn đạt dùng chữ vibhajjavādī, được dùng để tả Phật, đôi lúc bị hiểu là Phật luôn phân tách những thành phần của mọi vấn đề. Nhưng cách dùng chữ này ở đây [cũng như những chỗ khác trong các bộ kinh Nikāya] cho thấy nó có nghĩa là Phật thường chỉ ra sự khác-biệt cần có để tránh cái sự 'quơ đũa cả nắm'. Coi thêm cách mà chữ này đã được dùng trong kinh MN 99, mục 4,10–18.] (2126)

2127 [Giống như kinh 10:93, kinh này có lẽ cũng được kết tạp trong Quyển

"Mười" vì 10 quan-điểm do suy đoán này.] (2127)

296 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

2128 [Mp diễn dịch với nghĩa như vầy: "Câu hỏi leo thang cao nhất trong tất

cả", ở đây ý thầy Ananda muốn nói là: 'Đừng để ông ta có quan-điểm xấu là: "Khi tôi đặt sa-môn Cồ-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời. Đây có phải là trường hợp ông ta không thể theo tới điểm này và không thể trả lời?'] (2128)

2129 [Mp chú giải: "Cùng loại câu hỏi' nghĩa là: Thầy ấy đã chỉ ra rằng du sĩ

Uttiya lại hỏi câu hỏi cùng loại không hợp lệ (viển vong, do suy đoán) giống như 10 câu hỏi ông đã hỏi ở trên về 'thế giới là bất diệt' … hay không. Ông ta mới hỏi từ một góc độ khác về toàn thể thế giới, đứng trên sự tin vào (có) một chúng sinh hữu tình (?) (sattūpaladdhiyaṃyeva ṭhatvā aññenākārena pucchati)."] (2129)

2130 [Trong phiên bản Be và Ee thì ghi là Kokanuda.] (2130)

2131 [Trong kinh 4:38 và kinh 6:54 tôi dịch chữ diṭṭhiṭṭhāna là "quan-điểm"

nhưng ở đây tôi dịch là "cơ-sở cho cách-nhìn" hay "cơ-sở cho quan-điểm". Tôi làm theo luận giảng Mp, giải nghĩa chữ trước đó là những quan-điểm, còn đây là = "những nguyên-nhân cho (của, tạo nên) quan-điểm" (diṭṭhikāraṇa). Mp đề cập 08 nguyên-nhân như vậy, gồm: các uẩn, sự vô- minh, sự tiếp-xúc, nhận-thức, ý-nghĩ, sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác-ý), sự có bạn-xấu, và sự nghe theo lời người khác nói (khandhā, avijjā, phasso, saññā, vitakko, ayoniso manasikāro, pāpamittā, paraghoso).] (2131)

2132 [Ở đây tôi làm theo Be: cách nó ghi đoạn kinh mẫu này là khớp với thứ

tự được thấy ghi trong các kinh khác thuộc bộ kinh AN. Ce và Ee thì đảo thứ tự các chữ thành "bao la", "đạt định", và "được giải thoát" theo thứ tự từ 'thấp lên cao'. Những cách ghi của Ce và Ee trong tất cả những kinh trước đây của bộ kinh AN đều ghi giống thứ tự này của Be, và do vậy không có lý do gì đến kinh này lại đảo lộn trật tự của các chữ theo thứ tự lộn xộn khác đi như vậy.] (2132)

– (Nhân tiện, kinh này thực sự là một kinh song hành của kinh khuôn-mẫu 6:02; chỉ thêm 04 điều đầu tiên. Tức là kinh này, ngoài điều (1)-(4), các điều còn lại (5), (6), (7), (8), (9), (10) là giống hệt tất cả các điều (1), (2), (3), (4), (5), (6) của kinh 6:02.)

Chú Thích • 297

2133 [Mp giải thích nghĩa là: "Người đó sẽ chìm (saṃsīdissati) vì những ý

nghĩ tham-dục hoặc trôi đi (uplavissati) vì những ý nghĩ ác-ý và gây-hại. (Nôm na, tham và sân sẽ nhấn chìm và cuốn trôi tâm của một người tu chưa đạt định nếu người đó lánh tu một mình trong rừng núi).] (2133)

2134 [Kế tiếp dưới đây từ hầu như giống lời nội dung của kinh 4:198, từ (*)

phần (4), cho tới hết đoạn "người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …" (**), theo 'trình-tự tiêu chuẩn' của sự bắt-đầu và tu-tập tiến dần từ một người tại gia thành Tỳ kheo và sau đó … Nhân tiện, ở điều (.3) bên dưới mời coi lại chú thích số 931 trong kinh 4:198.] (2134)

2135 [Nguyên văn câu cuối là: No ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti.

Công thức tiêu chuẩn đối với một bậc A-la-hán, như ở kinh 3:37 và 6:49, mô tả A-la-hán là người "đã đạt tới mục-tiêu của mình" (anuppattasadattho). Do vậy luận giảng Mp II 235,14–15, và Mp III 380,17–18, khi chú giải về công thức chuẩn này, đã coi chữ sadattha (đạt tới mục-tiêu) là thánh quả A-la-hán. (Vậy ý kinh ở đây muốn nói là: những đệ tử đó chưa đạt tới A-la-hán).] (2135)

2136 [Chỗ này tôi đọc theo Be là: anuppattasadatthā ca viharanti— có lẽ cần

thiết phải đúng như vậy. Ce và Ee trong những đoạn đầu thì ghi là: no ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti (nhưng họ vẫn chưa đạt được mục-tiêu của họ). Do ở đây chỉ có 09 tầng chứng đắc thiền định được nói ra, cho nên không hiểu sao kinh này lại được xếp vào Quyển "Mười" này. Để đạt được 10 giai-đoạn, tôi đã phân chia giai-đoạn cuối thành 02 phần như vầy (tách trạng thái cuối ra thành thứ 10, nghe cũng hợp lý). Nhưng tôi không chắc làm như vầy có đúng với ý định nguyên thủy của bài kinh hay không.] (2136)

2137 [Câu cuối: Saṅghe te viharato phāso bhavissati. Nghĩa gốc là: "Vì thầy

sống trong Tăng Đoàn, sẽ có sự an ổn [thư thái, dễ sống]." (Chúng ta luôn thấy trong hầu hết các kinh khác Phật luôn khuyến khích những Tỳ kheo, sau khi đã học hiểu giáo lý, hãy tự mình đi tìm chỗ tách-ly xa lánh ẩn dật để thiền tu, vì đó là cách tốt nhất để tu tập cái tâm của mỗi người. Nhưng ở cuối kinh này Phật lại có lời khuyên ngược lại với thầy Upāli! Vì sao vậy?). Mp đã diễn dịch và giải thích ý nghĩa ở đây là: "[Phật] yêu cầu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn và không cho phép thầy ấy lánh về sống tu trong rừng núi. Tại

sao? [Vì Phật nghĩ như vầy:] 'Nếu thầy ấy sống trong rừng núi, thầy ấy chỉ hoàn thành được bổn phận tu-tập của mình, chứ không hoàn thành được bổn phận học-hiểu. Nhưng nếu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn, thì thầy ấy sẽ hoàn thành được cả 02 bổn phận đó: (i) tức sẽ đạt tới mục tiêu A-la-hán và (ii) cũng trở thành bậc đệ nhất về Luật Tạng. Vậy thì, ta sẽ giải thích cho thầy ấy hiểu về tâm-nguyện và quyết-tâm của thầy ấy trong kiếp trước, và sau đó sẽ chọn thầy ấy là đệ nhất trong những đệ tử thiện thạo về

Luật Tạng.’ Sau khi đã nhìn thấy ích-lợi lớn lao này, Vị Thầy đã không cho phép thầy Upāli đi sống tu ẩn lánh ở những nơi rừng núi xa xôi.”] (2137)

2138 [Samaṇasaññā: nhận-thức của sa-môn. Giống 03 điều đầu tiên trong “10

điều một người đã xuất gia thường nên quán chiếu”. Coi kinh 10:48 và các chú thích số 2053, 2054, 2055 trong kinh đó về 03 điều này.] (2138)

2139 [Trong kinh gốc thì cả 03 loại trí-biết (minh) này đều được ghi giãn lược

như vầy. Kinh 6:02 (và nhiều kinh khác) thì ghi đầy đủ sự mô tả chi tiết của từng loại trí-biết này.] (2139)

2140 [Ps I 188,32–189,4, khi luận giải kinh MN 8, mục 12, (19), (20), đã chú

giải sự-biết sai lạc (micchāñāṇa) là sự ngu-mờ, tức si (moha) khởi sinh khi một người, sau khi đã làm những hành-động xấu ác hay suy niệm một ý-nghĩ xấu ác, người đó quán chiếu lại điều đó và vẫn nghĩ rằng “Tôi đã làm điều tốt”. (Vậy là ngu mờ, không nhìn ra sự sai-lạc của mình). Còn sự giải-thoát sai lạc (micchāvimutti) khởi sinh khi một người không được giải thoát mà nghĩ “Tôi đã được giải thoát” hoặc không phải là sự giải-thoát mà người đó cứ tin đó là sự giải-thoát thực sự.] (2140)

2141 [Theo chỗ Ps I 188,35–189,9, sự-biết đúng đắn (sammā-ñāṇa, chánh tri)

được giải thích là 19 loại ‘trí-biết (nhờ) quán chiếu lại’ [coi Thanh Tịnh Đạo, Vism 676,4–29, Ppn 22.20–21), và sự giải-thoát đúng đắn (sammāvimutti) là những yếu-tố của tâm đồng hành với thánh quả. Tôi thấy cách đơn giản hơn nhiều là diễn dịch “sự-biết đúng đắn” hay “sự-biết đúng đắn” chính là sự trực-tiếp biết dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán và “sự giải-thoát đúng đắn” đơn giản là sự giải-thoát của tâm khỏi những ô-nhiễm chính yếu (những āsava (lậu hoặc) lớn như tham, sân, si …) và những loại ô-nhiễm nhỏ hơn khác.] (2141)

Chú Thích • 299

2142 [Đây là một kinh song hành được mở rộng từ kinh 1:314 và 1:315.]

(2142)

2143 [Kinh này giống kinh SN 45:01, nhưng kinh đó chỉ nói tới chỗ (8) sự

định-tâm sai lạc (micchāsamādhi) (mặt tối, vô minh) và (8) sự định-tâm đúng đắn (sammsamādhi) (mặt sáng, minh). Luận giảng Mp không chú giải gì nhiều ở đây, nhưng luận giảng Spk III 116,5–6, khi chú giải về câu này trong kinh SN 45:01, giải thích rằng: {Vô-minh là thứ dẫn đầu (pubbaṅgama) theo 02 cách: (i) là một điều-kiện đồng khởi sinh (sahajāta: một điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là điều-kiện trợ giúp quyết định (upanissaya: một điều-kiện (duyên) mạnh để cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). Spk-pṭ II 103 [ấn bản VRI] còn nói thêm rằng vô-minh là thứ dẫn đầu đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái đồng thời khớp với sự không-hiểu của nó về đối-tượng, vì vậy chúng chấp những hiện-tượng vô thường là thường hằng … Nó vừa là một thứ dẫn đầu đồng khởi sinh vừa là bị chi phối

bởi vô-minh, không nhìn thấy sự nguy-hại, và sát sinh, gian cắp, tà dâm tà dục, nói dối nói láo, và dính vào những hành-động thất giới-hạnh khác.}

- (Nhân tiện, Spk giải thích luôn: {Sự không biết xấu-hổ (ahirika) (về mặt đạo đức) có tính chất của sự thiếu sỉ-nhục (alajjanā) hay sự thiếu lương-tâm đối với những điều xấu ác; sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái (anottappa) có tính chất của sự thiếu sợ-hãi (abhāyanā, đối với hành vi xấu ác). Spk giải nghĩa chữ anudeva [hay anvadeva trong Be] là: sah' eva ekato' va, na vinātena uppajjati (nó khởi sinh cùng với nó, trong sự đồng nhất, không phải không cùng với nó).}] (2143)

2144 [Chỗ luận giảng Spk III 117,27–31 có nói rằng những chi phần này

không cùng nhau xảy ra trong đạo thế-tục mà chỉ xảy ra cùng nhau trong đạo siêu-thế. Thậm chí trong sự tu tập phần đạo thế-tục, sẽ là một sai lầm nếu cho rằng 08 phần (08 chi đạo) sẽ lần lượt xảy ra theo thứ tự như vậy. Cách- nhìn đúng đắn (chánh kiến) nói chung là người dẫn-dắt cho 07 phần (chi đạo) kia, và nói riêng nó là điều-kiện trực tiếp (duyên) cho ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Cách-nhìn đúng đắn và ý-định đúng đắn sẽ hợp nhau làm điều-kiện (duyên) cho 03 phần lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), hành-động đúng đắn (chánh nghiệp), và sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng). Đến lượt 03 phần

này lại làm cơ sở cho sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) và sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm). Sự định-tâm đúng đắn (chánh định) là kết quả từ sự phối-hợp của sự nỗ-lực đúng đắn và sự tâm-niệm đúng đắn. Còn sự-biết đúng đắn (chánh tri, sammā ñāṇa) là trí-tuệ của thánh đạo A-la-hán, và sự giải- thoát đúng đắn (chánh giải-thoát, sammā vimutti) là sự giải-thoát khỏi những ô-nhiễm lớn (lậu hoặc, āsava) xảy ra thông qua sự-biết đúng đắn. Đỉnh cao của nó (của sự giải-thoát) chính là "sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ" (anāsava cetovimutti paññāvimutti) của một A-la- hán.] (2144)

2145 [Nijjarā: sự phai mòn, sự mòn đi. "Sự phai mòn" của nghiệp cũ thông qua

những sự khổ-hạnh là quan niệm căn bản của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Phật đã mượn chữ này để đưa ra ý nghĩa mới. Coi thêm kinh 3:74 về 03 loại "sự phai mòn" đã được dạy bởi Phật.] (2145)

2146 [Mp giải thích rằng ở đất nước này, người ta không hỏa tang thi thể

người thân mà đem chôn. Sau khi thời gian xác đã hủy hoại hết chỉ còn bộ xương, họ đào lên và rửa sạch xương và sắp xếp các xương lại, và thờ cúng với nhang hương và những vòng hoa. Khi nào có chòm sao [điềm lành] xuất hiện, họ sẽ mang xương ra để than khóc và ai oán, sau đó họ chơi [trò chơi, quay quần kiểu] chòm sao.] (2146)

2147 [Asekha: vô học nhân, nghĩa người đã vượt qua sự tu học, đã tu học xong,

đã hoàn thành tám phần thánh đạo, và do vậy, có được sự-biết đúng đắn (sammāñāṇa, chánh trí) và sự giải-thoát đúng đắn (sammāvimutti) vượt trên tám phần thánh đạo

đó.] (2147)

2148 [Nguyên văn cả câu này: Adhammo ca bhikkhave veditabbo anattho ca;

dhammo ca veditabbo attho ca. Ở đây, chữ dhamma nên được hiểu rộng hơn theo nghĩa là 'nguyên-lý của sự tốt lành' và 'chân lý, sự thật' hơn nghĩa hẹp tiêu chuẩn của nó là 'giáo lý' hay 'giáo pháp' của Phật. Và chữ attha nên được hiểu theo nghĩa là 'điều tốt lành, ích lợi, và lợi lộc' [theo nghĩa tâm linh], 'điều dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc dài lâu' cho con người. Chữ này cũng có nghĩa là "ý nghĩa". Thường thì chữ dhamma và attha thường được sánh đôi những 02 vấn đề được hiểu và cần được đề cao trong tiến trình quán niệm, ví dụ như trong các thuật ngữ thường thấy atthaveda và dhammaveda,

hoặc atthapaṭisaṃvedī dhammapaṭisaṃvedī.] (2148)

2149 [Tiếp theo sau đây là đoạn kinh mẫu thường thấy trong các kinh trước khi

dẫn tới sự giảng giải của một Tỳ kheo về 'lời dạy vắn tắt' của Phật, thường người giảng giải đó là Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) hay Ngài Ānanda.] (2149)

2150 [Bản tương đương trong Hán tạng là kinh MĀ 188. Phần đầu [chỗ T I

734a29–c24], là gần như tương ứng với kinh 10:116, nhưng nó có thêm một "khối" lời kinh giống như kinh MN 76, mục 21,13–29, là phần chuyện châm biếm về lời tuyên bố đã đạt tới sự toàn-tri của một vị thầy nào đó. Phần sau của kinh [chỗ T I 734c25–735b25], thì tương tự với kinh 10:115.] (2150)

2151 [Chữ Paṇḍita có nghĩa là "người có trí người, người có học". Vì vậy tôi

không chắc đây là tên riêng hay chỉ là biệt danh của người đó.] (2151)

2152 [Nguyên văn chữ này là cittaṭṭhānasatāni. Mp giải nghĩa nó là = cit-

tuppādasatāni. Tôi nghĩ có lẽ nên thay cinta- vào chỗ citta- (nghĩa là tâm-) thì sẽ hợp nghĩa với ngữ cảnh lời kinh. Bản chép tay của Miến Điện có đề cập chỗ này trong những "chú thích" thuộc Ee cũng thực sự ghi là cinta-] (2152)

2153 [Nguyên văn câu này: Paṇḍito vata bho paṇḍito vata bho. Chữ Paṇḍito

đề cập lại cái tên của vị du sĩ ngụy biện này.] (2153)

2154 [03 trường hợp này là ghi giống nhau trong cả Ce, Be, và Ee. Phiên bản

Be thì kết thúc tại đây, nhưng Ce thì ghi thêm 02 đoạn là (iv) và (v), và Ee thì chỉ ghi thêm 01 đoạn (iv).] (2154)

2155 [02 đoạn (iv) và (v) trong ngoặc […] là có ghi trong Ce nhưng không có

trong Be và Ee. Ở đoạn cuối tôi thấy rất lạ là trong "thế giới tư duy" của kinh tạng Nikāya lại có đặt vấn đề là 02 triết lý hợp với Giáo Pháp được dùng để chống đối bác bỏ nhau trong một sự bài bác, và cũng vô lý là "một hội chúng hợp với Giáo Pháp"

(dhammikā parisā) lại được mô tả là "ồn ào và náo nhiệt" (uccāsaddā mahāsaddā). Thông thường, cách mô tả như vậy chỉ dành cho một hội chúng những du sĩ ngoài đạo Phật [như trong kinh 10:93] hoặc một nhóm những gia chủ ồn ào gây nên sự huyên náo [như trong kinh 5:30 …] Chỉ có 01 trường hợp cụm chữ này được dùng để mô tả một nhóm Tỳ

kheo [kinh MN 67], nhưng bởi do huyên náo như vậy nên sau đó họ đã bị Phật đuổi đi.

- Ở chỗ 02 đoạn trong ngoặc […] này của Ce thì Be lại có 01 đoạn ghi là: "Có người bác bỏ và bài xích một triết lý trái với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: 'Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!'." Lời kinh này là đúng với lẽ thường, rằng một triết lý hợp với Giáo Pháp sẽ thắng một triết lý trái với Giáo Pháp; nhưng ở đây câu sau cũng lại thấy là vô lý, rằng "một hội chúng hợp với Giáo Pháp" lại được mô tả là "ồn ào và náo nhiệt".] (2155)

2156 [Phần thi kệ này cũng được ghi trong tập kinh "Pháp Cú", Dhp 86–89.]

(2156)

2157 [Nguyên văn câu này: Te loke parinibbutā. Câu này cũng có thể dịch

nghĩa là: "Họ đã đạt tới niết-bàn trong thế gian" (theo nghĩa gốc của động từ đã niết-bàn (nibbutā) là đã tắt ngấm hay đã dập tắt dục-vọng).] (2157)

2158 [PED giải thích chữ paccorohaṇī có nghĩa "lễ đi xuống lại" (?), là sự tiếp

cận hay đi xuống, bước xuống, đặc biệt, chỗ lửa thiêng". SED sv pratyava- rohaṇa (Phạn) nói đó là: "Một lễ hội Gṛhya [gia chủ] trong tháng Mārgaśirṣa" [khoảng tháng 11-12].] (2158)

2159 [Nguyên văn hai câu đảnh lễ này: Paccorohāma bhavantaṃ, paccoro-

hāma bhavantaṃ. Từ câu đảnh lễ này rõ ràng thấy lễ hội tên paccorohaṇī là bắt nguồn từ tên của nó. SED giải thích động từ pratyavarohati có nghĩa: "đi xuống, bước xuống [từ chỗ ngồi, từ xe ngựa…] để tôn vinh …" Rõ ràng những bà-la-môn đang đi xuống để tôn vinh thần lửa Agni, đại diện cho nguồn năng lượng bao trùm của vũ trụ.] (2159)

2160 [Chỗ này tôi làm theo Ce không có ghi chữ dhammaṃ trong câu; Be và

Ee thì có ghi.] (2160)

2161 (Ngay chỗ kinh (146) này người dịch cũng đảo thứ tự thành đường sáng

trước đường tối, và do vậy tên kinh cũng được sửa thành "Đường Sáng". Đúng theo bản gốc của Tỳ Kheo Bồ-Đề thì ghi ngược lại và thầy ấy có chú

thích chỗ này như vầy:) [Ở đây tôi làm theo Be, ghi đường tối trước, đường sáng sau trong kinh này và kinh 10:190. Ce và Ee ở đây thì ghi đường sáng trước đường tối sau, nhưng cả 02 lại ghi ngược lại trong kinh 10:190. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong Be, trong khi Ce thì ghi tên kinh này là "Đường Sáng" nhưng kinh 10:190 nó lại ghi là "Đường Tối".] (2161).

2162 [Kinh 10:167 này là kinh song hành tương ứng của kinh 10:119; và kinh

kế sau 10:168 là kinh song hành tương ứng của kinh 10:120.

- (02 kinh trước (10:119 và 10:120) là nói về 10 phần tà-đạo; 02 kinh sau (10:167 và 10:168) là nói về 10 điều (nghiệp) bất thiện).] (2162)

- (02 đoạn được người dịch đánh dấu trong ngoặc {...} trong 02 kinh 10:119 và 10:138 là giống hệt nhau).

2163 [Kinh 10:169 này là kinh song hành tương ứng của kinh 10:117; kinh kế

sau 10:170 là kinh song hành tương ứng của kinh 10:118.

- (02 kinh trước (10:117 và 10:118) là nói về 10 phần tà-đạo; 02 kinh sau (10:169 và 10:170) là nói về 10 điều (nghiệp) bất thiện).] (2163)

2164 [Có những sự song hành tương ứng giữa các kinh 10:171 và 10:113;

10:172 và 10:115; 10:173 và 10:114.

- (03 kinh trước (10:113, 10:115, và 10:114) là nói về 10 phần tà-đạo và 10 phần chánh-đạo; 03 kinh sau (10:171, 10:172, và 10:173) là nói về 10 điều (nghiệp) ác và 10 điều (nghiệp) thiện).] (2164)

2165 [Đây chính là Cunda đã cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Đức Phật. Coi

thêm kinh dài DN 16, mục 4.17–19.] (2165)

2166 [Nguyên văn chữ này: soceyyāni. Nghĩa của nó không được rõ ràng ngay

và Mp không giải nghĩa chữ này. Chữ soceyya thong thường có nghĩa là "sự trong sạch, sự thanh lọc" (sự tinh khiết, sự thanh tẩy, sự thanh tịnh), nhưng từ ngữ cảnh nàu của bài kinh, dường như điều này đề cập tới một loại lễ nghi, lễ cúng.] (2166)

2167 [04 loại phụ nữ sau là: (ii) những phụ nữ được bảo vệ bởi những người

304 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 10

đồng đạo trong đạo của họ, (iii) những phụ nữ đã có chồng hoặc đã được (cha mẹ) hứa gả cho người khác từ lúc mới sinh ra hay lúc còn nhỏ, (iv) những phụ nữ mà ai quan hệ tính dục với họ sẽ dẫn tới bị kết án hình sự (theo tục lệ hay pháp luật), và (v) một cô gái đã được quen biết hay gần như đã hứa hôn với một người nam (như kiểu: đã có 'bạn trai' hay 'hôn thê').] (2167)

2168 [Cả 03 phiên bản đều ghi chữ này là bajjhantu (để họ bị trói). Mp không

đưa ra chú giải nào, nhưng kinh MN 41, mục 10 chúng ta thấy ghi chữ va- jjhantu, được giải nghĩa bởi Ps II 332,16 là vadhaṃ pāpuṇantu (để họ bị tàn sát) và bởi Ps-pṭ II 230 (ấn bản VRI) là maraṇaṃ pāpuṇantu (để họ chết). Vì vậy tôi chọn nghĩa theo chữ vajjhantu coi đây là cách ghi đúng ở đây.] (2168)

2169 [Nghi lễ này được gọi trong tiếng Pāli là: saddhāni; tiếng Phạn: śrāddhāni. SED sv khi giảng về chữ śrāddha nói rằng: "Đây là một nghi lễ để tôn vinh và làm ích lợi cho những người thân đã chết, được tuân thủ một cách nghiêm ngặt tại những thời điểm chu kỳ ấn định khác nhau (giông giống phong tục cúng kính ở Việt Nam như cúng cơm, cúng bữa, cúng theo ngày, cúng ba ngày (mở cửa mả), cúng bảy ngày (thất)... vậy), và đây là dịp để những người còn sống xum họp vui vầy cũng như để họ thương khóc người đã mất. [Vào những dịp lễ cúng này, mỗi ngày họ đều dâng cúng nước uống và ngày cúng chính thì có dâng cúng những piṇḍa (cơm vo tròn) và bữa ăn (mâm cỗ) cho ba thế hệ ông bà phía nội và ba thế hệ ông bà phía ngoại [cha, ông nội, ông cố]. Nên nhớ rằng lễ cúng śrāddha không phải lễ cúng đám tang, mà là các lễ cúng cơm nước bổ sung sau đó; đây là một hành động tôn kính mà những người thân thuộc con cháu thực hiện đối với một người chết, và được cho là cung cấp cho người chết 'những dưỡng-chất' sau khi những nghi lễ đám tang trước đó để giúp cho họ có được thân thể thanh khiết nhẹ tinh; thật vậy, sau khi những nghi lễ đám tang (anteyeṣṭi) đã thực hiện xong, và cho đến kế tiếp là lễ cúng (śrāddha) đầu tiên thì người chết mới trở thành một hồn ma bất an lang thang (preta) và không có thân thực ... ; chỉ sau khi lễ cúng (śrāddha) đầu tiên đã diễn ra xong thì người đó mới đạt được trạng thái như những Pitṛ (Những Vị Cha Thiên Thánh) trong một cõi phúc lành được gọi là Cõi Pitṛ (Pitṛ-loka), và lễ cúng śrāddha được mong muốn nhất và hiệu quả nhất là khi nó được thực hiện bởi một người con trai của người mất.] (2169)

Chú Thích • 305

2170 [10 đường nghiệp bất thiện này, và 10 đường nghiệp thiện ở phần sau,

chắc là lý do kinh này được kết tập trong Quyển "Mười" .] (2170)

2171 [Chữ anuppannā ghi trong Ce nên được sửa lại thành upapannā như cách

ghi trong Be và Ee, và rõ ràng cần phải được sửa lại cho đúng với ngữ cảnh lời kinh ở đây.] (2171)

2172 [Nguyên văn câu này: Aṭṭhānepi bhavaṃ gotamo parikappaṃ vadati. Mp

giải thích: "[Bằng câu này] ý bà-la-môn muốn hỏi: 'Trường hợp là dịp sai [để chia sẻ công đức bố thí] mà Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố có phước quả của việc cúng thí cho người thân đó?' Ở đây vì bà-la-môn nắm giữ niềm tin rằng người cúng sẽ không có được phước quả gì nếu sự cúng đồ được cúng vào những dịp sai như vậy. Nhưng đức Thế Tôn, sau khi đã biết được ý ông ta hỏi nên đã chỉ ra rằng: 'Người cúng sẽ có được (hưởng) phước-quả của việc cúng-thí đó' ở bất cứ nơi nào mà người cúng (sau này) tái sinh vào đó, ở bất cứ chỗ nào người cúng (sau khi chết) sẽ sống còn nhờ những phước của chính mình.'".] (2172)

2173 [NHÓM 3 này là trùng tên và song hành tương ứng với NHÓM 4 của

phần “NĂM MƯƠI KINH THỨ BA”.] (2173)

- (Lưu ý: trong dãy này kinh tóm lược này: (a) để cho tương ứng với kinh dẫn đầu là kinh 10:178, và (b) để cho người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’, người dịch đã tự ý đảo thứ tự chỗ số kinh (183), (184), (185); trong kinh gốc thứ tự những chỗ này là ngược lại. Nhưng trong giảng giải sau đó thì luôn ghi theo thứ tự ‘10 xấu’ trước, và ‘10 tốt’ sau.)

- (Ngay chỗ kinh (190) này người dịch cũng tự ý đảo thứ tự thành đường sáng trước đường tối; do vậy tên kinh cũng được sửa lại “Đường Sáng”, (a) để cho tương ứng khớp với kinh dẫn đầu là 10:189 và người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’. Đúng theo bản dịch của Tỳ Kheo Bồ-Đề thì chỗ này là ngược lại và thầy ấy có ghi trong chú thích 2161 ở dãy kinh 146 (2)154 (10) ở trên như vầy: [Ở đây tôi làm theo Be, ghi đường tối trước, đường sáng sau trong kinh (146) ở trên và và kinh (190) này. Ce và Ee ở (146) ghi đường sáng trước, đường tối sau, nhưng ghi ngược lại ở (190) này. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong Be, trong khi Ce thì kinh (146) ghi tên là “Đường Sáng” nhưng kinh (190) ghi là lại ghi tên là “Đường Tối”.] (2161).)

2174 [NHÓM 5 này là được tạo thêm, trùng tên và song hành tương ứng với

NHÓM 1 của phần “NĂM MƯỜI KINH THỨ TƯ”.] (2174)

2175 [Ee sáp nhập 11 kinh này với NHÓM kế trước, do vậy nó chỉ tính như 01

kinh trong NHÓM kế trước. Tôi làm theo Ce và Be ghi thành 12 kinh riêng biệt. Như vậy từ chỗ này trở đi, cách đánh số kinh của tôi đã khác lệch rất nhiều với số kinh của Ee.] (2175)

2176 [Tôi không thấy kinh này khác với kinh kế trên điều gì, ngoại trừ phần

ghi tóm lược. Tôi vẫn dịch y theo kinh gốc, chỉ tóm lược thêm chút chỗ cách- nhìn sai lạc và cách-nhìn đúng đắn. Không có văn bản nào nói về điều này. Mp không chú giải gì về 05 kinh đầu tiên của NHÓM này.] (2176)

2177 [Nguyên văn cả câu này: Saṃsappanīyapariyāyaṃ vo bhikkhave dhammapariyāyaṃ desessāmi. Mp giải nghĩa là: “Một bài thuyết Pháp có “sự bò trườn” là chủ đề của nó.] (2177)

2178 [Mp giải nghĩa: “Bằng cách làm nghiệp (sát sinh) đó, người đó đó trườn

tới, bò trườn quanh quẩn, uốn éo quanh co.] (2178)

2179 [Ulūkā: con cú. Con cú được đưa vào đây vì nó hoạt động một cách lén

lút và lẩn trốn (khi thấy người). Bản Hán tạng tương đương ở T I 273c27–28 thì đề cập chỉ 04 động vật là: rắn, chuột, mèo, và cáo.] (2179)

2180 [Nguyên văn cụm chữ này là sañcetanikānaṃ kammānaṃ, trong đó chữ

kammānaṃ được ghi ở thể số nhiều. Tôi đã thường dùng/dịch chữ "kamma" theo nghĩa số ít. Nhìn vào sự thật rằng chữ kamma (nghiệp) theo định nghĩa đã là (hành động) cố-ý (cetanā 'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi), cho nên chữ "nghiệp cố-ý" nghe hơi thừa, nhưng tôi vẫn dịch đúng theo nguyên chữ Pāli. Rõ ràng lời kinh ở đây đang diễn đạt lại theo 02 nghĩa của chữ kamma: (i) nghĩa gốc của nó là "hành động, việc làm" và (ii) nghĩa mở rộng của nó là 'khả năng tạo ra những quả nhất định về mặt lương tâm'. Nghĩa đầu, có lẽ, được nhấn mạnh bằng nghĩa kata (đã làm, đã được làm), và nghĩa thứ hai được nhấn mạnh bằng nghĩa upacita (đã được tích lũy, được tàng trữ) cũng như bằng sự đề cập tới những thời gian nghiệp có thể chín muồi.] (2180)

2181 [Về 03 thời kiếp có thể chín muồi của nghiệp, mời coi lại chú thích số

Chú Thích • 307

372 ở kinh 3:34, đoạn (1). Lời tuyên thuyết của Phật rằng 'không có sự kết- thúc nghiệp cố-ý cho tới chừng nào người (tạo nghiệp) chưa nếm trải những quả của nghiệp' dường như mâu thuẫn với một trong những tiên-đề chính của giáo lý Phật giáo, đó là, 'sự giải-thoát—tức sự chấm-dứt khổ—trong đó người tu không cần phải nếm trải những quả của tất cả nghiệp mình đã tích lũy trong quá khứ.' Tư tưởng giáo lý này [ít nhất theo các bộ kinh Nikāya] đã được chủ trương bởi những người đạo Jain (Ni-kiền-tử), như đã được ghi trong kinh MN 14, mục 17; MN 101, mục 10. Tuy nhiên, do vòng luân-hồi tái sinh là "không có điểm khởi đầu có thể nhìn thấy được" (anamatagga saṃsāra), và trong một quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy chúng ta đều đã tích lũy muôn trùng nghiệp, điều đó hầu như cần một thời gian vô hạn để tiêu trừ hết nghiệp đó bằng cách nếm trải những quả của chúng. Đức Phật đã dạy chìa khóa dẫn tới sự giải-thoát không phải là phải xóa sạch tất cả nghiệp quá khứ [bằng cách nếm trải quả của chúng hay bằng sự hành-xác khổ hạnh như các giáo phái khác đã chủ trương] mà bằng cách loại bỏ những ô-nhiễm (lậu hoặc). Những bậc A-la-hán, bằng cách kết thúc những ô-nhiễm (lậu tận), đã dập tắt tiềm-năng chín quả của tất cả mọi nghiệp trong quá khứ, vượt khỏi tàn dư có thể chín quả của chúng trong kiếp cuối cùng của họ. Mp giải thích lời tuyên bố này của kinh có một hàm nghĩa là: "Lời tuyên bố muốn cho thấy rằng chừng nào vòng luân-hồi (saṃsāra) còn tiếp tục, nếu còn nghiệp đã có được khả năng chín muồi (paṭiladdhavipākārahakamma) thì 'không có nơi nào trên trái đất một người có thể thoát khỏi một nghiệp ác'." [câu trích dẫn: na vijjati so jagatippadeso, yatthaṭṭhito mucceyya pāpakammā là từ kinh Pháp Cú, Dhp 127]. Nói cách khác, luận điểm ở đây là không phải tất cả mọi nghiệp đã tạo ra sẽ phải chín muồi thành quả, mà bất kỳ nghiệp nào được tạo ra và được tích lũy đều có tiềm năng chín muồi chừng nào một người còn trôi giạt trong vòng luân-hồi. Kinh 10:219 bên dưới có bản tương đương trong Hán tạng là MĀ 15 (T I 437b24–438b11) cũng mở đầu bằng lời tuyên thuyết tương tự như kinh 10:217 này. Lời tuyên thuyết (ở T I 437b26–28) được ghi như là: "Nếu một người đã làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó phải nếm trải quả của nó: người đó nếm trải nó trong kiếp này hay trong một kiếp sau. Nhưng nếu người đó đã không làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó sẽ không nếm trải quả của nó" (, , . ,). Bản Hán

tạng chỉ đưa ra 02 khả năng thời gian chín muồi thành quả của nghiệp và

không nói gì về lời tuyên thuyết gây khó hiểu này.”] (2181)

2182 [Nguyên văn câu này: Kāyakammantasandosabyāpatti. Mp giải nghĩa là

“một tội lỗi có trong hành-động (nghiệp) của thân” (kāyakammanta-saṅkhātā vipatti). Rõ ràng ở đây Mp hiểu chữ sandosa và byāpatti chuyển tải cùng một nghĩa là vipatti, nhưng tôi vẫn coi đây là một dạng chữ ghép đẳng-lập [dvan- da]: “sự suy-đồi và sự thất-bại”.] (2182)

2183 [Về con súc sắc, kinh 3:118 có chú thích như vầy: [Hột súc sắc (apaṇṇako maṇi). Mp-ṭ nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có 6 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vậy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīḷāpasu-tānaṃ maṇisadiso pāsakaviseso).] (582).] (2183)

2184 [Bài kinh này rõ ràng không khác gì kinh 10:217 kế trên, chỉ khác là: nội

dung các điều (1)-(10) chỉ được dẫn tóm lược và bỏ đi câu ví dụ con súc sắc.] (2184)

2185 [Mặc dù lời của bài kinh [trong cả 03 phiên bản] đều không có ghi chữ

peyyāla (tóm lược) ở đây [đẻ chỉ có sự ‘giãn lược’ lời kinh lặp lại ở đây] nhưng có thể rằng ngay chỗ này bài kinh từ nguyên gốc đã có ghi đoạn nói về ‘10 đường nghiệp’ [giống như 02 kinh kế trên]. Vì chỉ có đúng như vậy thì mới đúng lý do để bài kinh được kết tập trong Quyển “Mười” này. Thêm nữa, sự chuyển đổi thành câu “sa kho so … ariyasāvako evaṃ vigatābhijjho vigatabyāpādo asammūḷho” trong đoạn tiếp theo, với sự đề cập một chủ-đề xác định, đã hàm nghĩa rằng nguyên gốc chỗ này được dẫn trước bằng một đoạn kinh đã được nói trước đó về người thánh đệ tử. Chúng tôi tìm thấy đầy đủ đoạn đó, đúng thực vậy, trong bản Hán tạng tương đương là kinh MĀ 15, vốn là sự tổng hợp của 02 kinh 10:217–10:218 và kinh này.

- Cấu trúc của kinh MĀ 15 là như sau: Sau lời tuyên thuyết mở đầu, Phật đã định nghĩa 10 loại nghiệp thiện của thân, lời-nói, và tâm. Rồi Phật nói rằng, một thánh đệ tử đã được chỉ dạy giục bỏ 03 loại nghiệp bất thiện [thân, lời- nói, và tâm] và tu dưỡng 03 loại nghiệp thiện. Tại chỗ này thì “người thánh đệ tử đó” (), sau khi đã có được sự nỗ-lực (tinh tấn) và giới- hạnh, đã thanh lọc nghiệp thân, lời-nói, và tâm của mình. Vị đó không còn

sự sân-giận và sự hung-dữ, đã xua tan sự buồn-ngủ đờ đẫn (hôn trầm thụy miên), đã loại bỏ sự bất-an và sự kiêu-ngạo, đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, và đã vượt khỏi sự tự-ta (ngã mạn). Người đó có chánh-niệm, có được sự rõ-biết (tỉnh giác), và không còn ngu-mờ. Rồi vị đó bao trùm 10 phương và toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái và 03 tâm vô-lượng kia.] (2185)

2186 [Nguyên văn cả câu trong ngoặc là: ‘Yaṃ kho pana kiñci pamāṇakataṃ

kammaṃ, na taṃ tatrāvasissati, na taṃ tatrāvatiṭṭhati.' Mp nhận định "nghiệp hữu lượng" là nghiệp trong cõi dục-giới (kāmāvacarakamma), đó là, nghiệp sẽ tới lúc sản sinh những quả của nó trong cõi dục-giới. Do người đệ tử ở đây được mô tả là một bậc Bất-lai [hay người sẽ trở thành Bất-lai] nên người đó sẽ tái sinh trong cõi sắc-giới và không bao giờ rớt xuống lại cảnh dục-giới. Như vậy nghiệp dục-giới không thể tìm thấy cơ hội nào để chín muồi.] (2186)

2187 [Như đã nói trong những chú thích trước đây, chữ kamma trong tiếng Pāli

mang 02 nghĩa thường khó phân biệt: (i) theo nghĩa từ nguyên của nó chỉ là một hành-động hay một việc-đã-làm, và (ii) theo nghĩa cứu rỗi hay tâm thần học là một hành-động (cố-ý) được coi là nguồn lực về mặt lương tâm có thể đưa đến những hậu-quả mang tính 'trả giá' hay 'thưởng phạt'. Còn lời kinh chỗ này nghe cũng lạ, nó nói dứt khoát rằng 'một người tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ thì không thể làm nghiệp xấu'. Đối với tôi hình như, cho dù người một người (tâm-từ) có thể không làm hành-động xấu bởi do sự sân và sự ác-ý nhưng họ vẫn có thể làm những nghiệp xấu, thậm chí nhiều nghiệp nhỏ xấu, do bị thúc đẩy bởi tham và si; (cách hiểu tương tự đối với người tu tập tâm-bi, tâm-hỷ, tâm-xả).] (2187)

2188 [Tiếp theo chú thích kế trên: câu này nghe cũng thấy cũng không đúng

[trái với trực giác nhận biết của người đọc]. Những ai không làm những nghiệp xấu trong kiếp này thì chắc chắn vẫn có thể phải chịu những quả của những nghiệp xấu trong những kiếp trước. Có như vậy nên thầy Mục-kiền- liên mới bị ám sát và bản thân Phật cũng bị thương bởi một mảnh đá nhọn bung ra từ tảng đá mà Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã xô để ám sát Phật. Những người đức-hạnh (có giới-hạnh trong sạch) không phải là những A-la-hán cũng chịu đựng sự khổ đau về tâm lý (khổ tâm), chứ không chỉ bị khổ đau về thân (khổ thân), là hậu quả của những tình huống không mong muốn. Ví dụ,

thầy Ānanda, là một Tỳ kheo đại đức, đã cảm thấy buồn rầu và lo âu khi Phật ngã bệnh, còn cô đại thí chủ Visākhā, là một bậc thánh Nhập-lưu, đã khóc lóc vì cái chết của đứa cháu ngoại của cô.] (Chỗ này Người dịch Việt nghĩ rằng: lời kinh chỗ này chỉ đơn giản là một câu 'chân lý' Phật đã nói ra theo ngữ cảnh đang chỉ dạy giáo-lý, tức là: "không làm nghiệp xấu thì không nếm trai khổ đau; có làm nghiệp xấu thì nếm trải quả khổ đau", chứ không phải nói theo toàn bối cảnh thực tế hay hiện thực của một người đang sống trong kiếp này, bởi vì người trong kiếp này, như thầy TKBĐ mới nói, chắc chắn phải nếm trải những nghiệp xấu đã làm trong những kiếp trước, và điều này lại nữa cũng đúng theo nghĩa 'chân lý' mà Phật mới nói mà thôi!). (2188)

2189 [Nguyên văn câu này: Cittantaro ayaṃ bhikkhave macco. Mp chú giải

nghĩa là: "Họ có tâm là nhân của họ, hoặc có bên-trong của họ là nhờ vào tâm (cittakāraṇo, atha vā citten'eva antariko). Bởi vì với cái tâm vào lúc tái- sinh nó (lập tức) kế tiếp cái tâm lúc chết chứ không có trung-gian, một người (lập tức) trở thành một

thiên thần, một chúng sinh trong địa ngục, hay một súc sinh.”.] (2189)

2190 [‘Thân được sinh từ nghiệp’, nguyên văn chữ này là karajakāya. Tôi dịch

theo nghĩa gốc của nó, có thể thành nghĩa quen thuộc là “cái thân phàm trần này” hay “cái thân hữu tử này”. DOP sv khi chú giải chữ kara, định nghĩa đây là: “Một thân được sản sinh bởi nghiệp, một thân xác”. Kinh SN 12:37 (Quyển 2) thì nói thân là “nghiệp cũ” (purāṇamidaṃ … kammaṃ).] (2190)

2191 [Mp giải thích nghĩa câu này như vầy: “Bằng phương tiện tâm-từ, cái

cảm-giác (lẽ ra) sẽ được nếm trải khi tái-sinh sẽ được dứt bỏ, và do vậy nó không còn đi theo người đó. Đây là cách quán-chiếu về một đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu hay Nhất-lai.” Giả định rằng, tất cả nghiệp xấu đều được nếm trải ở đây (sabbaṃ taṃ idha vedanīyaṃ), ngay trong kiếp này, và sẽ không theo người (na taṃ anugaṃ bhavissati) bởi vì sự tái-sinh kiếp sau là trong cõi sắc-giới, ở đó không có trải nghiệm khổ đau, và người đó sẽ chứng luôn Niết-bàn từ cõi sắc-giới đó chứ không quay lại thế gian dục-giới này nữa.] (2191)

2192 [Nguyên văn câu này: Idha paññassa bhikkhuno uttariṃ vimuttiṃ ap-

paṭivijjhato. Mp diễn dịch và giải thích nghĩa ở đây là: “Một Tỳ kheo có trí ở

đây: Trí-tuệ trong giáo lý này được gọi là ‘trí-tuệ ở đây’. Nghĩa [của chữ ‘một Tỳ kheo có trí ở đây’] là một đệ tử thánh thiện là người đã ổn định trong trí- tuệ thánh thiện thuộc giáo lý này” (imasmiṃ sāsane paññā idhapaññā nāma, sāsanacaritāya ariyapaññāya ṭhitassa ariyasāvakassā ti attho).] (2192)

2193 [Mp gọi đây là một bậc “Bất-lai thiền định” (jhānānāgāmitā). Những

người như vậy đã chứng ngộ 02 thánh quả thấp (Nhập-lưu và Nhất-lai) và chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới (jhāna) nhưng chưa thực sự đạt tới giai đoạn Bất-lai. Bằng nghiệp-lực của các tầng thiền định của họ, họ sẽ được tái sinh trong cảnh sắc-giới, ở đó họ sẽ chứng đắc những thánh đạo và thánh quả cao hơn chứ không còn quay lại xuống cảnh dục-giới; như vậy họ được gọi là những bậc “Bất-lai thiền định”. “Sự giải-thoát xa hơn” (uttariṃ vi- mutti) là chỉ thánh quả A-la-hán (xa hơn Bất-lai). Quý vị có thể coi thêm chú thích 539 ở cuối kinh 3:94.] (2193)

2194 [Ee thì dồn 03 kinh 226, 227, 228 này vào kinh kế trước thành 01 kinh là

225 luôn.] (2194)

2195 [Cả Ce và Ee đều không đánh số cho NHÓM này. Tuy nhiên, Ce có đánh

số các kinh trong nhóm này như thể nhóm này là được tính là NHÓM 3 [do vậy nó bắt đầu bằng số kinh là 10.5.3.1, trong đó số 5 là phần “NĂM MƯƠI KINH THỨ NĂM” VÀ 3 (như) là NHÓM 3 vậy]. Còn Be thì bắt đầu đánh số kinh là 23, tức là liên tục theo số kinh của những NHÓM trước của nó …] (2195)

2196 [Ce đánh số các kinh của nó từ chỗ này là 10.5.3.1 cho đến 10.5.3.510.

Be, như đã nói, thì luôn đếm số liên tục từ đầu tới cuối Quyển, nên đánh số kinh ở đây từ 237 đến 746. Còn Ee thì đánh số kinh từ 217 đến 219, tức là nó sáp nhập tất thảy những phần còn lại vào 01 kinh kinh 219. Tôi thì làm theo Be: từ 237-746.] (2196)

2197 [Hơi lạ và cá biệt rằng: sự-biết đúng đắn và sự giải-thoát đúng đắn lại

được coi là những là điều-kiện (duyên) để có được sự trực-tiếp biết, bởi vì [như định nghĩa và chú giải thì 02 đó chính là trí-biết và sự giải-thoát của A- la-hán] thường thì bản thân chúng là kết quả của sự trực-tiếp biết.] (2197)

2198 [Ngay chỗ này Ce và Ee còn thêm chữ upasamāya (sự làm nguôi dịu

tham).] (2198)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.